BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 395 /QĐ-MĐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép thí sinh thi Olympic cấp Trường năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Chương V "Hoạt động nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên" quy định về việc Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên, ban hành theo Quyết định số 2311/QĐ-MĐC, ngày 25/12/2023;

Căn cứ Quyết định số 303/QĐ-MĐC ngày 03/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc Thành lập Ban Tổ chức kỳ thi Olympic cấp Trường năm học 2025-2026;

Căn cứ kế hoạch hàng năm về NCKH và thi Olympic trong sinh viên và số lượng sinh viên đăng ký tham dự thi Olympic cấp Trường năm học 2025-2026;

Theo đề nghị của Trưởng Ban tổ chức kỳ thi Olympic cấp Trường năm học 2025-2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép các thí sinh (có tên trong danh sách kèm theo) tham dự kỳ thi Olympic cấp Trường năm học 2025-2026 gồm các môn: Đại số, Giải tích, Tin học, Vật lý, Hoá học, Hình họa, Sức bền vật liệu, Cơ lý thuyết, Cơ kết cấu, Cơ học đất, Chi tiết máy, Thủy lực, Ứng dụng tin học trong thiết kế chi tiết máy, Khoa học Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Tiếng Anh (3 mức độ) được tổ chức dưới hình thức thi trực tiếp vào **ngày 21/3/2026 (Thứ Bảy)**.

Điều 2. Giao cho Ban Tổ chức kỳ thi Olympic cấp Trường lập kế hoạch cụ thể về thời gian, địa điểm, những yêu cầu khác liên quan tới việc tổ chức thi và thông báo rộng rãi tới các thí sinh. Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên kết hợp cùng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường thông báo, theo dõi việc tham dự thi của thí sinh và xử lý kỷ luật đối với các thí sinh vi phạm quy chế thi và bỏ thi không có lý do.

Điều 3. Ban Tổ chức thi Olympic cấp Trường, phòng KHCN, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường, phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục, phòng Quan hệ Công chúng và Doanh nghiệp, phòng Hành chính tổng hợp, phòng Cơ sở vật chất, trung tâm Ngoại ngữ - Tin học HUMG, khoa Công nghệ thông tin, các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB, KHCN.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS.TS Nguyễn Thế Vinh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : CƠ HỌC KẾT CẤU

PHÒNG THI: A208

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	CK01	Trần Việt	Anh	2421070372	20/06/2006	Kỹ thuật xây dựng K69	
2	CK02	Trần Thị Lan	Anh	2421070375	30/01/2006	DCXDXD69A	
3	CK03	Nguyễn Hoàng	Anh	2421070612	12/06/2005	Xây dựng K69	
4	CK04	Lê Thái	Bảo	2421070128	01/12/2006	Xây dựng K69	
5	CK05	Nguyễn Lương	Bắc	2421070210	09/03/2006	Kỹ thuật xây dựng K69	
6	CK06	Trần Tiến	Chính	2421070415	14/12/2006	Xây dựng dân dụng và công	
7	CK07	Nguyễn Đức	Duy	2421070523	20/10/2006	Xây Dựng K69	
8	CK08	Nguyễn Văn	Duy	2321020069	01/01/2005	Địa kỹ thuật xây dựng K68	
9	CK09	Nguyễn Khương	Duy	2421070003	16/09/2006	Quản lý xây dựng 69A	
10	CK10	Lê Đức	Duy	2421070282	20/10/2006	Quản lý xây dựng k69	
11	CK11	Nguyễn Tùng	Dương	2421070387	24/11/2006	Xây Dựng K69	
12	CK12	Vì Văn	Đại	2321020019	14/06/2005	Địa kĩ thuật xây dựng K68	
13	CK13	Lương Hữu	Đoàn	2321070263	09/08/2005	Xây dựng dân dụng và công nghiệp K68	
14	CK14	Nguyễn Việt	Đức	2421070041	06/12/2006	Kỹ thuật xây dựng k69	
15	CK15	Ngô Trung	Hiếu	2221070068	20/02/2004	Xây Dựng Hạ Tầng Cơ Sở K67	
16	CK16	Nguyễn Phú	Hoàn	2421070458	15/08/2006	Kỹ thuật xây dựng k69	
17	CK17	Chu Huy	Hoàng	2421070530	12/02/2006	Xây dựng K69	
18	CK18	Hà Huy	Hoàng	2221020008	20/01/2004	Địa chất K67	
19	CK19	Hoàng Thái	Học	2321070020	09/08/2005	Lớp Xây Dựng Hạ Tầng Cơ Sở K68	
20	CK20	Lê Ngọc Huy	Huy	2421070601	09/03/2006	Kĩ thuật xây dựng_03A k69	
21	CK21	Quách Huy	Hưng	2421070515	10/07/2006	Xây dựng K69	
22	CK22	Lê Văn	Kiên	2221070274	17/10/2004	Quản lý xây dựng k67	
23	CK23	Nguyễn Quốc	Khánh	2421070233	10/09/2006	Kỹ thuật Xây dựng K69	
24	CK24	Lê Hồng	Lâm	2221070239	25/01/2004	quản lý xây dựng k67	
25	CK25	Nguyễn Khánh	Long	2421070545	26/11/2006	Kĩ thuật xây dựng dân dụng và công nghiệp k69	
26	CK26	Nguyễn Đức	Minh	2221070153	12/12/2004	Xây dựng K67	
27	CK27	Trần Tuấn	Nam	2421070611	23/03/2006	Xây Dựng k69	
28	CK28	Phạm Quang	Ninh	2421070151	16/09/2006	Xây Dựng k69	
29	CK29	Phạm Thành	Nguyên	2421070496	01/04/2006	Xây dựng k69	
30	CK30	Nguyễn Đình	Nguyên	2421070129	27/10/2006	Kĩ thuật xây dựng k69	
31	CK31	Triệu Hồng	Phong	2421070571	27/08/2006	Xây dựng hạ tầng cơ sở B K69	
32	CK32	Nguyễn Tuấn	Quang	2221020036	03/06/2004	Địa chất 67	
33	CK33	Hoàng Hữu	Sáng	2421070529	09/08/2006	Hạ tầng cơ sở k69	
34	CK34	Nguyễn Lệ	Toàn	2421070568	10/12/2006	Xây dựng k69	
35	CK35	Trần Văn	Toản	2321070298	12/10/2005	Xây dựng dân dụng và công nghiệp K68	
36	CK36	Nguyễn Vũ Sơn	Tùng	2221070002	22/04/2004	Xây dựng Hạ tầng cơ sở K67	
37	CK37	Nguyễn Văn	Tùng	2321070074	18/06/2005	Quản Lý Xây Dựng K68	
38	CK38	Nguyễn Tiến	Thành	2421070109	23/02/2006	Xây dựng 69	
39	CK39	Nguyễn Ngọc	Thắng	2321070147	06/10/2005	Xây dựng dân dụng và công nghiệp K68	
40	CK40	Đặng Đình	Trọng	2421070102	23/10/2006	Kỹ Thuật Xây Dựng K69	
41	CK41	Đặng Tuấn	Trung	2421070566	16/12/2006	Xây Dựng K69	
42	CK42	Tạ Xuân	Trường	2421070200	05/04/2006	Xây dựng k69	
43	CK43	Nguyễn Thị Hải	Yến	2421070301	04/07/2006	Kĩ thuật xây dựng cơ sở hạ tầng k69B	

(Tổng số 43 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : GIẢI TÍCH

PHÒNG THI: D1-1

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	GT01	Nguyễn Quốc	An	2321060565	17/11/2005	Hệ thống điện K68	
2	GT02	Tạ An	An	2521060531	05/12/2007	Động lực K70	
3	GT03	Nguyễn Hoàng	Anh	2521070442	26/09/2007	Xây dựng K70	
4	GT04	Âu Thị Lan	Anh	2421030086	12/01/2005	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản 69A	
5	GT05	Nguyễn Ngọc	Anh	2421030035	05/08/2006	Quản Lý Đô Thị Và Bất Động Sản k69	
6	GT06	Hà Tú	Anh	2521050509	05/12/2007	Khoa học dữ liệu k70b	
7	GT07	Nguyễn Hoàng	Anh	2321060287	03/05/2005	Kỹ thuật ROBOT và Trí tuệ nhân tạo K68	
8	GT08	Đào Thị Hồng	Anh	2224011180	01/02/2004	Kế toán K67	
9	GT09	Nguyễn Tuấn	Anh	2321060446	22/03/2005	Tự động hoá k68	
10	GT10	Nguyễn Huy	Anh	2321060221	01/11/2005	Tự Động Hoá B k68	
11	GT11	Nguyễn Thị Thùy	Anh	2321060186	16/10/2004	Công Nghệ Kỹ Thuật Điện Điện Tử K68	
12	GT12	Nguyễn Trung	Anh	2521060115	27/01/2007	Kỹ thuật Robot K70	
13	GT13	Vũ Việt	Anh	2521020068	23/07/2007	Kỹ thuật Địa chất K70	
14	GT14	Lê Thị Hồng	Ánh	2424010134	26/08/2006	Quản lí công nghiệp K69	
15	GT15	Phạm Quang	Bách	2321060360	03/01/2005	Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử 68	
16	GT16	Nguyễn Quang	Bách	2521060447	14/11/2007	Tự động hóa K70	
17	GT17	Lưu Văn	Bi	2421080063	15/03/2006	Kỹ Thuật Môi Trường K69	
18	GT18	Vũ Mạnh	Cường	2421060216	05/07/2006	Kỹ thuật điện k69	
19	GT19	Hà Phương	Chi	2421050136	04/02/2006	Khoa học dữ liệu B K69	
20	GT20	Hà Thế	Doanh	2521060406	27/04/2007	Cơ Khí Động Lực K70	
21	GT21	Lê Văn	Dũng	2221060629	06/01/2004	Tự đông hoá K67C	
22	GT22	Khuất Tiến	Dũng	2521050407	22/02/2007	Địa chất K70 - D2	
23	GT23	Nguyễn Công	Dũng	2521050449	21/07/2007	Công nghệ thông tin-D2 k70	
24	GT24	Lưu Quang	Dũng	2421050117	22/11/2006	Công ngệ thông tin K69b	
25	GT25	Hoàng Mạnh	Duy	2421050160	31/10/2006	Công nghệ thông tin k69	
26	GT26	Phạm Nhật	Duy	2121060607	07/12/2003	Tự động hóa C1 K66	
27	GT27	Nguyễn Đức	Dương	2321030215	16/08/2005	Địa tin học K68	
28	GT28	Đan Thị Thuỳ	Dương	2521050238	15/11/2007	Công nghệ thông tin K70	
29	GT29	Ngô Quỳnh	Dương	2421060505	20/09/2006	Công Nghệ Chế Tạo Máy K69A	
30	GT30	Nguyễn Tiến	Đạt	2521060121	27/12/2007	Tự Động Hóa K70	
31	GT31	Nguyễn Văn Tiến	Đạt	2521060760	19/11/2007	Tự động hoá K70	
32	GT32	Đào Tiến	Đạt	2421060204	30/05/2006	Cơ Khí K69	
33	GT33	Nguyễn Quốc	Đoàn	2221060771	26/06/2004	Hệ Thống Điện K67	
34	GT34	Nguyễn Văn	Đức	2421050189	18/09/2006	KHOA HỌC DỮ LIỆU K69	
35	GT35	Nguyễn Đăng	Đức	2521060465	25/09/2007	Cơ khí K70	
36	GT36	Lê Đăng	Đức	2321010134	05/07/2005	Công nghệ kỹ thuật hoá học k68	
37	GT37	Phùng Minh	Đức	2321060120	08/12/2005	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử K68	
38	GT38	Vũ Mạnh	Đức	2521060093	27/12/2007	Kỹ thuật Robot K70	
39	GT39	Đào Như	Hải	2521050333	11/09/2007	DCCTCT70C2	
40	GT40	Nguyễn Thị Thu	Hiền	2421050125	06/07/2006	Khoa học dữ liệu K69	
41	GT41	Nguyễn Hoàng	Hiệp	2321010032	01/12/2005	Khoan khai thác k68	
42	GT42	Bùi Minh	Hiếu	2221050683	05/12/2004	Tin học Kinh tế K67B	
43	GT43	Võ Văn	Hiếu	2521050205	19/02/2007	Công nghệ thông tin k70	
44	GT44	Vũ Minh	Hiếu	2421060666	16/02/2006	Điện Công Nghiệp C K69	
45	GT45	Nguyễn khắc	Hiếu	2421060550	04/11/2006	Điện khí hóa mỏ k69	
46	GT46	Nguyễn Quốc	Hoàn	2521060413	27/11/2007	Khỹ thuật cơ khí động lực-K70B	
47	GT47	Lê Đức	Hoàng	2421060431	03/12/2006	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá K69	
48	GT48	Lê Thị Minh	Hồng	2421050143	30/03/2006	Công nghệ Thông Tin K69	
49	GT49	Nguyễn Xuân	Huế	2421060319	01/01/2006	Điện công nghiệp k69 01 A	
50	GT50	Bùi Văn	Hùng	2421060178	28/10/2006	Điện Công Nghiệp A K69	
51	GT51	Nguyễn Quốc	Huy	2121060597	25/03/2003	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa K66	

52	GT52	Đào Quang	Huy	2521050052	18/08/2007	Công nghệ thông tin K70	
53	GT53	Ngô Quốc	Huy	2521070097	19/02/2007	Xây dựng K70	
54	GT54	Trần Tấn	Hưng	2321060099	10/12/2005	Robot và trí tuệ nhân tạo K68	
55	GT55	Phạm Phú Hoàng	Khải	2521050322	14/08/2007	CNTT K70	
56	GT56	Nguyễn Đăng	Khoa	2421050071	12/10/2006	Công nghệ Thông tin K69 B	
57	GT57	Nguyễn Anh	Khoa	2521050239	12/04/2007	Công nghệ thông tin A2 K70	
58	GT58	Nguyễn Tiến	Khởi	2321050038	22/06/2005	Công nghệ phần mềm K68	
59	GT59	Nguyễn Tùng	Lâm	2521060686	15/08/2007	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa K70	
60	GT60	Nguyễn Bích	Liên	2521050298	23/12/2007	Cntt k70	

(Tổng số 60 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : GIẢI TÍCH

PHÒNG THI: D2-1

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	GT61	Nguyễn Hoàng	Long	24521010059	28/09/2007	Công nghệ kĩ thuật hoá học K70B	
2	GT62	Nguyễn Đức	Long	2521060219	25/06/2007	Kỹ thuật Cơ khí K70	
3	GT63	Nguyễn Hoàng	Long	2321060041	06/06/2005	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa K68B	
4	GT64	Nguyễn Hoàng Long	Long	2521010059	28/09/2007	Công nghệ hoá họcK79B	
5	GT65	Lương Vũ Lộc	Lộc	2521080176	19/07/2007	môi trường k70	
6	GT66	Trần Ngọc	Luân	2421060515	11/08/2006	Kĩ thuật điện k69	
7	GT67	Nguyễn Đại	Lực	2321050118	29/06/2005	Công nghệ thông tin k68	
8	GT68	Bùi Hữu	Lượng	2321060546	12/12/2005	Kỹ thuật điện K68	
9	GT69	Đỗ Hương	Ly	2421050170	01/07/2006	Công nghệ thông tin K69	
10	GT70	Nguyễn Duy	Mạnh	2421060624	03/06/2006	Địa khí hoá mỏ k69	
11	GT71	Nguyễn Hữu	Minh	2521050015	25/07/2007	DCCTCT70C2	
12	GT72	Nguyễn Công	Minh	2421030109	25/06/2006	Trắc địa bản đồ k69	
13	GT73	Lưu Đình	Nam	2421030107	14/04/2006	Trắc địa bản đồ k69	
14	GT74	Vũ Ngọc Hoài	Nam	2321060229	07/12/2005	Tự Dộng Hoá BK68	
15	GT75	Hồ Phương	Nam	2321060145	26/02/2005	Tự động hóa K68	
16	GT76	Nguyễn Năng	Nam	2221060055	28/09/2004	Kĩ thuật điện 67 03	
17	GT77	Nguyễn Thống	Nhất	2221060817	01/03/2004	Điện - Điện tử K67	
18	GT78	Hoàng Việt	Nhật	2521060333	03/01/2007	Kĩ thuật điều khiển và tự động hóa K70	
19	GT79	Nguyễn Đức	Nhật	2421060033	30/08/2006	Kỹ thuật ô tô K69	
20	GT80	Hoàng Tú	Nhi	2421010134	10/05/2006	Kỹ thuật Địa vật lý K69	
21	GT81	Bùi Linh	Nhi	2224010941	17/12/2004	Kế toán K67	
22	GT82	Tạ Yên	Nhi	2224011103	26/09/2004	Kế toán B2 K67	
23	GT83	Đỗ Thành	Phát	2321050121	28/05/2005	Công nghệ thông tin K68A	
24	GT84	Đường Giải	Phóng	2521060361	30/04/2007	Cơ Khí K70	
25	GT85	Lê Đức	Phúc	2221060821	14/10/2004	Điện điện tử K67	
26	GT86	Chu Hồng	Phúc	2521060860	08/10/2007	Kĩ thuật điện K70	
27	GT87	Nguyễn Đình	Quang	2421060587	05/07/2006	Điện Công Nghiệp C	
28	GT88	Đặng Minh	Quân	2421060473	07/02/2006	Tự đông hóa K69	
29	GT89	Hoàng Tiến	Quân	2421060464	18/02/2006	Kĩ thuật điện K69	
30	GT90	Lê Thị Ngọc	Quyên	2221020071	19/09/2004	Du lịch địa chất k67	
31	GT91	Nguyễn Thúy	Quỳnh	2521050276	19/02/2007	Công nghệ thông tin k70b2	
32	GT92	Nguyễn Văn	Sáng	2321060048	22/04/2005	Cơ Khí - Chế tạo máy K68	
33	GT93	Nguyễn Đình Thái	Sơn	2421060023	27/01/2006	TỰ ĐỘNG HÓA K69	
34	GT94	Triệu Nguyên	Tài	2221050556	09/02/2005	Hệ thống thông tin A K67	
35	GT95	Nguyễn Anh	Tài	2421060440	01/11/2006	Điện hóa mỏ k69	
36	GT96	Nguyễn Minh	Tâm	2521060662	03/06/2007	Cơ khí K70	
37	GT97	Nguyễn Trọng	Tiến	2421080114	18/08/2006	Quản Lý Tài Nguyên Môi Trường K69A	
38	GT98	Đỗ Duy	Tiến	2221050180	31/05/2004	Công nghệ phần mềm K67 B	
39	GT99	Lê Thế	Toàn	2221050652	29/12/2004	Công Nghệ Phần Mềm C - K67	
40	GT100	Dương Anh	Tú	2221060656	04/04/2004	Kỹ thuật ô tô B K67	
41	GT101	Chu Anh	Tú	2421060196	03/09/2006	cơ điện tử k69	
42	GT102	Trần Văn	Tuân	2521060600	24/02/2007	Tự động hóa k70	
43	GT103	Đinh Minh	Tuấn	2321060408	05/08/2005	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử K68	
44	GT104	Nguyễn Tiến	Tùng	2421060314	27/07/2006	Cơ Điện K69	
45	GT105	Bùi Anh	Tùng	2521070151	06/11/2007	Kỹ thuật xây dựng K70	
46	GT106	Nguyễn Văn	Tùng	2521070021	10/02/2007	Xây dựng công trình ngầm thành phố và hệ thống tàu điện K70	
47	GT107	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	2224010202	20/07/2004	KẾ TOÁN K67	
48	GT108	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	2521050358	09/11/2007	Công nghệ thông tin K70	
49	GT109	Lê Thành	Thái	2421060585	15/02/2006	kĩ thuật điện k69 -02	
50	GT110	Lê Văn	Thành	2421060183	19/12/2006	Ô Tô K69	
51	GT111	Phí Trung	Thành	2521060964	24/07/2007	Cơ điện tử K70B	
52	GT112	Lê Thị Phương	Thảo	2524010463	01/08/2007	Kế toán K70B2	
53	GT113	Đoàn Thị Diệu	Thảo	2521020034	16/11/2007	Đá quý đá mỹ nghệ k70	
54	GT114	Nguyễn Văn	Thịnh	2221060540	07/11/2004	công nghệ điện điện tử k67	
55	GT115	Nguyễn Tiến	Thịnh	2521050216	19/12/2007	Khoa học dữ liệu k70B	

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
56	GT116	Vũ Thị	Thuỷ	2521050535	19/11/2007	Công Nghệ Thông Tin K70B	
57	GT117	Ngô Thanh	Thuý	2521040033	19/08/2004	An Toàn Vệ Sinh Lao Động K70	
58	GT118	Mai Anh	Thư	2321000019	13/02/2005	Hoá dược 68	
59	GT119	Đỗ Văn	Trọng	2421060228	26/11/2006	Hệ Thống Điện K69	
60	GT120	Phạm Văn	Trường	2221060625	15/12/2004	DCCDKTDDT67	
61	GT121	Nguyễn Đăng	Trường	2521061067	27/10/2007	Tự động hoá K70	
62	GT122	Trần Ngọc Tú	Uyên	2521020243	21/10/2007	Kỹ thuật địa chất K70	
63	GT123	Trần Khánh	Vân	2321000013	11/03/2005	Hoá dược K68	
64	GT124	Nguyễn Hoàng	Việt	0373323335	17/03/2005	Tự động hoá k68	
65	GT125	Lê Đình	Vũ	2521060104	12/11/2007	Kỹ thuật Robot K70	
66	GT126	Nguyễn Tuấn	Vũ	2521060997	12/08/2007	Kỹ thuật robot K70	
67	GT127	Nguyễn Anh	Vũ	2421060606	05/10/2006	Kĩ thuật điện k69	
68	GT128	Đào Duy	Vượng	2421060221	28/11/2006	Kỹ Thuật Điện K69	
69	GT129	Mai Thị	Xuân	2321000039	14/12/2005	Hóa dược K68	

(Tổng số 69 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : TIẾNG ANH K69

PHÒNG THI: A303

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	TA69-01	Trần Bình	An	2421050130	23/03/2006	Công nghệ Thông tin K69	
2	TA69-02	Phùng Thị Hà	An	2421050049	15/03/2006	Công nghệ thông tin A K69	
3	TA69-03	Đặng Mai	Anh	2524010557	11/04/2007	Quản trị kinh doanh K70	
4	TA69-04	Đỗ Đức	Anh	2421030015	02/08/2006	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ K69	
5	TA69-05	Lương Việt	Anh	2421060565	17/06/2005	Cơ khí K69	
6	TA69-06	Kiều Tú	Anh	2424010267	19/01/2006	Quản trị TMĐT K69	
7	TA69-07	Bùi Hoàng	Anh	2421060049	05/12/2006	Kỹ thuật Ô tô K69	
8	TA69-08	Trịnh Lê	Anh	2421060022	14/08/2006	Tự Động Hóa K69	
9	TA69-09	Hoàng Tuấn	Anh	2421020085	30/12/2005	Kỹ thuật địa chất k69	
10	TA69-10	Vũ Hoàng Trâm	Anh	2424010143	18/11/2006	Kế Toán K69	
11	TA69-11	Đặng Châu	Anh	2521000333	14/10/2007	Ngôn ngữ anh K70	
12	TA69-12	Nguyễn Vân	Anh	2421030122	23/12/2006	Địa tin học K69	
13	TA69-13	Nguyễn Quỳnh	Anh	2421020192	19/07/2006	Du Lịch địa chất K69	
14	TA69-14	Lê Hoàng	Anh	2521040145	13/06/2007	An toàn vệ sinh lao động K70	
15	TA69-15	Trần Đăng Minh	Anh	2521000185	22/08/2007	Ngôn ngữ anh K70 B1	
16	TA69-16	Lương Quang	Anh	2421050141	15/02/2006	Công Nghệ Thông Tin C K69	
17	TA69-17	Lê Ngọc Trang	Anh	2424010137	09/07/2006	Quản trị kinh doanh K69	
18	TA69-18	Doãn Thị Minh	Anh	2424010156	25/12/2006	Quản trị Kinh doanh K69	
19	TA69-19	Chu Ngọc	Anh	2421030003	30/11/2006	Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản	
20	TA69-20	Dương Trần Nhật	Anh	2321050002	17/05/2005	Công Nghệ Thông Tin K68	
21	TA69-21	Hà Việt	Anh	2521050263	29/10/2007	Công nghệ Thông tin A1 K70	
22	TA69-22	Lê Thị	Ánh	2424010030	06/12/2006	Tài chính ngân hàng k69	
23	TA69-23	Lê Xuân	Bách	2421060647	25/04/2006	Tự động hóa K69	
24	TA69-24	Vương Gia	Bảo	2421050115	07/03/2006	Công Nghệ Thông Tin K69	
25	TA69-25	Nguyễn Ngọc	Bảo	2421050076	14/04/2006	DCCTCT69B	
26	TA69-26	Nguyễn Ngọc	Bích	2424010029	04/03/2006	Kế toán K69	
27	TA69-27	Nguyễn văn	Bình	2421060253	22/03/2002	Cơ khí chế tạo máy k69	
28	TA69-28	Nguyễn Thị Thanh	Bình	2424010140	10/06/2006	Tài chính ngân hàng K69	
29	TA69-29	Nguyễn Danh Thành	Công	2521060061	18/05/2007	kỹ thuật điện k70a3	
30	TA69-30	Hà Phương	Chi	2421050136	04/02/2006	Khoa học dữ liệu K69B	
31	TA69-31	Nguyễn Quỳnh	Chi	2424010173	10/12/2006	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng A K69	
32	TA69-32	Trần Văn	Chí	2424010099	03/12/2006	Quản trị kinh doanh K69	
33	TA69-33	Chử Văn	Chiến	2421050191	02/02/2006	Công Nghệ Thông Tin C K69	
34	TA69-34	Nguyễn Doãn	Danh	2421010110	14/07/2006	Thiết bị dầu khí k69	
35	TA69-35	Lê Xuân	Diệu	2424010233	24/03/2006	Kế toán K69	
36	TA69-36	Lê Văn	Duẩn	2421060345	25/01/2006	Kỹ thuật robot và tria tuệ nhân tạo	
37	TA69-37	Đỗ Tấn	Dũng	2421050001	10/03/2006	Công Nghệ Thông Tin A K69	
38	TA69-38	Lê Minh	Dũng	2321060047	19/04/2005	Kĩ thuật cơ khí động lực	
39	TA69-39	Phạm Sỹ	Dũng	2421060034	29/06/2006	Robot và chí tuệ nhân tạo	
40	TA69-40	Nguyễn Long Vũ	Dũng	2421060372	28/11/2006	Kĩ thuật điện K69	
41	TA69-41	Nguyễn Khánh	Dũng	2521050532	22/11/2007	Công Nghệ Thông Tin C2 K70	
42	TA69-42	Nguyễn Đức	Duy	2421050144	17/03/2006	Công Nghệ Thông Tin C K69	
43	TA69-43	Nguyễn Vũ	Duy	2521050359	08/02/2007	Khoa Học Dữ Liệu K70	
44	TA69-44	Nguyễn Văn	Duy	2421030051	26/12/2006	Quản lý đất đai K69A	
45	TA69-45	Trần Khánh	Duy	2421070195	04/12/2006	Quản lý xây dựng k69	

(Tổng số 45 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : TIẾNG ANH K69

PHÒNG THI: A306

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	TA69-46	Đỗ Văn	Duy	2421010146	20/06/2006	Chương trình tiên tiếnh K69	
2	TA69-47	Nguyễn Thái	Dương	2421060040	02/10/2006	Tự động hóa K69	
3	TA69-48	Phạm Hoàng	Dương	2421010027	17/07/2006	Khoan- Khai thác K69	
4	TA69-49	Lê Hữu	Đại	2421060009	22/10/2006	Kỹ thuật ô tô 69	
5	TA69-50	Nguyễn Xuân	Đạt	2421050196	18/10/2006	Khoa Học Dữ Liệu B K69	
6	TA69-51	Nguyễn Xuân	Đạt	2421060098	29/11/2006	Công nghệ kỹ thuật Điện Điện Tử K69	
7	TA69-52	Trần Văn	Đô	2421060191	23/08/2006	Công nghệ kỹ thuật điện-điện tử K69	
8	TA69-53	Phạm Văn	Đồng	2421050013	04/07/2006	Khoa học dữ liệu K69	
9	TA69-54	Hà Minh	Đức	2421060410	21/12/2006	kỹ thuật điện công nghiệp A k69	
10	TA69-55	Nguyễn Tùng	Đức	2421010126	13/01/2006	Khí thiên nhiên K69	
11	TA69-56	Lê Ngọc	Đức	2421060038	12/20/0006	Kỹ Thuật Điều Khiển Và Tự Động Hoá	
12	TA69-57	Nguyễn Minh	Đức	2421050014	13/06/2006	Công nghệ thông tin A	
13	TA69-58	Trịnh Hoài	Đức	2421050086	12/12/2006	Công nghệ thông tin B K69	
14	TA69-59	Mai Danh	Đức	2521050013	07/08/2007	Công nghệ thông tin K70	
15	TA69-60	Phạm Minh	Đức	2421060192	07/09/2006	Robot K69	
16	TA69-61	Trần Thị	Giang	2421050010	19/11/2006	Công nghệ thông tin K69A	
17	TA69-62	Nguyễn Đức	Giang	2421060167	30/06/2006	Robot và trí tuệ nhân tạo K69	
18	TA69-63	Nguyễn Ngọc Linh	Giang	2424010028	22/08/2006	Kế Toán K69	
19	TA69-64	Nguyễn Thu	Hà	2424010128	08/07/2006	Tài chính ngân hàng k69	
20	TA69-65	Nguyễn Thế	Hà	2421010073	17/09/2006	Chương trình tiên tiến k69	
21	TA69-66	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	2421060187	07/07/2006	Kỹ thuật Robot và trí tuệ nhân tạo K69	
22	TA69-67	Hoàng Kim	Hà	2421010153	25/01/2006	Khoan khai thác K69	
23	TA69-68	Hoàng Tuấn	Hải	2421060500	28/08/2006	Hệ thống điện K69	
24	TA69-69	Nguyễn Công	Hải	2421060168	29/03/2006	Kỹ thuật điện K69	
25	TA69-70	Nguyễn Khắc	Hải	2421050008	26/04/2006	Công nghệ thông tin A K69	
26	TA69-71	Mai Phương	Hạnh	2421070379	04/02/2006	Quản lý xây dựng K69B	
27	TA69-72	Nguyễn Minh	Hào	2421050022	15/04/2006	Công nghệ thông tin K69	
28	TA69-73	Trần Thu	Hằng	2321000003	05/10/2005	Hoá dược K68	
29	TA69-74	Nguyễn Thị	Hằng	2424010147	09/04/2006	DCKTCN69 02A	
30	TA69-75	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	2524010156	16/02/2007	Quản trị kinh doanh K70	
31	TA69-76	Trần Minh	Hiền	2421040009	29/03/2006	Kỹ thuật mỏ K69	
32	TA69-77	Hoàng Văn	Hiến	2521070253	10/06/2007	kỹ thuật xây dựng k70	
33	TA69-78	Hoàng Thu	Hiền	2424010256	24/11/2006	Logistics và quản lí chuỗi cung ứng A-K69	
34	TA69-79	Nguyễn Minh	Hiếu	2421050157	17/04/2006	Công nghệ thông tin C K69	
35	TA69-80	Nguyễn Trung	Hiếu	2421050082	26/08/2006	Công nghệ thông tin K69B	
36	TA69-81	Trần Minh	Hiếu	2421030084	02/09/2006	Địa tin học K69	
37	TA69-82	Nguyễn Trung	Hiếu	2421050108	20/07/2006	Công Nghệ Thông Tin K69B	
38	TA69-83	Nguyễn Minh	Hiếu	2421060260	23/08/2006	Điện công nghiệp k69c	
39	TA69-84	Đặng Trung	Hiếu	2421060068	29/01/2006	Hệ Thống Điện K69	
40	TA69-85	Lê Chung	Hiếu	2421060269	24/09/2006	Hệ thống điện K69	
41	TA69-86	Nguyễn Duy	Hiếu	2321060309	11/06/2005	Robot K68	
42	TA69-87	Dương Thị	Hoà	2421060365	08/09/2006	Kỹ thuật ROBOT và Trí tuệ nhân tạo K69	
43	TA69-88	Nguyễn Min	Hoà	2521000386	27/12/2007	Ngôn Ngữ Anh K70	
44	TA69-89	Nguyễn Thị Phương	Hồng	2424010159	28/08/2006	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng B K69	
45	TA69-90	Lê Thị	Huệ	2421050030	17/07/2006	Công nghệ thông tin K69A	

(Tổng số 45 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : TIẾNG ANH K69

PHÒNG THI: A404

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	TA69-91	Nguyễn Khắc Gia	Huy	2421060005	19/10/2006	Tự Động Hoá K69	
2	TA69-92	Ngô Quang	Huy	2421060003	13/02/2006	Công nghệ chế tạo máy 03A	
3	TA69-93	Nguyễn Viết	Huy	2421060316	18/03/2006	Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử	
4	TA69-94	Nguyễn Quang	Huy	2421070186	08/08/2006	DCXDXD69 04A	
5	TA69-95	Vũ Thanh	Huyền	2424010221	18/08/2006	Tài chính - Ngân hàng K69	
6	TA69-96	Trần Thanh	Huyền	2424010009	26/09/2006	Kế toán K69	
7	TA69-97	Trần Hoàng	Hưng	2421060503	25/01/2006	Tự Động Hoá K69	
8	TA69-98	Nguyễn Tuấn	Hưng	2421060123	05/08/2006	Điện- Điện tử k69	
9	TA69-99	Hoàng Thị Thúy	Hường	2424010125	07/10/2006	logistic và quản lí chuỗi cung ứng A k69	
10	TA69-100	Lê Hồng	Kỳ	2421050060	18/04/2006	Công nghệ thông tin A K69	
11	TA69-101	Đỗ Công	Khang	2421060001	09/05/2006	Hệ thống điện 69	
12	TA69-102	Bùi Hoàng Gia	Khánh	2421080004	30/08/2006	Quản lý tài nguyên và môi trường k69B	
13	TA69-103	Bùi Hà Quốc	Khánh	2421070250	03/09/2006	Xây dựng K69	
14	TA69-104	Bùi Anh	Khoa	2421040002	05/11/2006	An toàn vệ sinh lao động K69	
15	TA69-105	Đặng Hoàng	Lan	2424010105	29/08/2006	Kế toán K69	
16	TA69-106	Vũ Thị	Lành	2424010203	05/02/2006	Kế toán K69	
17	TA69-107	Bùi Tùng	Lâm	2421030153	12/01/2006	Quản Lý Đất Đai K69A	
18	TA69-108	Phạm Phương	Linh	2421050009	03/11/2006	Khoa Học Dữ Liệu K69A	
19	TA69-109	Nguyễn Thảo	Linh	2421050012	22/01/2006	Công nghệ thông tin K69A	
20	TA69-110	Nguyễn Huyền	Linh	2424010251	20/10/2006	Tài Chính Ngân Hàng K69	
21	TA69-111	Đỗ Thị Thuỳ	Linh	2421020207	11/04/2006	Du lịch địa chất K69B	
22	TA69-112	Đỗ Ngọc	Linh	2424010040	07/06/2006	Tài chính - Ngân hàng K69	
23	TA69-113	Trần Đức	Linh	2421060662	09/12/2006	Kỹ thuật cơ khí K69	
24	TA69-114	Nguyễn Ngọc	Linh	2521010060	09/06/2007	Kĩ thuật Khí thiên nhiên K70	
25	TA69-115	Nguyễn Thùy	Linh	2524010034	20/03/2007	Quản lý công nghiệp K70C	
26	TA69-116	Nguyễn Ngọc	Linh	2424010007	28/01/2006	Tài chính - Ngân hàng K69	
27	TA69-117	Đặng Thị Mai	Linh	2424010182	05/02/2006	Tài chính Ngân hàng K69	
28	TA69-118	Nguyễn	Linh	2521000090	17/08/2007	Ngôn Ngữ Anh K70	
29	TA69-119	Trần Thị Mỹ	Linh	2421020073	12/02/2006	Du lịch địa chất K69A	
30	TA69-120	Đỗ Khánh	Linh	2421030247	14/10/2006	Trắc địa bản đồ K69	
31	TA69-121	Trần Khánh	Linh	2521070089	05/09/2007	Quản Lí Xây Dựng K70	
32	TA69-122	Đỗ Gia	Linh	2421000009	22/09/2006	Hoá Dược K69	
33	TA69-123	Nguyễn Trần Duy	Long	2421060555	18/08/2006	Điện công nghiệp K69 01A	
34	TA69-124	Nguyễn Ngọc Hoàng	Long	2521060412	08/12/2007	Ô tô C K70	
35	TA69-125	Trần Cao	Long	2421050057	27/11/2006	Công nghệ thông tin K69A	
36	TA69-126	Nguyễn Hoàng	Long	2421030016	01/11/2006	Địa Tin Học K69	
37	TA69-127	Nguyễn Văn	Lương	2421010034	31/07/2006	Kĩ thuật Khí thiên nhiên k69	
38	TA69-128	Nguyễn Thị Khánh	Ly	2424010245	23/03/2006	Kế toán k69	
39	TA69-129	Phạm Khánh	Ly	2421030245	05/07/2006	Địa tin học K69	
40	TA69-130	Nguyễn Thanh	Mai	2424010247	27/12/2005	Tài chính ngân hàng k69	
41	TA69-131	Trương Thị Hoa	Mai	2521050268	31/03/2007	Công nghệ thông tin B2 K70	
42	TA69-132	Hà Văn	Mạnh	2421070577	27/01/2004	Xây Dựng K69	
43	TA69-133	Vũ Đức	Mạnh	2421050039	15/10/2006	Công nghệ thông tin K69	
44	TA69-134	Nguyễn Tuấn	Mạnh	2421060149	06/09/2006	Công Nghệ Chế Tạo Máy K69B	
45	TA69-135	Trần Trương	Minh	2521060898	07/12/2007	Kỹ thuật cơ khí động lực K70B	

(Tổng số 45 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : TIẾNG ANH K69

PHÒNG THI: A406

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	TA69-136	Nguyễn Quang	Minh	2421040095	18/09/2006	An toàn vệ sinh lao động K69	
2	TA69-137	Nguyễn Công	Minh	2424010058	14/05/2006	Tài chính ngân hàng K69	
3	TA69-138	Đặng Ngọc	Minh	2421060011	04/09/2006	Tự động hoá K69	
4	TA69-139	Trần Đức	Minh	2421060289	22/02/2006	Kĩ thuật cơ khí - Công nghệ chế tạo máy K69	
5	TA69-140	Trương Hà	My	2424010190	02/09/2006	Tài chính ngân hàng k69	
6	TA69-141	Lê Thị Trà	My	2424010248	15/11/2006	Kế toán k69	
7	TA69-142	Phan Trà	My	2424010069	27/05/2006	Kế toán K69	
8	TA69-143	Trương Thành	Nam	2421030169	23/10/2006	Quản lý đất đai K69A	
9	TA69-144	Trần Ngọc Hải	Nam	2521060936	06/07/2007	Cơ điện tử K70	
10	TA69-145	Đỗ Văn	Nam	2421060474	08/08/2006	Điện công nghiệp C K69	
11	TA69-146	Nguyễn Hà	Nam	2421060268	07/07/2006	Cơ điện tử K69	
12	TA69-147	Cao Hải Nam	Nam	2521050386	23/07/2007	CNTT K70	
13	TA69-148	Vũ Thị Thuý	Nga	2424010166	19/07/2006	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNH K69	
14	TA69-149	Nguyễn Thị Thuý	Nga	2424010169	26/04/2006	Kế toán K69	
15	TA69-150	Nguyễn Thị Kim	Ngân	2424010217	10/02/2006	Thương mại điện tử K69	
16	TA69-151	Trần Kim	Ngọc	2424010206	01/10/2006	DCKTCN69-02B	
17	TA69-152	Phạm Ánh	Ngọc	2421060569	20/11/2006	Công Nghệ Kỹ Thuật Điện - Điện Tử K69	
18	TA69-153	Ngô Thị	Nguyệt	2424010236	19/05/2005	Quản lý công nghiệp K69	
19	TA69-154	Đỗ Thị Vân	Nhi	2421080010	24/10/2006	Kĩ thuật môi trường k69	
20	TA69-155	Nguyễn Tấn	Phát	2421010024	19/02/2006	Khoan khai thác k69	
21	TA69-156	Trần Gia	Phong	2424010051	25/11/2006	Quản trị thương mại điện tử K69	
22	TA69-157	Trần Duy Phong	Phong	2421060238	06/07/2006	Cơ điện tử K69	
23	TA69-158	Đặng Trần	Phú	2,521E+10	05/01/2006	CTTT- KTHH K70	
24	TA69-159	Phạm Hồng	Phúc	2421030052	11/10/2006	Lớp địa tin học k69	
25	TA69-160	Trịnh Thị Lan	Phương	2424010003	15/01/2006	Quản trị Thương mại điện tử K69	
26	TA69-161	Phạm Văn	Phương	2421060264	04/10/2005	Kỹ thuật điện K69	
27	TA69-162	Đỗ Thu	Phương	2424010070	19/03/2006	Tài Chính Ngân Hàng K69	
28	TA69-163	Nguyễn Phương	Phương	2424010067	28/04/2006	Tài chính ngân hàng K69	
29	TA69-164	Vũ Duy	Phương	2424010071	03/02/2006	Quản trị thương mại điện tử k69	
30	TA69-165	Nguyễn Ngọc	Phương	2421050195	24/06/2005	Công nghệ thông tin K69	
31	TA69-166	Đặng Thị Minh	Phượng	2221050648	12/01/2004	Công nghệ thông tin K67	
32	TA69-167	Ngô Thị Thuý	Phượng	2424010133	27/09/2006	Kế toán K69	
33	TA69-168	Lưu Thu	Phương	2521000035	11/11/2007	Ngôn Ngữ Anh K70	
34	TA69-169	Phạm Minh	Quang	2421060041	28/06/2006	Cơ Điện tử K69	
35	TA69-170	Nguyễn Lý	Quang	2221050288	26/09/2004	Mạng mý tính K67	
36	TA69-171	Phạm Trung	Quân	2421010119	02/01/2006	Chương trình tiên tiến K69	
37	TA69-172	Nguyễn Mạnh	Quân	2421050187	16/09/2006	DCCTKH69B	
38	TA69-173	Nguyễn Doãn	Quân	2421060388	26/12/2006	Kỹ thuật cơ khí k69	
39	TA69-174	Kiều Doãn Minh	Quân	2421060072	04/09/2006	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa k69	
40	TA69-175	Vũ Anh	Quân	2421050072	12/02/2006	Công nghệ thông tin K69	
41	TA69-176	Đào Thị Diễm	Quỳnh	2421050101	15/03/2006	Công nghệ thông tin B K69	
42	TA69-177	Phạm Thị Như	Quỳnh	2521050290	27/02/2007	CNTT K70	
43	TA69-178	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	2424010253	22/01/2006	Logistics và quản lí chuỗi cung ứng B K69	
44	TA69-179	Nguyễn Hoàng	Sang	2424010036	05/06/2006	Tài chính - Ngân hàng K69	
45	TA69-180	Nguyễn Thị Hồng	Sáng	2424010165	11/05/2006	Quản lý công nghiệp K69	

(Tổng số 45 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : TIẾNG ANH K69

PHÒNG THI: A408

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	TA69-181	Thân Ngọc	Sơn	2421050031	08/04/2006	Công nghệ thông tin K69	
2	TA69-182	Phạm Thái	Sơn	2421060082	11/08/2006	CƠ KHÍ-CN CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY B K69	
3	TA69-183	Phùng Văn	Sỹ	2421060472	06/12/2006	Điện Công Nghiệp K69	
4	TA69-184	Tô Anh	Tài	2421060301	02/11/2006	Cơ điện tử k68	
5	TA69-185	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	2321050053	12/01/2005	Công nghệ thông tin K68	
6	TA69-186	Bùi Văn Minh	Tâm	2521070179	19/07/2007	Xây dựng công trình ngầm thành phố và hệ thống tàu điện ngầm K70	
7	TA69-187	Nguyễn Hữu	Tiến	2421060393	24/10/2006	Robot và trí tuệ nhân tạo k69	
8	TA69-188	Đỗ Danh	Toàn	2421060158	09/02/2006	Kĩ Thuật điều khiển tự động hóa	
9	TA69-189	Đỗ Quốc	Toản	2421060648	31/08/2006	Kỹ thuật robot và trí tuệ nhân tạo	
10	TA69-190	Đặng Anh	Tú	2421050066	07/01/2006	Công nghệ thông tin K69	
11	TA69-191	Hoàng Anh Tú	Tú	2424010168	29/11/2006	Logistics và quản lí chuỗi cung ứng K69	
12	TA69-192	Nguyễn Lê Anh	Tuấn	2421010013	08/08/2006	Chương trình tiên tiến K69	
13	TA69-193	Nguyễn Anh	Tuấn	2421050005	06/03/2006	Công Nghệ Thông Tin K69A	
14	TA69-194	Lê Thanh	Tùng	2421060202	14/12/2006	Cơ Khí Động Lực K69	
15	TA69-195	Phạm Minh	Thái	2421050002	31/05/2006	Công Nghệ Thông Tin k69	
16	TA69-196	Trần Văn	Thái	2521050214	01/10/2007	Công nghệ thông tin D2 K70	
17	TA69-197	Nghiêm Xuân	Thành	2421060170	30/08/2006	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	
18	TA69-198	Nguyễn Trung	Thành	2421060077	31/10/2006	Kỹ thuật Robot và Trí tuệ nhân tạo K69	
19	TA69-199	Phan An Thanh	Thảo	2421080079	16/03/2006	Quản lý Tài nguyên & Môi trường K69A	
20	TA69-200	Đặng Ngọc	Thắng	2421050184	05/10/2006	Công nghệ thông tin K69	
21	TA69-201	Văn Thị	Thi	2421080116	21/02/2006	Quản Lý Tài Nguyên và Môi Trường K69A	
22	TA69-202	Nguyễn Đức	Thiện	2421050112	22/09/2006	Khoa học dữ liệu B K69	
23	TA69-203	Nguyễn Anh	Thống	2421060592	09/09/2006	kỹ thuật Oto k69	
24	TA69-204	Nguyễn Minh	Thu	2421010010	25/08/2005	Địa chất dầu khí k69	
25	TA69-205	Lê Thị Hoài	Thu	2421050019	17/05/2006	Công nghệ thông tin K69	
26	TA69-206	Phạm Thị	Thu	2421050107	04/04/2006	Công nghệ thông tin K69	
27	TA69-207	Phạm Hoài	Trang	2421050091	03/09/2006	Khoa học dữ liệu K69	
28	TA69-208	Nguyễn Xuân	Trang	2424010218	17/01/2006	Kế Toán K69	
29	TA69-209	Bùi Mai	Trang	2524010584	14/08/2007	Kế toán A1 K70	
30	TA69-210	Thịnh Thùy	Trâm	2421030057	13/11/2006	DCTDQDTBDS69A	
31	TA69-211	Nguyễn Ngọc	Trúc	2421030182	08/08/2006	Quản Lý Đất Đai K69A	
32	TA69-212	Đặng Thành	Trung	2421060035	28/08/2006	DCCDTD69	
33	TA69-213	Nguyễn Văn	Trung	2421060070	24/09/2006	Kỹ thuật robot và trí tuệ nhân tạo K69	
34	TA69-214	Đặng Hà Đức	Trung	2421030242	24/03/2006	Trắc địa - Bản đồ K69	
35	TA69-215	Hồ Đức	Việt	2521030002	09/04/2007	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản K70 A	
36	TA69-216	Nguyễn Văn	Vinh	2421060337	07/01/2004	Cơ khí K69	
37	TA69-217	Nguyễn Phồn	Vinh	2421060485	08/02/2006	Kĩ thuật Cơ khí K69	
38	TA69-218	Nguyễn Hoàng Anh	Vũ	2421050026	23/04/2006	DCCTCT69A	
39	TA69-219	Cao Thị Khánh	Vy	2424010112	24/10/2006	Tài chính - Ngân hàng K69	
40	TA69-220	Bùi Thị Cẩm	Vy	2421050159	27/03/2006	Công Nghệ Thông Tin CK69	
41	TA69-221	Đỗ Thị Thanh	Xuân	2424010220	20/04/2006	Kế toán K69	
42	TA69-222	Nguyễn Thị	Yến	2224010777	11/12/2004	DCKTTN67C	
43	TA69-223	Đỗ Thị	Yến	2421030135	03/07/2006	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản K69	
44	TA69-224	Nguyễn Thị Kim	Yến	2421050169	08/04/2006	Công nghệ thông tin K69	

(Tổng số 44 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : SỨC BỀN VẬT LIỆU

PHÒNG THI: A402

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	SB01	Trần Việt	Anh	2421070372	20/06/2006	Kỹ thuật xây dựng K69	
2	SB02	Phạm Xuân	Anh	2321060292	09/10/2005	Kỹ thuật Cơ khí k68	
3	SB03	Trần Minh	Anh	2421060471	05/12/2006	Công nghệ chế tạo máy K69	
4	SB04	Nguyễn Thế	Anh	2421060534	26/02/2006	Công nghệ chế tạo máy K69A	
5	SB05	Đỗ Lê	Anh	2421060124	05/12/2006	Cơ điện tử K69 A	
6	SB06	Vũ Việt	Anh	2421060499	08/11/2005	Cơ khí động lực k69	
7	SB07	Phùng Quang	Anh	2321070104	10/07/2005	KĨ THUẬT XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP K68	
8	SB08	Nguyễn Đăng Việt	Anh	2421060051	22/06/2006	DCCDCDT69A	
9	SB09	Ngô Huy	Ánh	2321060165	04/07/2005	Cơ điện tử K68	
10	SB10	Nguyễn Ngọc	Bình	2321060104	11/01/2005	Kĩ thuật ô tô k68	
11	SB11	Vũ Văn	Duẩn	2221060661	03/04/2004	Ô tô K67C	
12	SB12	Lê Anh	Dũng	2421060142	03/01/2006	Cơ khí k69	
13	SB13	Đinh Văn	Dũng	2321060042	26/03/2005	Kỹ thuật ô tô k68	
14	SB14	Nguyễn Tiến	Dũng	2221060473	16/07/2004	Cơ khí chế tạo máy B k 67	
15	SB15	Trần Xuân	Dự	2221060004	29/04/2004	DCCDOTO67A	
16	SB16	Doãn Đình	Dương	2421060333	09/02/2006	Cơ điện tử A K69	
17	SB17	Bùi Xuân	Đạt	2221060669	26/12/2004	Cơ điện tử 67	
18	SB18	Trần Quang	Đạt	2421060654	22/11/2006	Cơ điện tử k69	
19	SB19	Nguyễn Hải	Đăng	2421060397	02/07/2006	Cơ điện tử K69 A	
20	SB20	Vũ Văn	Đức	2321060161	08/05/2005	Cơ Điện Tử K68	
21	SB21	Vũ Đình Đức	Anh	2321060071	27/11/2004	Cơ điện tử K68	
22	SB22	Nguyễn Trường	Giang	2421040014	04/08/2006	Khai thác K69B	
23	SB23	Quản Trọng	Hà	2321060437	23/11/2005	Cơ Điện Tử K68	
24	SB24	Vũ Hồng	Hà	2321060017	14/09/2005	Cơ điện tử K68	
25	SB25	Nguyễn Minh	Hào	2421060353	20/08/2006	Cơ điện tử 69a	
26	SB26	Vũ Mạnh	Hiếu	2221060319	15/12/2004	Công nghệ chế tạo máy k67b	
27	SB27	Nguyễn Quang	Huy	2421060278	13/06/2006	Cơ điện tử K69	
28	SB28	Bùi Quang	Huy	2321060239	12/12/2005	Cơ Điện Tử K68	
29	SB29	Nguyễn Quang	Huy	2421060386	27/03/2006	Cơ điện tử K69	
30	SB30	Ngô Quang	Huy	2421060383	03/10/2006	Công nghệ chế tạo máy k69A	
31	SB31	Đinh Thị Ngọc	Huyền	2421060573	05/01/2006	Công nghệ chế tạo máy k69 A	
32	SB32	Nguyễn Duy	Khánh	2421060218	23/04/2006	Cơ điện tử K69	
33	SB33	Phùng Nguyên	Khánh	2421060073	11/09/2006	Kỹ thuật cơ điện tử K69	
34	SB34	Phạm Khánh	Linh	2421060315	30/08/2006	Cơ điện tử k69	
35	SB35	Trần Văn	Long	2221040054	13/02/2004	An toàn vệ sinh lao động k67	
36	SB36	Phạm Văn	Long	2321060028	06/07/2005	Cơ Khí Chế Tạo Máy K68	
37	SB37	Hà Văn	Long	2321060338	20/04/2004	Công nghệ chế tạo máy k68	
38	SB38	Nguyễn Ngọc	Luân	2321060564	06/09/2005	Kĩ thuật ô tô K68	
39	SB39	Bùi Hoài	Nam	2421060477	26/10/2006	Cơ điện tử K69	
40	SB40	Đông Nguyễn Hải	Nam	2421060095	14/11/2006	Cơ Điện Tử K69	
41	SB41	Nguyễn Đức	Nam	2321060078	13/09/2005	Kỹ thuật ô tô k68	
42	SB42	Lê Long	Nhật	2421070038	22/06/2005	Kỹ thuật Xâu dựng công trình giao thông K69B	
43	SB43	Lê Long	Nhật	2421070037	22/06/2005	DCXDGT69B	
44	SB44	Nguyễn Văn Hoàng	Phúc	2321060376	14/12/2005	Kỹ thuật Cơ Khí K68	
45	SB45	Nguyễn Văn	Quang	2421060619	18/08/2006	Cơ điện tử K69B	
46	SB46	Hoàng Thiên	Quân	2421060426	22/06/2006	Cơ điện tử	
47	SB47	Chu Quốc	Quyến	2421060425	11/01/2006	Cơ điện tử 69B	
48	SB48	Bùi Văn	Quỳnh	2421070351	25/09/2006	QUẢN LÍ XÂY DỰNG K69C	
49	SB49	Bùi Đức	Sáng	2221060635	04/02/2004	Cơ Điện Tử K67B	
50	SB50	Nguyễn Hoàng	Sinh	2421070446	31/12/2006	Quản lý xây dựng K69C	
51	SB51	Nguyễn Văn	Tuân	2421070479	01/09/2006	Xây dựng K69	
52	SB52	Tạ Đình	Tuấn	2421070285	17/05/2006	Kỹ thuật xây dựng k69	
53	SB53	Lê Xuân	Tùng	2421060547	11/03/2006	Kỹ thuật cơ khí K69	
54	SB54	Ngô Quang	Thái	2421060481	23/05/2006	Cơ khí động lực k69	
55	SB55	Nguyễn Tiến	Thành	2421070109	23/02/2006	Xây dựng K69	
56	SB56	Nguyễn	Thế Anh	2421060535	26/02/2006	DCCDCK69A	
57	SB57	Nguyễn Đình	Thi	2321060465	05/03/2005	Kỹ thuật Cơ khí K68	
58	SB58	Nguyễn Diệu	Thu	2421070039	25/08/2006	Quản lý xây dựng K69C	
59	SB59	Nguyễn Đức	Thuận	2421070510	04/01/2006	Xây dựng công trình ngầm và mỏ 02B	
60	SB60	Đặng Đình	Trọng	2421070102	23/10/2006	Kỹ Thuật Xây Dựng K69	

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
61	SB61	Nguyễn Quang	Trường	2421070333	14/08/2006	Xây dựng K69	
62	SB62	Tạ Xuân	Trường	2421070200	05/04/2006	Kĩ thuật xây dựng K69	
63	SB63	Nguyễn Quốc	Việt	2421060255	27/07/2006	Công nghệ chế tạo máy K69B	

(Tổng số 63 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026
(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)
Môn thi : KHOA HỌC MÁC - LÊ NIN VÀ TƯ TƯỞNG HCM
PHÒNG THI: B201

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	ML01	Bùi Phúc Bảo	An	2424010032	20/11/2006	Kế toán K69	
2	ML02	Phạm Quốc	An	2321010022	22/05/2005	Địa chất dầu khí K68	
3	ML03	Nguyễn Văn	An	2221060841	02/02/2004	DCCDKTD67 02	
4	ML04	Nguyễn Thành	An	24210	05/11/2006	Quản lý tài nguyên và môi trường K69A	
5	ML05	Nguyễn Thành	An	2321080071	04/11/2005	Kĩ thuật môi trường K68	
6	ML06	Lê Thị	An	2324010155	16/07/2005	Quản lý công nghiệp K68	
7	ML07	Phùng Thị Hà	An	2421050049	15/03/2006	Công nghệ thông tin A K69	
8	ML08	Phạm Minh	Anh	2421080030	23/10/2006	Môi Trường K69	
9	ML09	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	2221030231	12/07/2004	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản k67	
10	ML10	Lê Thị Hiền	Anh	2424010101	26/10/2006	Quản lí công nghiệp K69	
11	ML11	Trương Việt	Anh	2421060529	26/10/2006	Kỹ Thuật Điều Khiển và Tự Động Hoá K69	
12	ML12	Trịnh Việt	Anh	2221040063	09/09/2004	An toàn vệ sinh lao động K67	
13	ML13	Ngô Thị Mai	Anh	2424010010	04/04/2006	Thương mại điện tử K69	
14	ML14	Nguyễn Thi Lan	Anh	2321010037	17/02/2005	Kỹ thuật địa vật lý K68	
15	ML15	Phạm Thị Phương	Anh	2324010035	28/10/2005	Kế toán K68	
16	ML16	Trần Việt	Anh	2221050164	09/02/2003	Công nghệ phần mềm 05B K67	
17	ML17	Trần Đào Đức	Anh	2324010141	20/07/2005	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K68	
18	ML18	Lý Phương	Anh	2224010506	22/12/2004	Tài chính ngân hàng K67 C	
19	ML19	Nguyễn Thảo	Anh	2424010104	14/02/2006	Quản trị Thương mại điện tử K69	
20	ML20	Nguyễn Linh	Anh	2421020204	05/07/2006	Du lịch địa chất K69B	
21	ML21	Nông Thị Lan	Anh	2321020090	03/09/2004	Du lịch địa chất K68	
22	ML22	Ngô Thị Phương	Anh	2321010113	19/01/2005	Kỹ thuật địa vật lý K68	
23	ML23	Lê Quỳnh	Anh	2521000394	31/05/2007	Ngôn ngữ Trung Quốc K70	
24	ML24	Nguyễn Thị Kim	Anh	2321010077	11/11/2005	Kỹ Thuật Hoá Học K68	
25	ML25	Đặng Quỳnh	Anh	2521020007	01/10/2007	Du lịch Địa chất K70 A	
26	ML26	Dương Quỳnh	Anh	2324010225	04/08/2005	Marketing truyền thông K68	
27	ML27	Phạm Thị Lan	Anh	2421020083	27/06/2006	Dù lịch địa chất K69B	
28	ML28	Phan Thị Mai	Anh	2224010198	16/05/2004	Kế toán K67A1	
29	ML29	Nguyễn Thị Diệu	Anh	2324010208	23/03/2005	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng K68	
30	ML30	Hoàng Lan	Anh	2524010117	16/07/2007	DCKTKD70B2	
31	ML31	Hữu Hồng	Anh	2324010093	02/01/2005	Tài chính ngân hàng K68	
32	ML32	Nguyễn Huy	Anh	2321060221	01/11/2005	Tự Động Hoá B k68	
33	ML33	Phạm Chúc	Anh	2521020140	25/11/2007	Đá quý đá mỹ nghệ K70	
34	ML34	Đỗ Lan	Anh	2224010986	19/07/2004	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K67B	
35	ML35	Phạm Thị Mai	Anh	2524010417	18/01/2007	Kế toán K70 A	
36	ML36	Nguyễn Vy	Anh	2324010246	10/01/2005	Quản trị Marketing truyền thông K68	
37	ML37	Nguyễn Thị Hải	Anh	2521030270	11/10/2007	Quản Lý Đất Đai K70B	
38	ML38	Lê Hoàng	Anh	2324010089	20/03/2005	Kế toán K68	
39	ML39	Nguyễn Thị Minh	Anh	2524010725	21/03/2007	Quản Trị Kinh Doanh K70	
40	ML40	Vũ Lan	Anh	2424010083	12/01/2006	Kế toán K69	
41	ML41	Vũ Ngọc Phương	Anh	2321020016	10/07/2005	Du lịch địa chất K68	
42	ML42	Đặng Mai	Anh	2321080059	03/10/2005	Quản lý tài nguyên môi trường K68B	
43	ML43	Nguyễn Thị Vân	Anh	2421070352	25/04/2006	Quản lý xây dựng k69	
44	ML44	Dương Minh	Ánh	2321080033	07/10/2005	Quảng lý tài nguyên môi trường K68B	
45	ML45	Phạm minh ánh	Ánh	2221010068	11/02/2004	Công nghệ kĩ thuật hoá học k67-DCDKLD67	
46	ML46	Lưu Thị	Ánh	2521000204	09/01/2007	Ngôn ngữ Trung Quốc 70A2	
47	ML47	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	2321020040	05/06/2005	Địa chất học k68	
48	ML48	Nguyễn Nữ Minh	Ánh	2224010627	05/12/2004	Quản trị Kinh doanh B K67	
49	ML49	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	2421050173	22/03/2006	Khoa Học Dữ Liệu B	
50	ML50	Nguyễn Thị Phương	Ánh	2524010152	20/09/2007	Kế toán K70B2	
51	ML51	Nguyễn Thị Phương	Anh	2321020009	22/06/2005	Du lịch địa chất k68	
52	ML52	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	2324010156	16/08/2005	Quản trị kinh doanh K68	

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
53	ML53	Trịnh Thị Tú	Anh	2424010243	20/02/2006	DCKTTN69	
54	ML54	Nguyễn Minh Hoàng	Anh	2421050087	26/08/2006	Khoa Học Dữ Liệu K69A	
55	ML55	Hà Ngọc	Ánh	2221030193	29/10/2004	Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản K67	
56	ML56	Cao Xuân	Bách	2321020080	05/12/2005	Địa chất học K68	
57	ML57	Nguyễn Gia	Bách	2224010192	19/08/2004	Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng B K67	
58	ML58	Phạm Quốc	Bảo	2221050555	02/07/2004	Hệ thống thông tin K67 B	
59	ML59	Lê Xuân	Bắc	2321030197	10/03/2005	Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản K68	
60	ML60	Đinh Xuân	Bằng	2421030160	13/11/2005	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản K69	
61	ML61	Phan Thị Ngọc	Bích	2224010046	23/05/2004	Quản trị thương mại điện tử K67-04A	
62	ML62	Nguyễn Hải	Bình	2321010085	05/12/2005	Địa chất Dầu khí K68	
63	ML63	Lê Trung	Bình	2321060008	15/07/2005	Cơ Điện Tử K68	
64	ML64	Nguyễn Như	Bình	2321060531	06/07/2005	Điện công nghiệp k68	
65	ML65	Hữu Thành	Công	2321060259	02/01/2005	CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC K68	
66	ML66	Phạm Thành	Công	2421040061	10/12/2006	Kỹ Thuật Mỏ K69	
67	ML67	Bùi Văn	Công	2221050415	24/11/2004	Hệ Thống Thông Tin K67B	
68	ML68	Lê Công	Cường	2321070030	09/05/2005	Quản lý xây dựng K68B	
69	ML69	Hồ Sỹ	Cường	2321010087	10/04/2005	Khoan khai thác k68	
70	ML70	Đinh Xuân	Cường	2224011057	31/03/2004	KẾ TOÁN K67	

(Tổng số 70 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : KHOA HỌC MÁC - LÊ NIN VÀ TƯ TƯỞNG HCM

PHÒNG THI: B203

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	ML71	Đỗ Thị	Chanh	2524010660	23/01/2007	Quản trị kinh doanh k70	
2	ML72	Nguyễn Văn	Chào	2421010100	14/02/2006	Khoan - Khai Thác K69	
3	ML73	Bùi Châu	Châu	2524010418	13/10/2007	DCKTKD70B1	
4	ML74	Phạm Thị	Chi	2324010060	15/11/2005	Kế toán K68	
5	ML75	Dương Thị	Chi	2324010202	12/11/2005	Quản lí công nghiệp_logicstics và quản lí chuỗi cung ứng K68	
6	ML76	Lê Văn	Chiến	2421080059	04/12/2006	Quản lý tài nguyên và môi trường k69b	
7	ML77	Cao Văn	Chiến	2421010128	27/12/2006	Khoan Khai Thác K69	
8	ML78	Trần Phương	Chinh	2521000083	07/07/2007	Ngôn ngữ Trung Quốc-K70	
9	ML79	Vũ Chí	Chung	2221060731	11/01/2004	Cơ điện tử A K67	
10	ML80	Nguyễn Phúc	Danh	2421010154	12/12/2005	Kỹ Thuật Địa Vật Lý	
11	ML81	Tô Hồng	Diễm	2421080092	11/02/2006	Môi trường k69	
12	ML82	Nguyễn Ngọc	Diễm	2321020064	20/09/2005	Du lịch địa chất k68	
13	ML83	Trương Gia	Diễm	2524010234	25/06/2007	Tài chính ngân hàng A K70	
14	ML84	Nguyễn Hồng	Diệp	2424010148	25/06/2006	Quản Trị Kinh Doanh K69	
15	ML85	Nguyễn Thị Hồng	Dịu	2524010517	01/11/2007	Quản trị kinh doanh K70	
16	ML86	Hoàng Nguyên	Du	2321060419	30/06/2005	Kĩ Thuật ô tô k68	
17	ML87	Vũ Thị Thùy	Dung	2421080085	02/09/2006	Quản lí tài nguyên và môi trường k69B	
18	ML88	Nguyễn Thị Thuỳ	Dung	2421050190	12/06/2006	Công Nghệ Thông Tin C K69	
19	ML89	Lê Phương	Dung	2221040026	17/08/2003	An toàn, vệ sinh lao động K67	
20	ML90	Đỗ Thị Thuỳ	Dung	2421080115	09/01/2006	Quản lý Tài nguyên và Môi trường k69A	
21	ML91	Tạ Thị Vân	Dung	2424010111	08/11/2006	Tài chính ngân hàng K69	
22	ML92	Nguyễn Thị	Dung	2321000027	12/11/2005	Hoá Dược K68	
23	ML93	Phạm Thu	Dung	2221050597	31/03/2004	Công nghệ thông tin K67	
24	ML94	Nguyễn Thị	Dung	2424010145	21/12/2006	Kế toán K69	
25	ML95	Đỗ Tiến	Dũng	2424010038	25/05/2006	Tài chính - Ngân hàng K69	
26	ML96	Trần Lăng	Dũng	2321020034	21/10/2005	Địa chất học k68	
27	ML97	Nguyễn Đức	Dũng	2321060209	28/10/2005	Kĩ Thuật Điện- Điện Tử k68	
28	ML98	Bùi Đức	Duy	2221050760	30/05/2004	Công nghệ phần mềm C K67	
29	ML99	Phạm trà mỹ	Duyên	2221030179	20/06/2004	K67 quản lí đất đai	
30	ML100	Nguyễn Thị	Duyên	2421030105	22/10/2006	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản K69B	
31	ML101	Nguyễn Tùng	Dương	2221060475	01/08/2004	Tự động hóa K67	
32	ML102	Nguyễn Viết Bình	Dương	2221050047	05/08/2004	Công nghệ phần mềm K67C	
33	ML103	Ngô Hoàng	Dương	2321050131	03/05/2005	Công Nghệ Thông Tin K68	
34	ML104	Đỗ Đăng	Đại	2321080040	23/06/2004	kỹ thuật môi trường k68	
35	ML105	Tạ Quốc	Đại	2321060052	30/09/2005	Tự Động Hoá B K68	
36	ML106	Phạm Thành	Đạt	2221060129	10/01/2004	Kĩ thuật điều khiển và tự động K67B	
37	ML107	Lê Thành	Đạt	2521050353	06/11/2007	Công nghệ thông tin k70 c2	
38	ML108	Nguyễn Tiến	Đạt	2221060615	30/03/2004	Kỹ thuật ô tô K67A	
39	ML109	Trịnh Xuân	Đạt	2321060491	06/10/2005	Tự động hoá k68	
40	ML110	Vũ Huy	Đạt	2321050062	23/07/2005	Khoa học dữ liệu A K68	

(Tổng số 40 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : KHOA HỌC MÁC - LÊ NIN VÀ TƯ TƯỞNG HCM

PHÒNG THI: B204

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	ML111	Nguyễn Quang	Đăng	2321060114	19/05/2005	Cơ điện tử k68	
2	ML112	Nguyễn Anh	Đức	2321010021	06/11/2005	Thiết bị Dầu khí K68	
3	ML113	Phan Anh	Đức	2221060692	15/11/2004	Tự động hóa C K67	
4	ML114	Nguyễn Minh	Đức	2321030070	09/08/2005	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ K68	
5	ML115	Cao Văn	Đức	2321060454	27/02/2005	Điện Công Nghiệp A K68	
6	ML116	Phùng Trung	Đức	2521050419	02/10/2007	Công nghệ thông tin K70	
7	ML117	Đỗ Minh	Đức	2221060740	06/06/2004	Cơ điện tử K67	
8	ML118	Trần Hương	Giang	2224010144	24/05/2004	Tài chính ngân hàng C K67	
9	ML119	Dư Hương	Giang	2421080103	06/01/2006	môi trường k69	
10	ML120	Nguyễn Thị Hà	Giang	2321020035	05/08/2005	Du lịch địa chất K68	
11	ML121	Nguyễn Thu	Giang	2224010360	21/03/2004	Kế toán K67A1	
12	ML122	Phạm Hương	Giang	2321050010	09/02/2005	Hệ thống thông tin K68	
13	ML123	Phạm Hương	Giang	2221030160	25/04/2004	Quản lý đất đai B K67	
14	ML124	Vũ Thị Linh	Giang	2424010189	11/08/2006	Quản trị kinh doanh K69	
15	ML125	Đỗ Hương	Giang	2324010074	25/08/2005	Kế toán K68	
16	ML126	Bùi Mai Hương	Giang	2324010240	27/10/2005	Kế Toán K68	
17	ML127	Nguyễn Thị Hà	Giang	2224010616	22/10/2004	Marketing K67	
18	ML128	Phan Thu	Giang	2421080100	14/01/2006	Môi trường k69	
19	ML129	Tô Trường	Giang	2321030095	19/10/2005	Trắc địa K68	
20	ML130	Nguyễn Đình	Giới	2321030104	09/02/2005	Trắc địa K68	
21	ML131	Nguyễn Văn	Hà	2321060358	26/08/2005	Cơ khí động lực K68	
22	ML132	Trịnh Thu	Hà	2321020027	03/09/2004	Du lịch địa chất K68	
23	ML133	Nguyễn Thu	Hà	2224010432	16/04/2004	Kế toán K67	
24	ML134	Mai Thị Ngọc	Hà	2321030025	25/10/2005	Địa Tin Học K68	
25	ML135	Trần Thu	Hà	2524010240	20/06/2007	Quản trị kinh doanh k70	
26	ML136	Nguyễn Thị	Hà	2224010741	09/07/2004	Kế toán K67	
27	ML137	Phạm Thị	Hạ	2321020101	19/11/2005	du lịch địa chất k68	
28	ML138	Nguyễn Thị Thu	Hà	2224010478	07/04/2004	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng K67	
29	ML139	Nguyễn Thị	Hải	2224010654	14/11/2004	Quản trị Marketing Truyền thông B K67	
30	ML140	Nguyễn Minh	Hạnh	2324010103	18/12/2005	Logistic k68	
31	ML141	Mai Phương	Hạnh	2421070379	04/02/2006	Quản li Xây Dựng k69B	
32	ML142	Nguyễn Phương	Hảo	2321080100	14/11/2005	Kĩ thuật môi trường K68	
33	ML143	Trần Thị	Hằng	2224010083	14/09/2004	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng K67	
34	ML144	Nguyễn Thị	Hằng	2324010241	12/01/2005	Quản trị Marketing Truyền thông	
35	ML145	Trần Thu	Hằng	2321000003	05/10/2005	Hoá Dược K68	
36	ML146	Thiều Thị	Hằng	2424010183	20/04/2006	Kế toán k69	
37	ML147	Trần Thị Thu	Hằng	2524010416	03/03/2007	Tài chính - Ngân hàng K70B	
38	ML148	Lưu Thị	Hằng	2224011054	08/04/2004	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K67	
39	ML149	Nguyễn Thị Thuý	Hậu	2221050754	21/05/2004	Khoa học dữ liệu k67A	
40	ML150	Nguyễn Thu	Hiền	2324010147	10/10/2005	Quản Lý Công Nghiệp K68	
41	ML151	Trần Thị	Hiền	2224010073	16/06/2004	Kế toán K67	
42	ML152	Đặng Thị Thu	Hiền	2424010020	09/06/2006	Quản trị Thương mại điện tử	
43	ML153	Tăng Thị	Hiền	2224010195	28/03/2004	Kế toán K67	
44	ML154	Nguyễn Thị	Hiền	2521000375	23/04/2007	Khoa học cơ bản 70	
45	ML155	Lê Thị Dịu	Hiền	2224010734	02/05/2004	Kế toán K67 B1	
46	ML156	Dương Thị	Hiền	2224010791	10/04/2004	Kế toán k67	
47	ML157	Lã Thị Thu	Hiền	2321020008	30/08/2005	Du lịch địa chất k68	
48	ML158	Hoàng Thị	Hiền	2424010050	05/12/2006	Quản trị kinh doanh k69	
49	ML159	Nguyễn Duy	Hiếu	2321010068	15/08/2005	DCDKDK68-01	
50	ML160	Nguyễn Chí	Hiếu	2424010037	21/05/2006	Quản lý công nghiệp K69	

(Tổng số 50 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : KHOA HỌC MÁC - LÊ NIN VÀ TƯ TƯỞNG HCM

PHÒNG THI: B205

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	ML161	Lương Ngọc	Hiếu	2221080087	08/12/2004	Kỹ thuật Môi Trường K67	
2	ML162	Bùi Thị Thu	Hiếu	2321020068	11/09/2005	Du lịch địa chất K68	
3	ML163	Lê Đức	Hiếu	2421030116	07/06/2006	Quản lí đất đai k69 A	
4	ML164	Nguyễn Văn	Hiếu	2221030254	23/01/2004	Địa tin học K67	
5	ML165	Lê Trung	Hiếu	2421050139	23/08/2006	Khoa học dữ liệu K69	
6	ML166	Nguyễn khắc	Hiếu	2421060550	04/11/2006	Điện khí hóa mỏ k69	
7	ML167	Nguyễn Thị	Hoa	2321030103	20/04/2005	Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản	
8	ML168	Trương Phương	Hoa	2224010110	01/07/2004	Kế toán B1 K67	
9	ML169	Lê Thị	Hoa	2221010034	26/10/2004	Lọc - Hoá dầu K67	
10	ML170	Nguyễn Ngọc	Hoa	2424010244	25/03/2006	Kế toán k69	
11	ML171	Đặng Đức	Hoà	2221050357	15/10/2004	Khoa Học Dữ Liệu A K67	
12	ML172	Nguyễn Công	Hoà	2321060246	31/01/2005	Công nghệ chế tạo máy K68	
13	ML173	Nguyễn Thị Bích	Hoà	2524010500	09/06/2007	Quản trị kinh doanh k70B1	
14	ML174	Nông Thị	Hoài	2321050135	30/07/2005	Mạng máy tính K68	
15	ML175	Hà Thị Thu	Hoài	2324010180	11/05/2005	Kế Toán K68	
16	ML176	Nông Phương	Hoàn	2421030248	28/07/2006	DCTDQDTBDS69A	
17	ML177	Phạm Công Việt	Hoàng	2321060324	07/07/2005	Tự Động Hoá K68	
18	ML178	Vũ Việt	Hoàng	2321010033	25/11/2005	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học K68	
19	ML179	Nguyễn Huy	Hoàng	2321060585	22/07/2005	Kĩ Thuật Điều Khiển và tự động hoá	
20	ML180	Ngô Quang	Học	2424010146	13/12/2006	Logistic k69B	
21	ML181	Hoàng Thái	Học	2321070020	09/08/2005	Xây Dựng Hạ Tầng Cơ Sở k68	
22	ML182	Phạm Thế	Hợp	2521000220	15/12/2007	Ngôn ngữ anh k70	
23	ML183	Đoàn Công	Huân	2221070240	21/11/2004	Xây dựng công trình ngầm thành phố và hệ thống tàu điện ngầm K67	
24	ML184	Vang Thị	Huế	2321020082	08/04/2005	Du lịch địa chất	
25	ML185	Vũ Kim	Huế	2224010364	27/05/2004	Kế toán K67A1	
26	ML186	Phạm Thị	Huế	2321050052	02/04/2005	Hệ thống thông tin K68	
27	ML187	Vũ Thị	Huệ	2424010055	15/12/2006	Quản trị kinh doanh K69	
28	ML188	Nguyễn Thị	Huệ	2324010070	28/11/2005	Quản Lý Công Nghiệp 68-01	
29	ML189	Trần Công	Hùng	2321050068	17/01/2005	Hệ thống thông tin K68	
30	ML190	Trần Huy	Hùng	2321010093	09/11/2005	Khoan - Khai thác K68	
31	ML191	Vũ Đức	Hùng	2221030080	25/07/2004	K67 quản lí đất đai	
32	ML192	Lê Hùng	Hùng	2521070122	28/08/2007	Kỹ thuật xây dựng K70	
33	ML193	Phạm Văn	Huy	2321080014	18/06/2005	Quản lý tài nguyên và môi trường K68B	
34	ML194	Vũ Quang	Huy	2224010026	21/04/2003	Thương mại điện tử K67	
35	ML195	Bùi Văn	Huy	2221010045	07/07/2004	Thiết bị dầu khí k67-03	
36	ML196	Trịnh Văn	Huy	2221010072	20/10/2004	Thiết bị dầu khí K67	
37	ML197	Nguyễn Công	Huy	2321070274	31/10/2005	Xây dựng k68	
38	ML198	Ngô Quang	Huy	2421060003	13/02/2006	Công Nghệ Chế Tạo Máy-03A K69	
39	ML199	Trần Quang	Huy	2421060524	14/09/2006	Công nghệ Kĩ thuật Điện -Điện tử K69	
40	ML200	Nguyễn Thị Thu	Huyền	2224010565	07/03/2004	Kế toán K67	
41	ML201	Mai Thị Thu	Huyền	2324010231	31/10/2005	Kế Toán k68	
42	ML202	Lê Khánh	Huyền	2424010027	10/07/2006	Quản trị Thương Mại điện tử K69	
43	ML203	Trần Thanh	Huyền	2424010009	26/09/2006	Kế toán K69	
44	ML204	Chu Thị Khánh	Huyền	2224010381	06/10/2004	Kế toán K67B1	
45	ML205	Chu Thị Thu	Huyền	2221030201	26/08/2004	Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản K67	
46	ML206	Trần Thị Ngọc	Huyền	2224011109	10/11/2004	Kế toán K67B1	
47	ML207	Nguyễn Khánh	Huyền	2521050154	14/09/2007	Khoa học dữ liệu k70	
48	ML208	Phạm Khánh	Huyền	2224010061	05/07/2004	Kế toán k67	
49	ML209	Nguyễn Văn	Hưng	2321060396	10/01/2005	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa K68	
50	ML210	Đặng Quốc	Hưng	2321010143	01/11/2005	Công nghệ kỹ thuật điện điện tử 68	
51	ML211	Trần Thị Quỳnh	Hương	2321080056	12/01/2005	Quản lý tài nguyên môi trường k68A	
52	ML212	Nguyễn Thị Lan	Hương	2321030084	20/09/2005	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản	
53	ML213	Bùi Thị Mai	Hương	2521000235	24/09/2007	Ngôn Ngữ Trung Quốc K70	

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
54	ML214	Nguyễn Thu	Hương	2521000180	08/10/2007	Ngôn ngữ Trung Quốc K70	
55	ML215	Đỗ Thị Thu	Hương	2224010209	05/04/2004	Quản trị kinh doanh 01B K67	
56	ML216	Đậu Thị	Hương	2321010102	13/05/2005	Địa chất dầu khí K68	
57	ML217	Đào Mai	Hương	2224010707	31/08/2004	Marketing Truyền thông K67 - 05A	
58	ML218	Trương Thu	Hương	2224011229	20/09/2003	Kế toán K67A	
59	ML219	Trần Lan	Hương	2424010265	29/04/2004	Kế toán k69	
60	ML220	Hoàng Thị Thuý	Hường	2421030165	24/03/2006	Quản lý đất đai K69	
61	ML221	Nguyễn Thị	Hường	2324010127	14/11/2005	Kế Toán K68	
62	ML222	Nguyễn Thị	Hường	2421030206	28/01/2006	quản lí phát triển đô thị và bất động sản	
63	ML223	Đỗ Thị Thu	Hường	2224010717	11/02/2004	Kế toán K67B1	
64	ML224	Phạm Thị	Hường	2321030088	10/09/2005	Trắc địa bản đồ K68	
65	ML225	Nguyễn Huy	Khánh	2221030320	05/08/2004	Địa tin học K67	
66	ML226	Vũ Hoàng Đình	Khánh	2421070444	01/08/2006	Xây dựng Hạ tầng cơ sở 69A	
67	ML227	Trần Thị Vân	Khánh	2224010522	16/11/2004	Kế toán K67	
68	ML228	Nguyễn Hoàng	Khánh	2221060418	23/12/2004	Cơ Điện Tử A K67	
69	ML229	Phạm Đình	Khánh	2421060235	22/05/2006	Điện Khí Hoá Mỏ K69	
70	ML230	Đinh Thị Kim	Khánh	2521000176	08/10/2007	Ngôn ngữ Trung Quốc K70A1	
71	ML231	Lê Anh	Khoa	2321060004	30/03/2005	Công nghệ kĩ thuật điện, điện tử 68	
72	ML232	Kim Nguyên	Khôi	2121050825	09/10/2002	Khoa học dữ liệu K66	
73	ML233	Trương Thị	Khuê	2221010076	02/03/2004	Kỹ thuật Địa Vật lý K67	
74	ML234	Đặng Ngọc	Khuê	2224010617	13/10/2004	Kế toán K67	
75	ML235	Nguyễn Thị Ngọc	Khuê	2321050112	09/02/2005	Khoa học dữ liệu A k68	
76	ML236	Vũ Xuân Hồng	Lai	2421050052	03/12/2006	Công nghệ thông tin A K69	

(Tổng số 76 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : KHOA HỌC MÁC - LÊ NIN VÀ TƯ TƯỞNG HCM

PHÒNG THI: B207

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	ML237	Trần Thị Tâm	Lan	2421080036	15/08/2006	Quản lý tài nguyên và môi trường K69A	
2	ML238	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	2224010516	20/11/2004	Quản Trị Thương Mại Điện Tử K67_04	
3	ML239	Lê Thị	Lan	2421020226	16/12/2006	Du lịch địa chất k69	
4	ML240	Nguyễn Thị	Lan	2221030206	28/08/2004	Quản lí đất đai K67a	
5	ML241	Đặng Thị	Lanh	2421080122	21/10/2006	Hoá dược K69	
6	ML242	Cao Cự Phúc	Lâm	2421040101	03/08/2006	Khai Thác K69B	
7	ML243	Lê Thị	Lệ	2321050093	07/08/2005	Hệ thống thông tin K68	
8	ML244	Hà Thị Bích	Liên	2521000199	29/04/2007	Ngôn Ngữ Trung Quốc K70	
9	ML245	Đậu Linh	Linh	2421030244	01/01/2006	Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản K69A	
10	ML246	Vũ Thùy	Linh	2421080053	21/07/2006	Môi trường k69	
11	ML247	Phạm Võ Ngọc	Linh	2421080077	16/01/2006	Môi trường K69	
12	ML248	Nguyễn Thuỳ Khánh	Linh	2421080090	12/01/2006	Môi trường K69	
13	ML249	Nguyễn Khánh	Linh	2324010061	28/09/2005	Quản trị kinh doanh-Marketing truyền thông K68	
14	ML250	Nguyễn Khánh	Linh	2321040028	25/08/2005	Kỹ thuật Mỏ K68	
15	ML251	Nguyễn Thị	Linh	2424010046	07/07/2006	Nguyễn Thị Linh Kế toán K69	
16	ML252	Hà Thuỳ	Linh	2321030206	29/06/2005	Quản Lý Đất Đai K68A	
17	ML253	Nguyễn Diệu	Linh	2324010098	22/09/2005	Quản trị kinh doanh K68	
18	ML254	Lưu Văn	Linh	2321060456	28/09/2005	Kỹ thuật điện - điện tử K68	
19	ML255	Lê Thị Hoài	Linh	2324010170	14/08/2005	Kế toán K68	
20	ML256	Lê Trần Diệu	Linh	2224011207	26/08/2004	DCKTKT67B1	
21	ML257	Vương Hà	Linh	2321050007	19/08/2005	Hệ thống thông tin K68	
22	ML258	Tào Khánh	Linh	2521020305	26/06/2007	Quản lý đô thị và công trình K70	
23	ML259	Lê Khánh	Linh	2421030027	03/07/2006	Quản lý đất đai K69	
24	ML260	Vũ Thị	Linh	2424010044	20/01/2006	Kế Toán K69	
25	ML261	Phạm Thị Phương	Linh	2321060513	29/11/2005	Kỹ thuật Robot và Trí tuệ nhân tạo K68	
26	ML262	Nguyễn Duy Hương	Linh	2221030066	24/10/2004	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản K67	
27	ML263	Phạm Mai	Linh	2421030063	06/10/2006	Trắc Địa - Bản Đồ K69	
28	ML264	Nguyễn Nhật	Linh	2524010509	16/08/2007	Quản trị kinh doanh K70B1	
29	ML265	Triệu Ngọc	Linh	2321080058	02/02/2005	Quản lý tài nguyên môi trường K68	
30	ML266	Trần Đoàn Nhật	Linh	2224010831	02/02/2004	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K67B	
31	ML267	Phạm Khánh Mỹ	Linh	2224010086	29/12/2004	Kế toán A2 K67	
32	ML268	Trịnh Thuỳ	Linh	2221020059	12/10/2004	Du lịch địa chất K67	
33	ML269	Cao Thị Khánh	Linh	2224010955	23/06/2004	Kế toán K67B1	
34	ML270	Nguyễn Ngọc	Linh	2421080025	10/10/2006	môi trường k69	
35	ML271	Vũ Phương	Linh	2521080075	16/09/2007	Quản lí tài nguyên và môi trường K70	
36	ML272	Trần Bùi Khánh	Linh	2321020025	12/10/2005	Du lịch địa chất K68	
37	ML273	Nguyễn Thị Phương	Loan	2524010125	05/10/2007	Kế Toán K70	
38	ML274	Đặng Thị Kim	Loan	2521000091	08/10/2007	Ngôn ngữ Trung K70	
39	ML275	Nguyễn Hoàng	Long	2221080032	25/05/2004	Quản lý Tài nguyên và Môi trường K67	
40	ML276	Nguyễn Văn	Lộc	2221060600	20/02/2004	Dccdtd67b	
41	ML277	Nguyễn Thi	Luyến	2321030218	05/02/2005	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản k68	
42	ML278	Trần Đình	Lực	2421080013	19/12/2006	Quản lý tài nguyên môi trường K69	
43	ML279	Trương Thị Huyền	Lương	2224010643	14/12/2004	Kế toán K67 B1	
44	ML280	Nguyễn Văn	Lưỡng	2224010280	06/06/2004	Quản trị Marketing truyền thông K67	
45	ML281	Chu Minh	Lượng	2321010064	03/03/2005	Công nghệ kỹ thuật hoá học K68	
46	ML282	Vũ Khánh	Ly	2424010231	21/10/2006	Quản trị kinh doanh K69	
47	ML283	Phan Lương Khánh	Ly	2221040072	09/03/2004	An toàn vệ sinh lao động K67	
48	ML284	Nguyễn Thị Hương	Ly	2424010057	25/11/2006	Kế toán k69	
49	ML285	Vũ Thị Khánh	Ly	2421030123	13/06/2006	Quản lý phát triển đô thị & bất động sản k69A	
50	ML286	Nguyễn Lưu	Ly	2221040073	30/08/2003	An toàn vệ sinh lao động K67	

(Tổng số 50 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : KHOA HỌC MÁC - LÊ NIN VÀ TƯ TƯỞNG HCM

PHÒNG THI: B303

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	ML287	Bùi Khánh	Ly	2321020005	29/03/2005	Du lịch địa chất K68	
2	ML288	Lý Mai	Ly	2321050108	16/09/2005	Tin học kinh tế K68	
3	ML289	Lê Thị Kiều	Ly	2421020210	20/12/2006	Du lịch địa chất K69B	
4	ML290	Phùng Vân	Ly	2524010592	23/10/2007	Quản trị kinh doanh K70B1	
5	ML291	Trần Hồng	Mai	2521000188	27/06/2007	Ngôn Ngữ Trung lớp B1 K70	
6	ML292	Nguyễn Thị	Mai	2521000157	27/11/2007	Ngôn ngữ Trung Quốc K70 A2	
7	ML293	Lã Thị Thanh	Mai	2521000127	28/06/2007	Ngôn ngữ Trung Quốc K70A1	
8	ML294	Vũ Quỳnh	Mai	2224010759	30/05/2004	Quản trị Thương Mại Điện Tử K67	
9	ML295	Hoàng Thị Ngọc	Mai	2224010967	09/08/2004	Kế Toán K67	
10	ML296	Tạ Thị	Mai Trang	2521000272	22/07/2007	Ngôn ngữ Trung Quốc K70	
11	ML297	Trần Tiến	Mạnh	2221030051	09/10/2004	Quản lí đất đai K67C	
12	ML298	Bùi Đức	Mạnh	2321060039	16/12/2005	Tự động hóa K68	
13	ML299	Trần Tiến	Mạnh	2421060581	07/07/2006	Cơ điện tử B K69	
14	ML300	Nguyễn Tiến	Mạnh	2324010203	16/06/2005	Marketing Truyền thông K68	
15	ML301	Phạm Văn	Mạnh	2521050365	20/07/2007	Công nghệ thông tin C K70	
16	ML302	Trần Đình	Mạnh	2421020144	09/09/2006	Du Lịch Địa Chất k69	
17	ML303	Nguyễn Đức	Mạnh	2221060279	17/01/2004	Kỹ thuật điều khiển tự động hoá K67	
18	ML304	Nguyễn Duy	Mạnh	2421060624	03/06/2006	Điện hoá mỏ K69	
19	ML305	Đặng Thị	Mến	2424010006	19/09/2006	Tài Chính Ngân Hàng K69	
20	ML306	Nguyễn Thị	Minh	2224011169	29/04/2004	Tài chính ngân hàng K67	
21	ML307	Bùi Quang	Minh	2221050123	28/08/2004	Hệ thống Thông tin B K67	
22	ML308	Lê Quang	Minh	2221080051	03/03/2004	Quản lý Tài nguyên và Môi trường K67	
23	ML309	Nguyễn Bình	Minh	2521020323	01/11/2007	Địa kỹ thuật xây dựng k70	
24	ML310	Nghiêm Tuấn	Minh	2321070247	09/10/2005	Xây dựng dân dụng và công nghiệp K68	
25	ML311	Bùi Hải	Minh	2224010665	22/07/2004	Kế toán K67	
26	ML312	Nguyễn Hải	Minh	2524010282	28/12/2007	Quản trị kinh doanh K70B1	
27	ML313	Nguyễn Thị	Mùi	2224010267	14/01/2004	Quản trị thương mại điện tử 04A K67	
28	ML314	Nguyễn Trà	My	2321030137	27/09/2005	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản K68	
29	ML315	Trần Thị Huyền	My	2421030023	09/12/2006	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản K69B	
30	ML316	Nguyễn Thị Trà	My	2321030061	07/03/2005	Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản K68	
31	ML317	Bùi Trà	My	2221020019	04/05/2004	Địa chất học K67	
32	ML318	Ngô Trà	My	2521030250	19/09/2007	Quản lý đất đai A K70	
33	ML319	Nguyễn Trà	My	2221040060	15/12/2004	An toàn vệ sinh lao động K67	
34	ML320	Nguyễn Thị Trà	My	2524010565	21/12/2007	Quản trị kinh doanh k70	
35	ML321	Trần Khánh	Nam	2421010105	20/02/2006	Khoan Khai Thác K69	
36	ML322	Trần Nhật	Nam	2321010062	08/02/2004	Thiết bị Dầu Khí K68	
37	ML323	Hồ Ngọc	Ninh	2321030009	30/03/2005	Địa tin học K68	
38	ML324	Bùi Hằng	Nga	2321080001	05/01/2005	QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG K68A	
39	ML325	Nguyễn Thị Thuý	Nga	2424010169	26/04/2006	Kế toán K69	
40	ML326	Nguyễn Thúy	Nga	2321050096	05/02/2005	Công nghệ phần mềm K68	
41	ML327	Vũ Thị Ngát	Ngát	2321020011	15/07/2005	Du lịch địa chất K68	
42	ML328	Trần Thu	Ngân	2224010142	09/03/2004	Tài chính Ngân hàng C K67	
43	ML329	Phạm Thuỳ	Ngân	2321020024	24/09/2005	Du Lịch Địa Chất K68	
44	ML330	Dương Ngọc Bích	Ngân	2224010976	03/10/2004	Kế toán K67B2	
45	ML331	Đỗ Vương	Nghiêm	2421030005	16/05/2006	Quản Lý Đất Đai k69A	
46	ML332	Nguyễn Thị Thảo	Ngọc	2421080112	16/06/2006	Lớp quản lý tài nguyên và môi trường k69B	
47	ML333	Hồ Thị Ánh	Ngọc	2221040061	08/12/2004	An Toàn Vệ Sinh Lao Động K67	
48	ML334	Nguyễn Phú Bảo	Ngọc	2321080031	25/12/2003	Quản lý Tài Nguyên và Môi Trường 68A	
49	ML335	Đinh Thị	Ngọc	0962637974	12/08/2007	Ngôn ngữ Trung Quốc lớp B1 k70	
50	ML336	Đỗ Thị Bích	Ngọc	2521080111	14/01/2007	Kĩ thuật môi trường K70A	
51	ML337	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	2224010928	26/10/2004	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng K67	

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
52	ML338	Phương Thị	Ngọc	2221080034	07/05/2004	Quản Lý tài nguyên và môi trường K67	
53	ML339	Nguyễn Minh	Ngọc	2424010103	04/09/2006	Quản Lý Công Nghiệp K69	
54	ML340	Vi Bích	Ngọc	2421080076	09/11/2006	Quản lí tài nguyên và môi trường k69A	
55	ML341	Phạm Minh	Ngọc	2524010595	01/10/2007	Quản trị kinh doanh K70 A2	
56	ML342	Phạm Thị Bích	Ngọc	2221040051	29/02/2004	An toàn vệ sinh lao động K67	
57	ML343	Lê Thị Thảo	Nguyên	2324010146	23/05/2005	Kế toán K68	
58	ML344	Lê Cao	Nguyên	2221010056	23/02/2004	Công nghệ kĩ thuật Hoá học K67	
59	ML345	Nguyễn Thị Út	Nhàn	2521000139	20/05/2007	Ngôn Ngữ Trung Quốc K70	
60	ML346	Nguyễn Thị	Nhàn	2324010194	21/12/2005	Logistics - Quản lý chuỗi cung ứng k68	

(Tổng số 60 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : KHOA HỌC MÁC - LÊ NIN VÀ TƯ TƯỞNG HCM

PHÒNG THI: B401

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	ML347	Phan Đức	Nhân	2321060336	01/09/2005	Kỹ thuật điều khiển-tự động hóa K68	
2	ML348	Nguyễn Văn	Nhật	2221030103	11/03/2004	Quản lý đất đai 67A	
3	ML349	Đỗ Quang	Nhất	2221060413	28/05/2004	Kỹ thuật cơ điện tử k67	
4	ML350	Đặng Xuân	Nhi	2221020048	25/08/2004	Du lịch địa chất K67	
5	ML351	Đào Phương	Nhi	2324010136	03/09/2005	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng K68	
6	ML352	Nguyễn Yến	Nhi	2521040152	07/11/2003	An toàn vệ sinh lao động K70	
7	ML353	Dương Yến	Nhi	2224010420	22/03/2004	Kế toán B2 K67	
8	ML354	Trần Thị Yến	Nhi	2221050352	05/10/2004	Hệ thống Thông tin K67 B	
9	ML355	Nguyễn Yến	Nhi	2521020313	04/10/2007	Du lịch địa chất K70B	
10	ML356	Nguyễn Hoàng Xuân	Nhi	2221030077	13/12/2003	Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản K67	
11	ML357	Nguyễn Thị Yến	Nhi	2321010063	06/06/2005	Công Nghệ Kỹ Thuật Hoá Học K68	
12	ML358	Cao Đàm Trang	Nhung	2321030143	02/01/2005	Quản Lý đất đai K68A	
13	ML359	Lại Hồng	Nhung	2224011077	23/02/2004	Kế toán K67	
14	ML360	Đoàn Thị	Nhung	2221040049	02/04/2004	An toàn vệ sinh lao động K67	
15	ML361	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	2424010014	16/06/2006	Tài chính ngân hàng K69	
16	ML362	Nguyễn Thị Phương	Nhung	2324010161	11/09/2005	Marketting truyền thông K68	
17	ML363	Nguyễn Thị	Nhung	2421050119	17/07/2006	Công nghệ Thông tin K69 B	
18	ML364	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	2324010077	05/08/2005	Kế toán K68	
19	ML365	Nguyễn Hồng	Nhung	2221030213	01/07/2004	lớp Quản ký phát triển đô thị & BĐS k67	
20	ML366	Nguyễn quỳnh	Như	2324010179	11/01/2005	Kinh tế k68	
21	ML367	Nguyễn Quỳnh	Như	2521080038	25/04/2007	Địa chất môi trường kỹ thuật K70	
22	ML368	Vũ Tuyết	Như	2421070034	10/10/2006	Quản lý xây dựng k69	
23	ML369	Dương Thị	Như	2424010008	24/01/2006	Tài chính ngân hàng k69	
24	ML370	Trần Hồng	Oanh	2221030133	20/06/2004	Quản Lý Đất Đai BK67	
25	ML371	Nguyễn xuân	Phát	2524010387	11/06/2007	Quản trị kinh doanh k70	
26	ML372	Nguyễn Thế	Phong	2221050503	18/06/2004	Công nghệ phần mềm K67	
27	ML373	Nguyễn Huy	Phong	2321060068	11/05/2005	Cơ Khí K68	
28	ML374	Nguyễn Quang	Phú	2421030061	24/07/2006	Địa tin học k69	
29	ML375	Vũ Quang	Phúc	2421080047	12/12/2006	Quản Lý tài nguyên và môi trường K69	
30	ML376	Nguyễn Minh	Phương	2324010247	24/02/2005	Tài chính ngân hàng K68	
31	ML377	Phạm Mai	Phương	2324010185	12/06/2005	Marketing Truyền thông K68	
32	ML378	Đặng Thị Thu	Phương	2221040003	13/05/2004	Tuyển khoáng K67	
33	ML379	Vũ Thị Thu	Phương	2321050124	26/04/2005	Khoa Học Dữ Liệu A K68	
34	ML380	Nguyễn Lan	Phương	2324010259	03/11/2003	Kế toán K68	
35	ML381	Nguyễn Hoài	Phương	2321030060	29/09/2005	Địa Tin Học K68	
36	ML382	Phạm Thị Minh	Phương	2521000028	12/08/2007	Hoá dược K70	
37	ML383	Nguyễn Mai	Phượng	2224010323	21/06/2004	Kế toán K67	
38	ML384	Phạm Minh	Quân	2221060810	24/11/2004	Kỹ thuật điện K67	
39	ML385	Phùng Anh	Quân	2221010058	12/06/2004	Công nghệ số trong thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên K67	
40	ML386	Nguyễn Đạt	Quân	2321060460	04/04/2005	Địa chất-Cơ Điện-Kĩ thuật điện K68 03	

(Tổng số 40 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : KHOA HỌC MÁC - LÊ NIN VÀ TƯ TƯỞNG HCM

PHÒNG THI: B404

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	ML387	Nông Thu	Quế	2521000162	07/01/2007	Ngôn ngữ Trung K70	
2	ML388	Nguyễn Hương	Quế	2321060516	14/08/2005	Điện công nghiệp A k68	
3	ML389	Hoàng Thị Minh	Quý	2324010251	30/10/2003	Kế toán K68	
4	ML390	Cao Thị Thu	Quyên	2321050058	06/03/2005	Hệ thống thông tin K68	
5	ML391	Lương Ánh	Quyên	2521000365	09/11/2007	Ngôn ngữ Trung quốc K70	
6	ML392	Lường Thị Như	Quỳnh	2221020101	17/05/2004	Kỹ thuật Địa chất K67	
7	ML393	Phan Thị Khánh	Quỳnh	2321020119	21/09/2004	Du lịch địa chất k68	
8	ML394	Lê Mai	Quỳnh	2221050828	11/09/2004	Hệ thống thông tin C K67	
9	ML395	Ngô Thị Ánh	Quỳnh	2221030120	02/02/2004	Quản lý đất đai B K67	
10	ML396	Đỗ Thị Diễm	Quỳnh	2224010991	27/02/2004	Kế Toán 67B2	
11	ML397	Trần Ngọc	Quỳnh	2524010587	13/11/2007	Quản trị kinh doanh K70B2	
12	ML398	Nguyễn Như	Quỳnh	2321060301	14/01/2005	Cơ Điện k68	
13	ML399	Đào Thị Diễm	Quỳnh	2421050101	15/03/2006	Công nghệ thông tin B K69	
14	ML400	Vũ Quang	Sáng	2321010120	08/09/2005	Khoan khai thác K68	
15	ML401	Phạm Văn	Sơn	2321010075	21/01/2005	Kỹ thuật dầu khí K68	
16	ML402	Đỗ Hoàng	Sơn	2421080108	01/07/2006	Quản lí tài nguyên và môi trường K69 B	
17	ML403	Nguyễn Hồng	Sơn	2421080050	27/03/2006	Môi trường k69	
18	ML404	Bùi Thái	Sơn	2321010104	19/08/2005	Địa chất Dầu Khí K68	
19	ML405	Giàng A	Sùng	2421030142	26/02/2005	Trắc Địa K69	
20	ML406	Nguyễn Tuấn	Tài	2321060574	18/05/2005	Tự Động Hoá K68	
21	ML407	Nguyễn Anh	Tài	2421060440	01/11/2006	Mỏ địa chất k69	
22	ML408	Cao Thanh	Tâm	2521030247	16/08/2007	kỹ thuật trắc địa bản đồ k70	
23	ML409	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	2321050053	12/01/2005	Công nghệ thông tin K68	
24	ML410	Lê Mạnh	Tiên	2321060498	28/07/2005	DCCDKTD68 01A	
25	ML411	Bùi Thị Thuỷ	Tiên	2321080011	15/08/2005	Môi trường K68B	
26	ML412	Nguyễn Thu Thuỷ	Tiên	2524010497	22/11/2007	Quản Trị Kinh Doanh K70	
27	ML413	Nguyễn Xuân	Tiến	2321030059	30/01/2005	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản K68	
28	ML414	Nguyễn Ngọc	Tỉnh	2321060351	01/12/2005	Tự động hoá K68	
29	ML415	Đỗ Văn	Tính	2321020007	11/03/2005	KỸ THUẬT ĐỊA CHẤT K68	
30	ML416	Trương Ngọc	Toan	2221010001	24/12/2004	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học K67	
31	ML417	Phạm Toàn	Toàn	2221060038	05/11/2004	TỰ ĐỘNG HÓA A K67	
32	ML418	Lê Thị Cẩm	Tú	2321050008	02/11/2005	Công Nghệ Phần Mềm K68	
33	ML419	Ngô Văn	Tú	2321060085	22/08/2005	Cơ Điện Tử 68	
34	ML420	Hoàng Thị	Tú	2224011063	05/01/2004	Kế toán K67B2	
35	ML421	Nguyễn Tuấn	Tú	2421060413	27/12/2006	DCCDKTD69-01A	
36	ML422	Phạm Anh	Tú	2321050116	16/02/2005	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa K68	
37	ML423	Phạm Minh	Tú	2421070335	26/06/2006	Quản lý xây dựng 69c	
38	ML424	Nguyễn Đức	Tú	2321060557	10/05/2005	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa k68	
39	ML425	Phạm Ngọc	Tú	2521000193	31/08/2007	Ngôn Ngữ Trung Quốc K70A1	
40	ML426	Hàn Văn	Tuấn	2321060597	17/01/2005	Kỹ thuật điện K68	

(Tổng số 40 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : KHOA HỌC MÁC - LÊ NIN VÀ TƯ TƯỞNG HCM

PHÒNG THI: A206

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	ML427	Vũ Hữu	Tuấn	2321050018	04/02/2005	Hệ thống thông tin K68	
2	ML428	Nguyễn Văn	Tuấn	2321060170	03/04/2005	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa K68B	
3	ML429	Phan Xuân	Tuấn	2121051155	12/03/2003	CNTT - K66	
4	ML430	Lê Văn Tuấn	Tuấn	2421070427	08/09/2006	Quản lý xây dựng 69C	
5	ML431	Phạm Như	Tuấn	2421050095	02/12/2006	Công nghệ thông tin K69	
6	ML432	Vũ Thanh	Tùng	2421030006	25/10/2006	Quản lý đất đai K69A	
7	ML433	Phạm Đình	Tùng	2221050622	23/10/2004	Hệ thống thông tin C - K67	
8	ML434	Nguyễn Thanh	Tùng	2321030109	28/04/2005	DCTDTD68-01	
9	ML435	Đặng Thanh	Tùng	2521070514	17/04/2006	Quản lí xây dựng K70	
10	ML436	Lữ Trọng	Thái	24210142	20/12/2006	Thiết bị Dầu khí K69	
11	ML437	Bùi Văn	Thanh	2321060370	11/03/2005	Tự Động Hoá K68A	
12	ML438	Phạm Thị	Thanh	2321050063	24/12/2005	Khoa học dữ liệu A K68	
13	ML439	Nguyễn Xuân	Thành	2221060240	17/10/2004	Cơ điện tử K67	
14	ML440	Nguyễn Trung	Thành	2221020055	09/08/2004	Du lịch địa chất k67	
15	ML441	Lê Xuân	Thành	2321060487	26/07/2005	DCCDCDT68	
16	ML442	Vũ Đức	Thành	2421030096	18/05/2006	Quản lý đất đai K69	
17	ML443	Vũ Tiến	Thành	2321010112	24/09/2005	Khoan khai thác K68	
18	ML444	Đỗ Thu	Thảo	2324010216	24/10/2005	Kế toán K68	
19	ML445	Hứa Phương	Thảo	2321030021	20/07/2005	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản K68	
20	ML446	Nguyễn Thị Phương	Thảo	2221030284	17/07/2004	Đia tin k67	
21	ML447	Nguyễn Phương	Thảo	2324010053	07/05/2005	Kế toán K68	
22	ML448	Trần Thị	Thảo	2324010235	21/05/2005	Kế toán K68	
23	ML449	Trần Thu	Thảo	2324010082	31/07/2005	Lớp Logistics - quản lý chuỗi cung ứng k68	
24	ML450	Nguyễn Thị Thu	Thảo	2524010487	19/07/2007	Kế toán K70B2	
25	ML451	Vũ Thu	Thảo	2421080087	12/06/2006	Môi Trường K69	
26	ML452	Vũ Phương	Thảo	2321080009	04/11/2005	Quản lý tài nguyên và môi trường K68	
27	ML453	Hoàng Phương	Thảo	2421050015	07/11/2006	Khoa học dữ liệu K69	
28	ML454	Đàm Phương	Thảo	2224010543	03/11/2004	Quản trị Marketing truyền thông K67	
29	ML455	Lê Thị Phương	Thảo	2524010463	01/08/2007	Kế toán k70b2	
30	ML456	Bùi Thị Thanh	Thảo	2521030202	06/10/2007	Quản lí phát triển đô thị và Bất động sản K70	
31	ML457	Phạm Thị Phương	Thảo	2521000065	10/05/2007	Ngôn ngữ Trung Quốc K70 A2	
32	ML458	Hà Thị Thu	Thảo	2524010353	01/12/2007	Kế toán K70	
33	ML459	Trần Phương	Thảo	2521000382	02/09/2007	Ngôn ngữ Trung Quốc k70A1	
34	ML460	Lê Thị Thu	Thảo	2424010153	04/10/2006	Tài chính Ngân hàng k69	
35	ML461	Nguyễn Trọng	Thắng	2421050142	04/02/2006	Công Nghệ Thông Tin k69	
36	ML462	Nguyễn Đình	Thi	2321060082	14/09/2005	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa B K68	
37	ML463	Tạ Ngọc	Thịnh	2321030189	14/05/2005	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản K68	
38	ML464	Nguyễn Văn	Thịnh	2321060154	17/03/2005	Kỹ thuật điện k68	
39	ML465	Lê Văn	Thịnh	2221060501	15/03/2004	Cơ khí k67	
40	ML466	Nguyễn Hà	Thịnh	2321060193	15/03/2005	Kỹ Thuật Điều khiển và tự động hoá K68	

(Tổng số 40 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : KHOA HỌC MÁC - LÊ NIN VÀ TƯ TƯỞNG HCM

PHÒNG THI: A207

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	ML467	Nguyễn Nam	Thịnh	2321030020	18/12/2005	Xây dựng dân dụng và công nghiệp k68	
2	ML468	Nguyễn Thị Kim	Thoa	2321020021	14/12/2005	Địa chất học K68	
3	ML469	Tạ Duy	Thông	2321060438	15/12/2005	Tự động hóa K68	
4	ML470	Đỗ Thị Minh	Thu	2324010137	16/04/2005	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng K68	
5	ML471	Phạm Thị	Thu	2421050107	04/04/2006	Công nghệ thông tin K69	
6	ML472	Nguyễn Thị	Thuật	2324010052	21/11/2005	Kế toán k68	
7	ML473	Trịnh Minh	Thuỳ	2224010811	25/04/2003	DCKTCN67_02A	
8	ML474	Nguyễn Thị	Thuý	2321020065	13/10/2005	Du Lịch Địa Chất K68	
9	ML475	Ngô Thị	Thuý	2424010106	05/09/2006	Tài chính ngân hàng k69	
10	ML476	Trần Thị	Thuý	2321050089	04/08/2005	Khoa học dữ liệu K68A	
11	ML477	Phạm Thị Thu	Thủy	2321030163	14/10/2005	Địa tin học K68	
12	ML478	Phạm Thị Phương	Thúy	2524010109	01/11/2007	Kế toán K70A2	
13	ML479	Hoàng Thị Mai	Thúy	2221010027	14/04/2004	Công nghệ kỹ thuật hóa học k67	
14	ML480	Nguyễn Thị	Thuỳ	2421030102	09/03/2006	Quản lý đất đai k69a	
15	ML481	Nguyễn Thị	Thùy	2224010816	09/12/2004	Kế toán K67b2	
16	ML482	Mai Anh	Thư	2321000019	13/02/2005	Hoá dược k68	
17	ML483	Lương Thị Anh	Thư	2221030045	23/08/2004	Trắc địa Bản đồ K67	
18	ML484	Hoàng Minh	Thư	2221080050	11/08/2004	Quản lý tài nguyên và môi trường K67	
19	ML485	Diệp Thị Thanh	Thương	2224010115	05/12/2003	KẾ TOÁN K67	
20	ML486	Nguyễn Hà Việt	Thương	2521080085	27/06/2007	Địa chất môi trường kỹ thuật k70b	
21	ML487	Vũ Thị Huyền	Trang	2421050096	06/12/2006	Khoa học dữ liệu K69	
22	ML488	Hà Kiều	Trang	2224010401	11/05/2004	Kế toán K67 C2	
23	ML489	Hoàng Hà	Trang	2224010277	15/05/2004	Kế toán B2 K67	
24	ML490	Phạm Thị Như	Trang	2224010789	06/01/2004	Kế toán k67	
25	ML491	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	2421050134	12/06/2006	Công nghệ thông tin C K69	
26	ML492	Đỗ Thị Minh	Trang	2421080024	23/12/2006	Kỹ thuật môi trường K69	
27	ML493	Vũ Thị Thu	Trang	2224010470	13/01/2004	Kế toán K67	
28	ML494	Trần Thị Huyền	Trang	2224010248	23/06/2004	Kế toán K67	
29	ML495	Phó Huyền	Trang	2224010808	21/12/2004	Kế toán K67	
30	ML496	Hoàng Thuỳ	Trang	2221020111	21/06/2004	Du Lịch Địa Chất K67	
31	ML497	Nguyễn Kiều	Trang	2224010082	28/04/2004	Kế Toán K67	
32	ML498	Đinh Thị	Trang	2221050174	17/07/2003	Khoa học dữ liệu K67	
33	ML499	Nguyễn Lê Huyền	Trang	2524010395	20/12/2007	Quản trị kinh doanh K70B2	
34	ML500	Hoàng Thị Thu	Trang	2421070218	13/04/2006	Quản lí Xây Dựng k69	
35	ML501	Trương Thị Thuỳ	Trang	2321080019	05/10/2005	Quản lý tài nguyên và môi trường 68A	
36	ML502	Phùng Thị Thu	Trang	2224010245	18/10/2004	Tài chính ngân hàng A K67	
37	ML503	Nguyễn Huyền	Trang	2524010623	23/06/2007	Tài chính-Ngân hàng K70	
38	ML504	Mai Thị Huyền	Trang	2421070429	04/02/2006	Quản lý xây dựng k69 C	
39	ML505	Lê Trần Minh	Trang	2321050044	14/11/2005	Khoa học dữ liệu B K68	
40	ML506	Đỗ Thị Thu	Trang	2221080054	08/05/2004	Môi trường K67	
41	ML507	Kiều Thị Thu	Trang	2521000050	25/03/2026	Ngôn ngữ trung a1-k70	
42	ML508	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	2524010325	02/10/2007	Tài chính- ngân hàng k70	
43	ML509	Dư Đỗ Quỳnh	Trang	2221050722	25/02/2004	Hệ thống thông tin B K67	
44	ML510	Tiêu Diệu Huyền	Trang	2321000004	14/10/2005	Hóa Dược K68	
45	ML511	Trần Tố	Trân	2321070357	24/01/2005	Khoa học dữ liệu B K68	
46	ML512	Nguyễn Văn	Triệu	2321050102	26/05/2005	Công nghệ phần mềm K68	

(Tổng số 46 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : KHOA HỌC MÁC - LÊ NIN VÀ TƯ TƯỞNG HCM

PHÒNG THI: A308

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	ML513	Hoàng Văn	Trình	2321060596	16/01/2005	Tự động hóa k68	
2	ML514	Đào Văn	Trọng	2321060093	31/10/2005	Tự Động Hoá K68B	
3	ML515	Đỗ Thanh	Trúc	2421030077	06/04/2006	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ K69	
4	ML516	Đỗ Thanh	Trúc	2412030077	06/04/2006	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ K69	
5	ML517	Nguyễn Quốc	Trung	2421050177	20/11/2006	Công nghệ Thông tin K69	
6	ML518	Huỳnh Quốc	Trung	2421010093	23/05/2006	Khoan Khai Thác K69	
7	ML519	Huỳnh Ngọc	Trường	2421060243	23/02/2006	Robot và trí tuệ nhân tạo K69	
8	ML520	Đinh Văn	Trường	2421060236	10/10/2006	Robot k69	
9	ML521	Lê Tố	Uyên	2421080093	04/03/2006	Quản Lý Môi Trường 69	
10	ML522	Dương Thu	Uyên	2521000214	02/01/2007	Ngôn ngữ Trung K70 B1	
11	ML523	Trần Thị Phương	Uyên	2421030163	19/05/2006	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản K69	
12	ML524	Lê Thanh	Vân	2321020115	05/09/2004	Du Lịch Địa Chất k68	
13	ML525	Trần Khánh	Vân	2321000013	11/03/2005	Hoá dược K68	
14	ML526	Nguyễn Thị	Vân	2421050095	07/09/2005	Hệ Thống Thông Tin K68	
15	ML527	Trần Thị Khánh	Vân	2224010384	19/02/2004	Kế toán B2 K67	
16	ML528	Nguyễn Thị Thảo	Vi	2421030013	14/05/2006	Kĩ thuật trắc địa bản đồ K69	
17	ML529	Ngô Văn	Việt	2221060272	10/05/2004	Kĩ thuật điều khiển và tự động hoá K67	
18	ML530	Trần Quốc	Việt	2221060570	02/10/2004	Kỹ Thuật Điều Khiển Tự Động Hóa K67	
19	ML531	Đặng Quốc	Việt	2321030237	31/05/2005	Địa Tin Học K68	
20	ML532	Vũ Quang	Vinh	2321060329	06/03/2005	Công nghệ kĩ thuật điện điện tử K68	
21	ML533	Nguyễn Thanh	Vinh	2321010148	09/12/2005	Kĩ thuật khí thiên nhiên K68	
22	ML534	Phí Quang	Vinh	2321060169	04/08/2005	Tự động hóa B K68	
23	ML535	Nguyễn Thế	Vinh	2321060087	06/10/2005	ĐIỆN CÔNG NGHIỆP K68 01A	
24	ML536	Nguyễn Long Vũ	Vũ Dũng	2421060372	28/11/2006	Kĩ thuật điện K69	
25	ML537	Nguyễn Kiều	Vy	2321050005	30/12/2005	Hệ thống thông tin K68	
26	ML538	Lê Thị Thảo	Vy	2421030001	26/05/2006	Quản lý đất đaiA	
27	ML539	Triệu	Vy	2521000187	24/09/2007	Ngôn Ngữ Trung Quốc k70	
28	ML540	Mai Thị	Xuân	2321000039	14/12/2005	Hóa dược 68	
29	ML541	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	2324010207	15/02/2005	Kế toán K68	
30	ML542	Lê Thị Thanh	Xuân	2324010046	20/01/2005	Kế toán K68	
31	ML543	Hà Thị Bình	Yên	2224011137	21/01/2004	Kế toán K67B2	
32	ML544	Nguyễn	Yến	2421080094	11/08/2006	Quản lý tài nguyên và môi trường B K69	
33	ML545	Nguyễn Thị Hải	Yến	2324010177	24/12/2005	Kế toán K68	
34	ML546	Đồng Hoàng	Yến	2521020250	08/09/2006	Du Lịch Địa Chất - K70B	
35	ML547	Phạm Ngọc	Yến	2521080047	19/12/2007	Địa Chất môi trường kỹ thuật k70	
36	ML548	Tạ Thị Hải	Yến	2524010528	15/11/2007	Tài chính k70	
37	ML549	Lê Thị Phương	Yến	2524010685	08/04/2007	Quản trị kinh doanh K70	
38	ML550	Phạm Thị Hải	Yến	2324010102	19/02/2005	Kế toán K68	
39	ML551	Lê Thị	Yến	2424010237	23/03/2006	Quản trị kinh doanh k69B	

(Tổng số 39 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : TIN HỌC

PHÒNG THI: C501

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	TH01	Nguyễn Thị Thúy	An	2224010924	13/09/2004	Kế toán K67	
2	TH02	Đào Quốc	An	2321060302	17/07/2005	CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC K68	
3	TH03	Nguyễn Đăng Hoàng	Anh	2321030072	06/08/2005	Quản lý phát triển đô thị và Bất Động Sản	
4	TH04	Hoàng Tuấn	Anh	2221050179	28/10/2004	Công nghệ thông tin chất lượng cao A K67	
5	TH05	Lã Hoàng	Anh	2221050071	23/12/2004	Khoa học dữ liệu B K67	
6	TH06	Trần Ngọc	Anh	2221050562	14/07/2004	Công Nghệ Thông Tin K67	
7	TH07	Nguyễn Hoàng	Anh	2221050577	02/11/2004	Công nghệ thông tin chất lượng cao K67	
8	TH08	Phạm Minh	Anh	2224011131	24/06/2004	Kế toán C1 K67	
9	TH09	Đỗ Tuấn	Anh	2421050098	08/09/2006	Khoa học dữ liệu K69	
10	TH10	Nguyễn Việt	Bách	2221050088	28/04/2003	Công nghệ thông tin K67	
11	TH11	Nguyễn Thành	Công	2421050028	14/09/2006	Công nghệ thông tin A - K69	
12	TH12	Nguyễn Huy	Châu	2421050129	14/02/2006	CNTT K69	
13	TH13	Hoàng Nguyên	Du	2321060419	30/06/2005	kĩ thuật ô tô k68	
14	TH14	Phạm Tiến	Dũng	2221050669	03/11/2004	Công nghệ thông tin K67	
15	TH15	Nguyễn Quang	Duy	2421080055	01/11/2006	Môi trường K69	
16	TH16	Phạm Huy Thành	Đạt	2421050051	01/01/2006	Công nghệ thông tin K69	
17	TH17	Nguyễn Viết	Đạt	2421050006	09/10/2006	Khoa học dữ liệu K69	
18	TH18	Hà Minh	Đăng	2521050525	07/12/2007	Công Nghệ Thông Tin K70	
19	TH19	Phạm Minh	Đức	2421060192	07/09/2006	robot k69	
20	TH20	Nguyễn Trường	Đức	2421040099	25/09/2006	Công nghệ thông tin K69	
21	TH21	Nguyễn Xuân	Hà	2221060255	26/06/2003	TỰ ĐỘNG HOÁ K67	
22	TH22	Đặng Cao	Hậu	2221050150	21/11/2004	Khoa học máy tính K67	
23	TH23	Đỗ Thanh	Hiệp	2221060755	11/03/2004	Cơ Điện Tử K67	
24	TH24	Phạm Minh	Hiếu	2421030255	25/03/2005	Quản lí phát triển đô thị và bất động sản K69B	
25	TH25	Đàm Thị Khánh	Hoà	2224011214	04/10/2003	Quản trị kinh doanh K67	

(Tổng số 25 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : TIN HỌC

PHÒNG THI: C502

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	TH26	Đỗ Hữu	Hoàng	2221050257	17/08/2004	Công nghệ thông tin k67	
2	TH27	Hồ Tiến	Hùng	2421060598	04/09/2006	Kỹ thuật Robot K69	
3	TH28	Hà Trọng	Huy	2321070227	30/12/2005	Xây dựng K68	
4	TH29	Vũ Quang	Huy	2321080041	25/09/2004	Kĩ thuật môi trường K68	
5	TH30	Lê Xuân	Hưng	2421050161	17/01/2006	Công nghệ thông tin k69	
6	TH31	Nguyễn Thị Thuý	Hường	2524010547	24/04/2007	Kế Toán K70	
7	TH32	Nguyễn Anh	Khoa	2521050239	12/04/2007	Công nghệ thông tin k70A2	
8	TH33	Đào Sơn	Lâm	2321060317	06/10/2005	Kỹ thuật ô tô K68	
9	TH34	Lê Khánh	Linh	2421030230	22/06/2006	Quản lí đất đai k69B	
10	TH35	Nguyễn Đình	Linh	2221050431	27/11/2004	HTTT K67	
11	TH36	Tạ Đình	Long	2421070048	13/10/2006	Xây dựng k69	
12	TH37	Nghiêm Đức	Minh	2221050451	26/03/2004	Công nghệ thông tin K67 (chuyên ngành Tin học kinh tế K67)	
13	TH38	Vũ Đức	Minh	2221050219	29/10/2004	Công nghệ phần mềm A K67	
14	TH39	Nguyễn Bình	Minh	2521010056	16/08/2007	Khí thiên nhiên K70	
15	TH40	Bùi Quang	Minh	2221050504	16/12/2004	Công nghệ thông tin chất lượng cao k67	
16	TH41	Đặng Quang	Mừng	2221050509	05/06/2004	Khoa học máy tính ứng dụng K67_A	
17	TH42	Phạm Nhật	Nam	2421050168	11/08/2006	Công nghệ thông tin K69	
18	TH43	Nguyễn Nhật	Nam	2521030114	14/12/2007	Địa Tin Học K70	
19	TH44	Tăng Tuấn	Nam	2521050236	19/09/2007	Công nghệ thông tin K70 - B2	
20	TH45	Vũ Hải	Nam	2421050038	08/09/2006	Công nghệ thông tin K69	
21	TH46	Đỗ Hiếu	Ngân	2321030105	18/10/2005	Quản lí phát triển đô thị và Bất động sản K68	
22	TH47	Nguyễn Hoàng Bích	Ngọc	2224010005	26/07/2004	Kế toán K67C2	
23	TH48	Nguyễn Bảo	Ngọc	2524010521	05/06/2007	Quản Trị Kinh Doanh K70	
24	TH49	Phí Hồng	Nhung	2224010531	02/12/2004	Kế toán K67	
25	TH50	Kiều Thị Hồng	Nhung	2321080085	30/01/2005	Quản lý tài nguyên và môi trường K68A	

(Tổng số 25 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : TIN HỌC

PHÒNG THI: C503

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	TH51	Hoàng	Phúc	2221050650	11/06/2004	Công nghệ thông tin K67	
2	TH52	Bùi Hoàng	Phúc	2321050026	30/09/2005	Khoa học dữ liệu K68	
3	TH53	Hoàng Đình	Phúc	2321050031	09/07/2005	Khoa học dữ liệu K68	
4	TH54	Vũ Nhất	Quang	2321060136	12/05/2005	Kỹ thuật ô tô K68	
5	TH55	Nguyễn Hồng	Quân	2221050540	11/12/2004	Hệ thống thông tin K67 B	
6	TH56	Lê Minh	Quân	2221050656	29/09/2004	Tin học kinh tế K67_04B	
7	TH57	Nguyễn Trung	Quốc	2221050438	29/06/2004	Khoa học máy tính ưng dụng k67	
8	TH58	Trần Xuân	Tâm	2321060381	08/10/2005	Cơ điện tử K68	
9	TH59	Trịnh Thế	Toàn	2321060223	08/01/2005	Kỹ thuật ô tô K68	
10	TH60	Phan Anh	Tú	2321020026	21/11/2005	Địa kỹ thuật k68	
11	TH61	Phạm Thị	Thanh	2321050063	24/12/2005	Khoa học dữ liệu A K68	
12	TH62	Trần Hoàng	Thành	2221050831	19/09/2004	Hệ thống thông tin K67	
13	TH63	Nguyễn Phương	Thảo	2424010080	31/08/2006	Kế toán K69	
14	TH64	Nguyễn Thị Phương	Thảo	2524010044	29/04/2007	Kế toán K70B1	
15	TH65	Nguyễn Trọng	Thắng	2421050142	04/02/2006	Công Nghệ Thông Tin K69	
16	TH66	Vũ Đức	Thắng	2221050044	26/04/2004	Công Nghệ Phần Mềm K67C	
17	TH67	Đặng Việt	Thắng	2321050020	26/08/2005	Khoa học dữ liệu K68 B	
18	TH68	Hoàng Thị	Thơ	2224010501	21/01/2004	Quản trị kinh doanh K67	
19	TH69	Nguyễn Thị Thu	Thuỷ	2321060227	01/11/2005	Kỹ thuật Ô tô K68	
20	TH70	Phùng Thị Thanh	Thúy	2321020052	08/11/2005	Địa kỹ thuật xây dựng k68	
21	TH71	Nguyễn Minh	Thứ	2321070341	14/10/2003	Xây Dựng K68	
22	TH72	Hà Thùy	Trang	2524010679	05/07/2007	Kế toán 70B2	
23	TH73	Lê Trần Minh	Trang	2321050044	14/11/2005	Khoa học dữ liệu K68	
24	TH74	Phạm Đức	Trọng	2221060811	27/01/2004	DCCDDL67	
25	TH75	Mai Đức	Trung	2521050189	01/03/2007	Công Nghệ Thông Tin K70-C2	
26	TH76	Nguyễn Duy	Việt	2521030102	04/08/2006	Quản lí đất đai K70A1	

(Tổng số 26 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026
(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)
Môn thi : ỨNG DỤNG TIN HỌC TRONG THIẾT KẾ CHI TIẾT MÁY
PHÒNG THI: A305

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	UD1	Hoàng Công	Ánh	2221060325	28/02/2004	Công nghệ chế tạo máy K67A	
2	UD2	Nguyễn Như	Bình	2321060531	06/07/2005	Kĩ thuật Điện Công nghiệp K68	
3	UD3	Hoàng Minh	Chiến	2321060436	17/06/2005	Cơ khí động lực	
4	UD4	Đào Văn Chiến	Chiến	2321060366	12/11/2005	Cơ khí động lực k68	
5	UD5	Vũ Mạnh	Chuẩn	2221060027	02/12/2004	Cơ khí K67	
6	UD6	Phạm Văn	Dũng	2421030094	17/06/2006	Địa Tin Học k69	
7	UD7	Cao Tiến	Đạt	2221060050	28/01/2004	Công nghệ chế tạo máy K67A	
8	UD8	Nguyễn Thế	Đức	2321060015	23/07/2005	Cơ khí K68	
9	UD9	Trương Hoàng	Hải	2221010069	23/07/2004	Kĩ thuật ô tô A K67	
10	UD10	Trần Quang	Hải	2221060128	12/09/2004	Công nghệ chế tạo máy K67B	
11	UD11	Nguyễn Duy	Hiển	2421060140	06/05/2006	Cơ điện tử K69 A	
12	UD12	Nguyễn Văn	Hiếu	2421060050	14/07/2006	Cơ Điện Tử K69	
13	UD13	Đinh Việt	Hùng	2221060802	13/06/2004	Cơ khí động lực k67	
14	UD14	Nguyễn Đình	Hùng	2221060304	30/09/2004	Cơ khí chế tạo máy k67	
15	UD15	Nguyễn Văn	Huy	2221060285	23/10/2004	Cơ khí chế tạo máy K67	
16	UD16	Nguyễn Văn	Lợi	2221060469	25/10/2004	Công nghệ chế tạo máy k67B	
17	UD17	Trần Đức	Mạnh	2321060504	09/04/2005	Cơ Khí Động Lực K68	
18	UD18	Vũ Tiến	Minh	2321060055	21/02/2005	Cơ khí động lực K68	
19	UD19	Nguyễn Bật	Minh	2321060018	03/11/2005	Động Lực K68	
20	UD20	Nguyễn Trọng Bảo	Ngọc	2221060243	09/02/2004	Cơ Khí K67	
21	UD21	Nguyễn Văn	Quyền	2121060398	24/11/2003	Cơ Khí Động Lực K66	
22	UD22	Lê Hồng	Sơn	2421060461	13/04/2006	Kỹ thuật Ô tô K69	
23	UD23	Nguyễn Đức Tài	Tài	2421060308	13/05/2006	Kỹ thuật ô tô k69	
24	UD24	Trần Văn	Tiến	2221060198	20/04/2004	Chế tạo máy k67B	
25	UD25	Trần Văn	Thắng	2321060577	26/07/2005	Cơ điện tử K68	
26	UD26	Nguyễn Doãn	Thiện	2421060318	30/01/2006	Cơ điện tử K69	
27	UD27	Đào Đức	Thống	2521060638	14/10/2007	Cơ khí động lực K70	
28	UD28	Nguyễn Vỹ	Trung	2321060349	05/02/2005	Cơ khí k68	
29	UD29	Nguyễn Văn	Vinh	2421060057	01/05/2006	Kỹ thuật ô tô K69	

(Tổng số 29 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : VẬT LÝ

PHÒNG THI: A203

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	VL01	Đinh Mai	An	2221050181	12/08/2004	Hệ thống thông tin A K67	
2	VL02	Nhữ Đức	Anh	2221060249	19/03/2004	Cơ điện tử b k67	
3	VL03	Ngô Ngọc	Anh	2321060084	26/03/2005	Chế tạo máy K68	
4	VL04	Phạm Việt	Anh	2521061043	30/11/2007	Điện Điện Tử K70	
5	VL05	Phạm Vũ Trí	Anh	2521060517	29/11/2007	Kỹ Thuật Điện K70	
6	VL06	Nguyễn Việt	Anh	2521070143	12/09/2007	Xây Dựng K70	
7	VL07	Lê Thị Thảo	Anh	2521061004	10/03/2006	DCCDCDT70B	
8	VL08	Ngô Trần Quốc	Anh	2521060759	26/09/2008	Cơ khí động lực k70	
9	VL09	Hoàng Đức	Anh	2521060052	19/05/2007	Cơ Khí Động Lực K70	
10	VL10	Nguyễn An	Bình	2421050063	19/01/2006	Công Nghệ Thông Tin K69	
11	VL11	Nguyễn Viết Thanh	Bình	2521060026	30/12/2007	Cơ điện tử K70B	
12	VL12	Hoàng Anh	Công	2521060963	18/01/2007	Kỹ Thuật Điện K70A1	
13	VL13	Bùi Yến Chi	Chi	2521060882	07/01/2007	DCCDKTD70A2	
14	VL14	Lương Thị Quỳnh	Chi	2524010686	03/08/2007	Quản lý công nghiệp K70	
15	VL15	Lê Văn	Chiến	2,521E+10	03/03/2007	Tự Động Hoá K70	
16	VL16	Nguyễn Văn	Chung	2321050024	14/06/2005	Công nghệ thông tin K68	
17	VL17	Hoàng Văm	Dũng	2521060770	01/02/2007	Tự động hoá K70	
18	VL18	Nguyễn Đức	Dương	2321030215	16/08/2005	Địa tin học K68	
19	VL19	Phạm Thuỳ	Dương	2521050243	11/03/2007	Công nghệ thông tin K70	
20	VL20	Nguyễn Xuân	Đạt	2421060098	29/11/2006	Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử K69	
21	VL21	Trần Quốc	Đạt	2521060602	28/08/2007	Cơ điện tử k70	
22	VL22	Lê Thế	Đạt	2521050395	05/08/2007	Công Nghệ Thông Tin K70	
23	VL23	Nguyễn Văn Tiến	Đạt	2521060760	19/11/2007	Tự động hoá K70	
24	VL24	Nguyễn Văn	Đức	2521060004	05/09/2007	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hoá K70	
25	VL25	Phạm Văn	Đương	2521060604	04/11/2007	Kỹ Thuật Điện K70B3	
26	VL26	Lê Ngọc	Hải	2521010096	01/10/2007	Kĩ thuật hóa học K70	
27	VL27	Diêm Hồng	Hanh	2521050025	04/09/2007	Công nghệ thông tin k70	
28	VL28	Nguyễn Minh	Hiền	2421050128	10/11/2006	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN K69	
29	VL29	Tống Văn	Hiến	2421060312	01/06/2006	Kĩ thuật điều khiểu và tự động hoá K69	
30	VL30	Tạ Việt	Hoài	2521060719	12/08/2007	Công Nghệ Kĩ Thuật Điện - Điện Tử K70	
31	VL31	Đinh Doãn	Hoàng	2521060161	06/07/2007	Kĩ thuật điện k70B3	
32	VL32	Ong Thế	Hùng	2521080064	10/03/2007	Kĩ thuật môi trường-K70	
33	VL33	Phạm Văn	Hùng	2521061075	26/05/2007	DCCDCK70A2	
34	VL34	Trần Tuấn	Hùng	2521070334	01/06/2007	Xây dựng K70	
35	VL35	Lê Quang	Huy	2321060027	17/06/2005	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hoá	
36	VL36	Nguyễn Cao Thanh	Huyền	2421000008	22/07/2006	Hóa Dược k69	

(Tổng số 36 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : VẬT LÝ

PHÒNG THI: A204

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	VL37	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	2321060524	12/11/2005	Kỹ Thuật Robot Và Trí Tuệ Nhân	
2	VL38	Nguyễn Lê Tuấn	Khanh	2521060580	28/12/2007	Kỹ thuật cơ khí động lực k70	
3	VL39	Nguyễn Trí Anh	Khoa	2221030009	20/11/2004	Địa Tin Học K67	
4	VL40	Trần Văn	Khoa	2521060626	30/10/2007	Công nghệ kĩ thuật điện - điện tử	
5	VL41	Lê Him	Lam	2521050502	24/08/2007	Công nghệ thông tin K70	
6	VL42	Đặng Thị	Lanh	2421080122	21/10/2006	Hoá dược K69	
7	VL43	Nguyễn Tùng	Lâm	2521060686	15/08/2007	Tự động hoá K70	
8	VL44	Phạm Thị Phương	Linh	2321060513	29/11/2005	Kỹ thuật Robot và trí tuệ nhân tạo	
9	VL45	Lã Ngọc	Lương	2421060343	06/08/2006	Cơ đuện tử K69	
10	VL46	Hoàng Phương	Ly	2421010132	30/05/2006	Lớp Địa Chất Dầu Khí K69	
11	VL47	Vũ Anh	Minh	2521061015	30/05/2007	Cơ điện tử K70B	
12	VL48	Hoàng Nhật	Minh	2421060043	30/11/2006	Dccdrobot69	
13	VL49	Nguyễn Hoàng	Nam	2521060003	19/01/2007	Tự động hoá K70	
14	VL50	Nguyễn Phương	Ngân	2421050084	16/10/2006	Công nghệ thông tin K69	
15	VL51	Phạm Ánh	Ngọc	2421060569	20/11/2006	Công Nghệ Kĩ Thuật Điện - Điện	
16	VL52	Nguyễn Cao	Nhất	2521070505	06/05/2007	Địa chất k70	
17	VL53	Hoàng Trần	Nhật	2521060039	01/12/2007	Kĩ thuật điều khiển tự động hoá K70	
18	VL54	Hoàng Việt	Nhật	2521060333	03/01/2007	Kĩ thuật điều khiển và tự động hóa	
19	VL55	Đinh Thị	Nhung	2521050382	30/07/2007	Công nghệ thông tin k70	
20	VL56	Bùi Minh	Phụng	2521000140	10/05/2007	Kĩ thuật vật liệu k70	
21	VL57	Vương Lan	Phương	2324010005	30/11/2005	Quản trị kinh doanh k68	
22	VL58	Nguyễn Ngọc Anh	Quân	2521060153	04/11/2007	Điện Điện Tử	
23	VL59	Nguyễn Hữu Ngọc	Sơn	2421060572	11/06/2006	Công Nghệ Kỹ Thuật Điện - Điện	
24	VL60	Phan Văn	Tài	2421060052	11/07/2006	Tự Động Hoá K69	
25	VL61	Đào Ngọc	Tân	2521050247	17/11/2007	Công nghệ thông tin k70	
26	VL62	Nguyễn Minh	Tuân	2421060270	30/05/2006	Công nghệ kỹ thuật điện- điện tử	
27	VL63	Nguyễn Thanh	Tuấn	2421050126	17/03/2006	Công nghệ thông tin k69B	
28	VL64	Nguyễn Hồng	Thái	2321060403	31/08/2005	Hệ Thống Điện K68	
29	VL65	Đặng Văn Danh	Thái	2321000029	19/05/2005	Hoá dược k68	
30	VL66	Trần Công	Thành	2421010081	25/01/2006	Khoan khai thác K69	
31	VL67	Nguyễn Tiến	Thành	2321010036	01/10/2005	Chương Trình Tiên Tiến	
32	VL68	Phí Quang	Thiện	2521060775	15/12/2007	kĩ thuật điện 70B2	
33	VL69	Nguyễn Văn	Trường	2221020068	26/08/2004	Kỹ thuật địa chất k67	
34	VL70	Đoàn Xuân	Trường	2421060526	15/11/2006	Công nghệ kỹ thuật điện- Điện tử	
35	VL71	Bùi Đình	Vương	2421030220	28/06/2006	Quản Lý Đất Đai K69A	
36	VL72	Lê Thị Hoàng	Yến	2421060224	06/11/2006	Kỹ thuật robot và trí tuệ nhân tạo	

(Tổng số 36 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : TIẾNG ANH K67 + K68

PHÒNG THI: D1-1

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	TA 67 68-01	Đinh Lê Hồng	Anh	2221050094	10/07/2004	HTTT K67	
2	TA 67 68-02	Phạm Quốc	An	2321010022	22/05/2005	Địa chất dầu khí K68	
3	TA 67 68-03	Đỗ Văn	An	2321060026	26/10/2005	Điện Công Nghiệp K68A	
4	TA 67 68-04	Nguyễn Thị Thúy	An	2224010924	13/09/2004	Kế toán K67	
5	TA 67 68-05	Bùi Phúc Bảo	An	2424010032	20/11/2006	Kế Toán K69	
6	TA 67 68-06	Phùng Thị Hà	An	2421050049	15/03/2006	Công nghệ thông tin A K69	
7	TA 67 68-07	Nguyễn Sĩ	Anh	2221040053	08/10/2004	An toàn lao động K67	
8	TA 67 68-08	Lê Thị Lan	Anh	2424010249	07/03/2006	Tài Chính -Ngân Hàng K69	
9	TA 67 68-09	Nguyễn Duy	Anh	2221040007	02/01/2004	An toàn vệ sinh lao động K67	
10	TA 67 68-10	Trần Ngọc Hồng	Anh	2321030107	02/04/2003	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản K68	
11	TA 67 68-11	Phạm Thị Phương	Anh	2324010035	28/10/2005	Kế toán K68	
12	TA 67 68-12	Nguyễn Lê Duy	Anh	2321060020	08/12/2005	Ô TÔ K68	
13	TA 67 68-13	Trịnh Lê	Anh	2421060022	14/08/2006	Tự Động Hóa K69	
14	TA 67 68-14	Trần Việt	Anh	2221050164	09/02/2003	Công nghệ phần mềm 05B K67	
15	TA 67 68-15	Lê Thị Ngọc	Anh	2224010477	25/12/2004	Tài chính ngân hàng K67C	
16	TA 67 68-16	Vũ Hoàng Trâm	Anh	2424010143	18/11/2006	Kế Toán K69	
17	TA 67 68-17	Lã Hoàng	Anh	2221050071	23/12/2004	Khoa học dữ liệu B K67	
18	TA 67 68-18	Lý Phương	Anh	2224010506	22/12/2004	Tài chính ngân hàng K67 C	
19	TA 67 68-19	Nông Thị Lan	Anh	2321020090	03/09/2004	Du lịch địa chất K68	
20	TA 67 68-20	Nguyễn Thị Kim	Anh	2321010077	11/11/2005	Kỹ Thuật Hoá Học K68	
21	TA 67 68-21	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	2321030043	17/09/2005	Quản lí đất đai k68	
22	TA 67 68-22	Dương Quỳnh	Anh	2324010225	04/08/2005	Marketing truyền thông K68	
23	TA 67 68-23	Phan Thị Mai	Anh	2224010198	16/05/2004	Kế toán K67A1	
24	TA 67 68-24	Nguyễn Thị Diệu	Anh	2324010208	23/03/2005	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng K68	
25	TA 67 68-25	Nguyễn Duy Việt	Anh	2221050122	17/09/2004	Công nghệ phần mềm k67_05B	
26	TA 67 68-26	Đào Thị Hồng	Anh	2224011180	01/02/2004	Kế toán K67	
27	TA 67 68-27	Nguyễn Hồng	Anh	2221050348	10/09/2004	Hệ thống thông tin K67	
28	TA 67 68-28	Lương Quang	Anh	2421050141	15/02/2006	Công Nghệ Thông Tin C K69	
29	TA 67 68-29	Phạm Đức	Anh	2221050045	15/01/2004	Công nghệ thông tin chất lượng cao K67	
30	TA 67 68-30	Nguyễn Vân	Anh	2324010184	22/08/2005	Thương mại điện tử K68	
31	TA 67 68-31	Tô Dương	Anh	2221030250	26/09/2004	Quản lý đất đai K67C	
32	TA 67 68-32	Nguyễn Duy	Anh	2321060525	09/04/2005	Điện công nghiệp K68	
33	TA 67 68-33	Đồng Thị	Anh	2221050069	11/09/2004	Công nghệ thông tin K67	
34	TA 67 68-34	Trần Thị Kiều	Anh	2224011111	10/11/2004	Kế toán K67	
35	TA 67 68-35	Nguyễn Hoàng	Anh	2221050577	02/11/2004	Công nghệ thông tin chất lượng cao K67	
36	TA 67 68-36	Phạm Minh	Anh	2224011131	24/06/2004	Kế toán C1 K67	
37	TA 67 68-37	Mai Ngọc	Anh	2321060561	28/09/2005	Kỹ thuật Robot và trí tuệ nhân tạo K68	
38	TA 67 68-38	Vũ Đức	Anh	2221050216	23/08/2004	mạng máy tính k67	
39	TA 67 68-39	Bùi Thị Minh	Anh	2324010133	29/06/2005	Quản trị marketing truyền thông k68	
40	TA 67 68-40	Nguyễn Vy	Anh	2324010246	10/01/2005	Quản trị Marketing truyền thông K68	
41	TA 67 68-41	Lê Hoàng	Anh	2324010089	20/03/2005	Kế toán K68	
42	TA 67 68-42	Dương Trần Nhật	Anh	2321050002	17/05/2005	Công Nghệ Thông Tin K68	
43	TA 67 68-43	Mai Thị Vân	Anh	2221050449	25/03/2004	Công nghệ phần mềm k67 05C	
44	TA 67 68-44	Nguyễn Thị Hồng	Anh	2224010404	30/11/2004	Quản trị kinh doanh K67A	
45	TA 67 68-45	Nguyễn Thị Thuỳ	Anh	2321060186	16/10/2004	Công nghệ kỹ thuật điện điện tử k68	
46	TA 67 68-46	Trần Thế	Anh	2221060658	11/01/2004	Kỹ Thuật Điều Khiển Tự Động Hóa K67C	
47	TA 67 68-47	Hữu Hồng	Anh	2324010093	02/01/2005	Tài chính ngân hàng k68	
48	TA 67 68-48	Nguyễn Đức	Anh	2221050456	20/09/2004	Công nghệ phần mềm 05A K67	
49	TA 67 68-49	Phạm minh ánh	Ánh	2221010068	11/02/2004	Công nghệ kĩ thuật hoá học k67-DCDKLD67	
50	TA 67 68-50	Nguyễn Ngọc	Ánh	2224010708	27/05/2004	Quản trị thương mại điện tử K67 - 04A	
51	TA 67 68-51	Trần Thị Ngọc	Ánh	2224010087	08/04/2004	Kế toán K67	
52	TA 67 68-52	Ngô Huy	Ánh	2321060165	04/07/2005	Cơ điện tử K68	
53	TA 67 68-53	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	2324010156	16/08/2005	Quản trị kinh doanh K68	
54	TA 67 68-54	Bùi Ngọc	Anh	2224010291	15/10/2004	Tài chính ngân hàng B K67	
55	TA 67 68-55	Nguyễn Minh Hoàng	Anh	2421050087	26/08/2006	Khoa Học Dữ Liệu K69A	

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
56	TA 67 68-56	Mai Ngọc	Ánh	2224010394	21/09/2004	Tài Chính Doanh Nghiệp K67	
57	TA 67 68-57	Hà Ngọc	Ánh	2221030193	29/10/2004	Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản K67	
58	TA 67 68-58	Nhữ Tiến	Bách	2321010030	03/04/2005	Chương Trình Tiên Tiến k68	
59	TA 67 68-59	Phạm Quang	Bách	2321060360	03/01/2005	Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử 68	
60	TA 67 68-60	Nguyễn Việt	Bách	2221050088	28/04/2003	Công nghệ thông tin K67	
61	TA 67 68-61	Lê Xuân	Bắc	2321030197	10/03/2005	Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản K68	
62	TA 67 68-62	Nguyễn Ngọc	Biên	2221060425	24/09/2004	Cơ - Điện tử K67	
63	TA 67 68-63	Nguyễn văn	Bình	2421060253	22/03/2002	Cơ khí chế tạo máy k69	
64	TA 67 68-64	Nguyễn Hải	Bình	2321010085	05/12/2005	Địa chất Dầu khí K68	
65	TA 67 68-65	Lê Trung	Bình	2321060008	15/07/2005	Cơ Điện Tử K68	
66	TA 67 68-66	Bùi Thanh	Bình	2321060397	07/03/2005	Kỹ thuật ô tô K68	
67	TA 67 68-67	Nguyễn Phú	Cao	2221050251	27/12/2003	Khoa học dữ liệu K67 A	
68	TA 67 68-68	Đỗ Vĩnh	Công	2221060203	02/10/2004	Tự động hoá 67A	
69	TA 67 68-69	Lê Công	Cường	2321070030	09/05/2005	Quản lý xây dựng K68B	
70	TA 67 68-70	Ngô Mạnh	Cường	2221050482	17/05/2004	Công nghệ thông tin K67B	
71	TA 67 68-71	Hoàng Mạnh	Cường	2321050103	19/10/2005	K68 tin kinh tế cntt	
72	TA 67 68-72	Đinh Mạnh	Cường	2321010026	17/02/2005	Chương Trình Tiên Tiến K68	
73	TA 67 68-73	Nguyễn Trọng	Cường	2321060469	23/11/2005	Điện công nghiệp k68	
74	TA 67 68-74	Đỗ Thị	Châm	2324010101	06/11/2005	Tài chính - ngân hàng K68	
75	TA 67 68-75	Phùng Ngọc	Châu	2221050388	07/11/2004	Công nghệ phần mềm K67	

(Tổng số 75 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026
(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)
Môn thi : TIẾNG ANH K67 + K68
PHÒNG THI: D2-1

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	TA 67 68-76	Dương Thị	Chi	2324010202	12/11/2005	Quản lí công nghiệp_logicstics và quản lí chuỗi cung ứng K68	
2	TA 67 68-77	Phạm Thị	Chi	2324010060	15/11/2005	Kế toán k68	
3	TA 67 68-78	Đoàn Minh	Chiến	2321060286	10/08/2005	Kỹ thuật điện K68	
4	TA 67 68-79	Chử Văn	Chiến	2421050191	02/02/2006	Công Nghệ Thông Tin C K69	
5	TA 67 68-80	Lăng Kiều	Chinh	0362176760	13/11/2004	Kế toán K67	
6	TA 67 68-81	Vũ Mạnh	Chuẩn	2221060027	02/12/2004	Cơ khí K67	
7	TA 67 68-82	Vũ Chí	Chung	2221060731	11/01/2004	Cơ điện tử A K67	
8	TA 67 68-83	Nguyễn Việt	Chung	2221060365	24/05/2004	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
9	TA 67 68-84	Nguyễn Phúc	Danh	2421010154	12/12/2005	Kỹ Thuật Địa Vật Lý	
10	TA 67 68-85	Nguyễn Như Thành	Danh	2221050496	30/04/2004	CNTT k67	
11	TA 67 68-86	Lê Xuân	Diệu	2424010233	24/03/2006	Kế toán K69	
12	TA 67 68-87	Phan Thị Ánh	Dịu	2321030233	18/01/2004	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản k68	
13	TA 67 68-88	Lê Văn	Duẩn	2421060345	25/01/2006	Kỹ thuật robot và tria tuệ nhân tạo	
14	TA 67 68-89	Ngô Kiều	Dung	2321030156	05/12/2004	Quản lý đất đai k68A	
15	TA 67 68-90	Đỗ Thị Thuỳ	Dung	2421080115	09/01/2006	Quản lý Tài nguyên và Môi trường k69A	
16	TA 67 68-91	Nguyễn Thị	Dung	2424010145	21/12/2006	Kế toán K69	
17	TA 67 68-92	Đàm Mạnh	Dũng	2221050359	07/02/2004	Hệ thống thông kin K67_09B	
18	TA 67 68-93	Đỗ Minh	Dũng	2321080028	06/10/2005	Kỹ thuật Môi Trường K68	
19	TA 67 68-94	Lê Văn	Dũng	2221060629	06/01/2004	Tự đông hoá K67C	
20	TA 67 68-95	Phạm Tiến	Dũng	2221050669	03/11/2004	Công nghệ thông tin K67	
21	TA 67 68-96	Nguyễn Tiến	Dũng	2321060296	30/10/2005	Kĩ thuật điều khiển và tự động hoá K68	
22	TA 67 68-97	Đỗ Tiến	Dũng	2424010038	25/05/2006	Tài chính - Ngân hàng K69	
23	TA 67 68-98	Nguyễn Tiến	Dũng	2221050129	22/08/2004	Công nghệ thông tin địa học K67B	
24	TA 67 68-99	Phạm Khánh	Duy	2321060107	08/09/2005	Điện công nghiệp_01A	
25	TA 67 68-100	Nguyễn Ngọc	Duy	2221060193	15/08/2004	Cơ điện tử K67C	
26	TA 67 68-101	Hoàng Khánh	Duy	2221060091	23/07/2004	Cơ khí chế tạo máy k67	
27	TA 67 68-102	Nguyễn Thị	Duyên	2224010716	10/12/2004	Marketing truyền thông B - K67	
28	TA 67 68-103	Bùi Đức	Dương	2321040001	29/03/2005	Khai Thác K68	
29	TA 67 68-104	Phan Ánh	Dương	2321060056	01/04/2005	Kỹ Thuật Điều Khiển Và Tự Động Hóa K68	
30	TA 67 68-105	Nguyễn Thị Ánh	Dương	2324010100	18/09/2005	Tài chính ngân hàng K68	
31	TA 67 68-106	Nguyễn Thái	Dương	2421060040	02/10/2006	Tự động hóa K69	
32	TA 67 68-107	Nguyễn Đình	Dương	2221050741	30/01/2004	Tin học kinh tế k68	
33	TA 67 68-108	Nguyễn Tùng	Dương	2221060475	01/08/2004	Tự động hóa K67	
34	TA 67 68-109	Ngô Hoàng	Dương	2321050131	03/05/2005	Công Nghệ Thông Tin K68	
35	TA 67 68-110	Nguyễn Việt	Dương	2321060430	09/12/2005	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa A k68	
36	TA 67 68-111	Nguyễn Hữu	Dương	2421060125	22/11/2006	Kỹ thuật ôtô K69	
37	TA 67 68-112	Lê Tùng	Dương	2321060168	05/08/2005	DCCDKTD 68_01B	
38	TA 67 68-113	Nguyễn Đức	Dương	2224010604	29/09/2004	Quản trị kinh doanh K67	
39	TA 67 68-114	Nguyễn Đức Hải	Dương	2321060407	20/10/2005	DCCDCDT68	
40	TA 67 68-115	Nguyễn Đình	Dương	2321060212	01/01/2005	Tự động hóa K68	
41	TA 67 68-116	Nguyễn Việt	Dương	2421060450	14/09/2006	Kĩ thuật oto K69	
42	TA 67 68-117	Nguyễn Thị	Đào	2224010833	07/01/2004	Tài chính K67	
43	TA 67 68-118	Đỗ Văn	Đạt	2321050078	01/02/2005	Khoa học dữ liệu K68 B	
44	TA 67 68-119	Lê Thành	Đạt	2321060094	29/01/2005	Cơ Điện Tử K68	
45	TA 67 68-120	Phạm Hồng	Đạt	2221050470	30/10/2004	Công nghệ phần mềm K67B	
46	TA 67 68-121	Nguyễn Thành	Đạt	2221060019	11/10/2004	Tự động hoá A K67	
47	TA 67 68-122	Nguyễn Tiến	Đạt	2221060615	30/03/2004	Kỹ thuật ô tô K67A	
48	TA 67 68-123	Vũ Huy	Đạt	2321050062	23/07/2005	Khoa học dữ liệu A K68	
49	TA 67 68-124	Vũ Đình	Đăng	2321010008	21/06/2005	DCDKDK68_01	
50	TA 67 68-125	Nguyễn Hồng	Đăng	2321060177	14/11/2005	Cơ điện tử 68	
51	TA 67 68-126	Nguyễn Quang	Đăng	2321060114	19/05/2005	Cơ điện tử k68	
52	TA 67 68-127	Lê Văn	Đức	2321030041	12/02/2005	kỹ thuật trắc địa -bản đồ	
53	TA 67 68-128	Nguyễn Anh	Đức	2321010021	06/11/2005	Thiết bị Dầu khí K68	
54	TA 67 68-129	Nguyễn Minh	Đức	2421050014	13/06/2006	Công nghệ thông tin A	
55	TA 67 68-130	Trịnh Hoài	Đức	2421050086	12/12/2006	Công nghệ thông tin B K69	
56	TA 67 68-131	Phan Trí	Đức	2321060353	26/08/2005	Công nghệ kĩ thuật điện - điện tử K68	
57	TA 67 68-132	Lê Minh	Đức	2121060476	17/12/2003	Tự động hóa K66	
58	TA 67 68-133	Phan Anh	Đức	2221060692	15/11/2004	Tự động hóa C K67	

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
59	TA 67 68-134	Lê Minh	Đức	2321030057	18/09/2005	Địa tin học k68	
60	TA 67 68-135	Nguyễn Xuân	Đức	2221050133	17/12/2004	CNTT ĐỊA HỌC K67	
61	TA 67 68-136	Nguyễn Văn	Đức	2321060241	02/05/2005	Điện Công Nghiệp A K68	
62	TA 67 68-137	Cao Văn	Đức	2321060454	27/02/2005	Điện Công Nghiệp A K68	
63	TA 67 68-138	Khương Minh	Đức	2221050596	01/05/2004	Công nghệ thông tin k67	
64	TA 67 68-139	Phạm Minh	Đức	2421060192	07/09/2006	robot k69	
65	TA 67 68-140	Phùng Minh	Đức	2321060120	08/12/2005	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử K68	
66	TA 67 68-141	Đỗ Minh	Đức	2221060740	06/06/2004	Cơ điện tử K67	
67	TA 67 68-142	Nguyễn Thị Thu	Giang	2324010113	03/09/2005	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng B K68	
68	TA 67 68-143	Lê Hương	Giang	2221050571	15/04/2004	Tin học kinh tế A K67	
69	TA 67 68-144	Nguyễn Thu	Giang	2224010360	21/03/2004	Kế toán K67A1	
70	TA 67 68-145	Phạm Hương	Giang	2321050010	09/02/2005	Hệ thống thông tin K68	

(Tổng số 70 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026
(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)
Môn thi : TIẾNG ANH K67 + K68
PHÒNG THI: D3-1

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	TA 67 68-146	Phạm Hương	Giang	2221030160	25/04/2004	Quản lý đất đai B K67	
2	TA 67 68-147	Đỗ Hương	Giang	2324010074	25/08/2005	Kế toán K68	
3	TA 67 68-148	Nguyễn Ngọc Linh	Giang	2424010028	22/08/2006	Kế toán K69	
4	TA 67 68-149	Nguyễn Thị Hà	Giang	2224010616	22/10/2004	Marketing K67	
5	TA 67 68-150	Đàm Thuý	Hà	2224011128	06/08/2004	Quản trị thương mại điện tử K67	
6	TA 67 68-151	Nguyễn Thu	Hà	2224010432	16/04/2004	Kế toán K67	
7	TA 67 68-152	Hoàng Việt	Hà	2221050726	17/03/2004	Công Nghệ Thông Tin Chất Lượng Cao K67B	
8	TA 67 68-153	Hoàng Kim	Hà	2421010153	25/01/2006	Khoan khai thác K69	
9	TA 67 68-154	Nguyễn Xuân	Hà	2221060255	26/06/2003	TỰ ĐỘNG HOÁ K67	
10	TA 67 68-155	Phạm Thị	Hạ	2321020101	19/11/2005	du lịch địa chất k68	
11	TA 67 68-156	Nguyễn Thị Thu	Hà	2224010478	07/04/2004	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng K67	
12	TA 67 68-157	Nguyễn Thị	Hải	2224010654	14/11/2004	Quản trị Marketing Truyền thông B K67	
13	TA 67 68-158	Lê Thị Hạnh	Hạnh	2224010698	06/11/2004	Quản trị Kinh Doanh K67	
14	TA 67 68-159	Nguyễn Minh	Hạnh	2324010103	18/12/2005	Logistic k68	
15	TA 67 68-160	Vũ Thị	Hạnh	2224010673	09/08/2004	Quản trị kinh doanh k67A	
16	TA 67 68-161	Vũ Minh	Hào	2221050480	06/10/2004	Công Nghệ Thông Tin K67	
17	TA 67 68-162	Nguyễn Lương	Hào	2221060534	28/05/2004	Tự động hoá 67A	
18	TA 67 68-163	Nguyễn Minh	Hào	2421050022	15/04/2006	Công nghệ thông tin K69	
19	TA 67 68-164	Nguyễn Thị	Hằng	2324010241	12/01/2005	Quản trị Marketing Truyền thông	
20	TA 67 68-165	Trần Minh	Hằng	2221050777	15/01/2004	Công nghệ thông tin K67	
21	TA 67 68-166	Thiều Thị	Hằng	2424010183	20/04/2006	Kế toán k69	
22	TA 67 68-167	Nguyễn Thị	Hằng	2424010147	09/04/2006	DCKTCN69_02A	
23	TA 67 68-168	Lê Minh	Hiền	2221050266	26/01/2004	Khoa học dữ liệu K67	
24	TA 67 68-169	Nguyễn Thuý	Hiền	2224010471	02/01/2004	Thương mại Điện tử K67	
25	TA 67 68-170	Nguyễn Thu	Hiền	2224010264	18/02/2004	DCKTTN67B	
26	TA 67 68-171	Hà Thúy	Hiền	2324010218	20/08/2005	Kế toán k68	
27	TA 67 68-172	Nguyễn Thu	Hiền	2224010585	03/02/2004	Quản trị Marketing truyền thông k67	
28	TA 67 68-173	Tăng Thị	Hiền	2224010195	28/03/2004	Kế toán K67	
29	TA 67 68-174	Trần Minh	Hiển	2421040009	29/03/2006	Kỹ thuật mỏ K69	
30	TA 67 68-175	Đỗ Thanh	Hiệp	2221060755	11/03/2004	Cơ Điện Tử K67	
31	TA 67 68-176	Ngô Xuân	Hiếu	2321060463	09/11/2005	Điện Công Nghiệp K68	
32	TA 67 68-177	Nguyễn Duy	Hiếu	2321010068	15/08/2005	DCDKDK68-01	
33	TA 67 68-178	Phạm Minh	Hiếu	2221040001	10/05/2004	An toàn vệ sinh lao động K67	
34	TA 67 68-179	Nguyễn Minh	Hiếu	2421050157	17/04/2006	Công nghệ thông tin C K69	
35	TA 67 68-180	Nguyễn Trung	Hiếu	2421050082	26/08/2006	Công nghệ thông tin K69B	
36	TA 67 68-181	Đặng Trung	Hiếu	2321080012	11/07/2005	Quản Lý Tài Nguyên Môi Trường K68B	
37	TA 67 68-182	Trần Doãn	Hiếu	2321060443	21/04/2005	Kỹ Thuật Robot và trí tuệ nhân tạo K68	
38	TA 67 68-183	Nguyễn Minh	Hiếu	2221050361	23/06/2004	khoa học dữ liệu - k67	
39	TA 67 68-184	Nguyễn Duy	Hiếu	2321060309	11/06/2005	Robot K68	
40	TA 67 68-185	Lê Xuân	Hiếu	2321060434	08/11/2005	Kĩ thuật robot và trí tuệ nhân tạo k68	
41	TA 67 68-186	Phạm Văn	Hiếu	2221050260	30/12/2004	Cntt k67	
42	TA 67 68-187	Nguyễn Huy	Hiệu	2221010048	07/11/2004	Thiết bị dầu khí K67	
43	TA 67 68-188	Lê Đức	Hiếu	2221060566	20/10/2004	Cơ điện tử K67C	
44	TA 67 68-189	Nguyễn Thị	Hoa	2321030103	20/04/2005	Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản	
45	TA 67 68-190	Trương Phương	Hoa	2224010110	01/07/2004	Kế toán B1 K67	
46	TA 67 68-191	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	2224010041	27/01/2004	Quản trị Marketing - truyền thông K67 - 05A	
47	TA 67 68-192	Vũ Thị Hồng	Hoa	2324010173	30/01/2005	Tài chính ngân hàng k68	
48	TA 67 68-193	Trần Mỹ	Hoa	2221050471	06/07/2004	Công nghệ thông tin K67	
49	TA 67 68-194	Nguyễn Việt	Hoà	2221030315	17/06/2004	Địa tin học K67	
50	TA 67 68-195	Nguyễn Thị Khánh	Hoà	2324010128	20/04/2005	Tài chính ngân hàng k68	
51	TA 67 68-196	Trịnh Thị Khánh	Hoà	2224010544	13/01/2004	Kế toán K67	
52	TA 67 68-197	Nông Thị	Hoài	2321050135	30/07/2005	Mạng máy tính K68	
53	TA 67 68-198	Hà Thị Thu	Hoài	2324010180	11/05/2005	Kế Toán K68	
54	TA 67 68-199	Hoàng Thu	Hoài	2224010140	13/05/2004	Kế toán k67	
55	TA 67 68-200	Nguyễn Ngọc Công	Hoan	2421030234	13/10/2006	Quản lý đất đai k69	
56	TA 67 68-201	Phạm Công Việt	Hoàng	2321060324	07/07/2005	Tự Động Hoá K68	

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
57	TA 67 68-202	Lê Đức	Hoàng	2421060431	03/12/2006	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá K69	
58	TA 67 68-203	Đặng Huy	Hoàng	2221060298	18/10/2004	Tự Động Hoá K76	
59	TA 67 68-204	Lã Huy	Hoàng	2321060435	26/09/2005	Kỹ thuật oto K68	
60	TA 67 68-205	Trần Huy	Hoàng	2221050450	06/09/2004	Công nghệ phần mềm K67B	
61	TA 67 68-206	Ngô Huy	Hoàng	2221060565	26/09/2004	Cơ Điện tử K67	
62	TA 67 68-207	Nguyễn Huy	Hoàng	2321060585	22/07/2005	Kĩ Thuật Điều Khiển và tự động hoá	
63	TA 67 68-208	Phạm Thị	Huế	2321050052	02/04/2005	Hệ thống thông tin K68	
64	TA 67 68-209	Trần Huy	Hùng	2321010093	09/11/2005	Khoan - Khai thác K68	
65	TA 67 68-210	Hoàng Xuân	Huy	2321060065	07/04/2005	Kỹ Thuật Điện K68	
66	TA 67 68-211	Đào Thế	Huy	2321050032	29/05/2005	Công nghệ phần mềm K68	
67	TA 67 68-212	Bùi Quang	Huy	2321060006	24/01/2005	Cơ Điện Tử k68	
68	TA 67 68-213	Ngô Đức	Huy	2321060205	21/03/2005	Robot và trí tuệ nhân tạo k68	
69	TA 67 68-214	Trần Quảng	Huy	2321060189	27/05/2005	Điện Công Nghiệp B K68	
70	TA 67 68-215	Bùi Quang	Huy	2321060239	12/12/2005	Cơ Điện Tử K68	

(Tổng số 70 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : TIẾNG ANH K67 + K68

PHÒNG THI: D4-1

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	TA 67 68-216	Nguyễn Vũ	Huy	2221050365	26/12/2004	Mạng máy tính K67B	
2	TA 67 68-217	Lê Văn	Huy	2321060249	23/04/2005	Điện công nghiệp A K68	
3	TA 67 68-218	Vũ Quang	Huy	2224010026	21/04/2003	Thương mại điện tử K67	
4	TA 67 68-219	Phan Ngọc	Huy	2321060422	22/07/2005	Điện Công Nghiệp A k68	
5	TA 67 68-220	Ngô Quang	Huy	2421060383	03/10/2006	Công nghệ chế tạo máy k69A	
6	TA 67 68-221	Lê Quang	Huy	2321060027	17/06/2005	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hoá B K68	
7	TA 67 68-222	Trần Nhật	Huy	2321010074	25/08/2005	Địa Chất Dầu Khí K68	
8	TA 67 68-223	Trần Quang	Huy	2421060524	14/09/2006	Công nghệ Kĩ thuật Điện -Điện tử K69	
9	TA 67 68-224	Nguyễn Thị Thu	Huyền	2224010565	07/03/2004	Kế toán K67	
10	TA 67 68-225	Mai Thị Thu	Huyền	2324010231	31/10/2005	Kế Toán k68	
11	TA 67 68-226	Hoàng Thị	Huyền	2324010204	25/01/2005	Tài chính ngân hàng k68	
12	TA 67 68-227	Chu Thị Khánh	Huyền	2224010381	06/10/2004	Kế toán K67B1	
13	TA 67 68-228	Trần Thanh	Huyền	2424010009	26/09/2006	Kế toán K69	
14	TA 67 68-229	Đỗ Thị Thanh	Huyền	2321010015	05/02/2005	Chương trình tiên tiến K68	
15	TA 67 68-230	Chu Thị Thu	Huyền	2221030201	26/08/2004	Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản K67	
16	TA 67 68-231	Trần Thị Ngọc	Huyền	2224011109	10/11/2004	Kế toán K67B1	
17	TA 67 68-232	Trần Thị Thu	Huyền	2224010711	20/10/2004	Quản trị Thương mại điện tử K67	
18	TA 67 68-233	Đỗ Thị Mỹ	Huyền	2324010032	17/07/2005	Tài chính Ngân hàng K68	
19	TA 67 68-234	Nguyễn Văn	Hưng	2321060396	10/01/2005	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa K68	
20	TA 67 68-235	Đỗ Đình	Hưng	2221050586	19/05/2004	Tin học kinh tế K67A	
21	TA 67 68-236	Vũ Thành	Hưng	2321010003	16/03/2005	Khoan - Khai thác K68	
22	TA 67 68-237	Trần Hoàng	Hưng	2421060503	25/01/2006	Tự Động Hoá K69	
23	TA 67 68-238	Thiều Thị	Hương	2324010236	03/12/2005	Quản Trị Kinh Doanh k68	
24	TA 67 68-239	Nguyễn Thị Lan	Hương	2321030084	20/09/2005	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản	
25	TA 67 68-240	Nguyễn Thị Thu	Hương	2324010242	07/06/2005	Thương mại điện tử K68	
26	TA 67 68-241	Trần Thị Thu	Hương	2221040048	10/10/2004	Kỹ Thuật Tuyển Khoáng k67	
27	TA 67 68-242	Trần Lan	Hương	2424010265	29/04/2004	Kế toán k69	
28	TA 67 68-243	Nguyễn Thị	Hường	2324010127	14/11/2005	Kế Toán K68	
29	TA 67 68-244	Đỗ Thị Thu	Hường	2224010717	11/02/2004	Kế toán K67B1	
30	TA 67 68-245	Đỗ Trung	Kiên	2321050014	18/10/2005	Khoa học máy tính ứng dụng K68	
31	TA 67 68-246	Phạm Hữu	Kiên	2321080018	28/10/2005	Quản lý tài nguyên và môi trường K68B	
32	TA 67 68-247	Nguyễn Xuân	Kiên	2321050090	01/01/2005	Công nghệ thông tin K68	
33	TA 67 68-248	Vũ Gia	Kiệt	2321060313	24/02/2005	DCCDKTX68_01B	
34	TA 67 68-249	Vương Gia	Kiệt	2221060599	19/06/2004	Tự động hoá K67A	
35	TA 67 68-250	Nguyễn Đức	Khang	2221050591	24/03/2004	Địa học k67	
36	TA 67 68-251	Nguyễn Duy	Khanh	2321060070	25/02/2005	Cơ điện tử K68	
37	TA 67 68-252	Tạ Duy	Khánh	2321060354	19/02/2005	Kĩ thuật ô tô k68	
38	TA 67 68-253	Trần Thị Vân	Khánh	2224010522	16/11/2004	Kế toán K67	
39	TA 67 68-254	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	2321020112	06/09/2005	Địa chất học K68	
40	TA 67 68-255	Nguyễn Trí Anh	Khoa	2221030009	20/11/2004	Địa Tin Học K67	
41	TA 67 68-256	Nguyễn Đăng	Khoa	2421050071	12/10/2006	Công nghệ Thông tin K69 B	
42	TA 67 68-257	Lê Anh	Khoa	2321060004	30/03/2005	Công nghệ kĩ thuật điện điện tử 68	
43	TA 67 68-258	Phạm Đức	Khôi	2221050315	19/06/2004	Khoa Học Máy Tính K67A	
44	TA 67 68-259	Trương Thị	Khuê	2221010076	02/03/2004	Kỹ thuật Địa Vật lý K67	
45	TA 67 68-260	Đặng Ngọc	Khuê	2224010617	13/10/2004	Kế toán K67	
46	TA 67 68-261	Nguyễn Thị Ngọc	Khuê	2321050112	09/02/2005	Khoa học dữ liệu A k68	
47	TA 67 68-262	Vũ Xuân Hồng	Lai	2421050052	03/12/2006	Công nghệ thông tin A K69	
48	TA 67 68-263	Đặng Hoàng	Lan	2424010105	29/08/2006	Kế toán K69	
49	TA 67 68-264	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	2224010516	20/11/2004	Quản Trị Thương Mại Điện Tử K67	
50	TA 67 68-265	Hoàng Ngọc	Lâm	2221060632	14/09/2004	Tự Động Hoá K67	
51	TA 67 68-266	Lê Thị	Lệ	2321050093	07/08/2005	Hệ thống thông tin K68	
52	TA 67 68-267	Khúc Thị Thuỳ	Linh	2321030181	01/09/2005	Quản lý đất đai K68A	
53	TA 67 68-268	Trần Thị Mỹ	Linh	2421020073	12/02/2006	Du lịch địa chất k69A	
54	TA 67 68-269	Nguyễn Hoài	Linh	2321030047	14/07/2005	Quản lý đất đai K68B	
55	TA 67 68-270	Dương Thuỳ	Linh	2321030213	01/12/2005	Quản lý đất đai K68A	
56	TA 67 68-271	Phạm Phương	Linh	2224010953	25/07/2004	Tài chính ngân hàng K67	

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
57	TA 67 68-272	Nguyễn Khánh	Linh	2324010061	28/09/2005	Quản trị kinh doanh-Marketing truyền thông K68	
58	TA 67 68-273	Nguyễn Thị	Linh	2324010215	12/01/2005	Tài Chính Ngân Hàng k68	
59	TA 67 68-274	Nguyễn Diệu	Linh	2324010098	22/09/2005	Quản trị kinh doanh K68	
60	TA 67 68-275	Lê Thị Hoài	Linh	2324010170	14/08/2005	Kế toán K68	
61	TA 67 68-276	Phạm Hà Diệu	Linh	2224010417	28/08/2004	Kinh Doanh K67	
62	TA 67 68-277	Nguyễn Đình	Linh	2221050431	27/11/2004	HTTT K67	
63	TA 67 68-278	Quách Thị Diệu	Linh	2221050232	29/10/2004	Khoa học dữ liệu K67B	
64	TA 67 68-279	Đỗ Thị Yến	Linh	2321030240	01/01/2005	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng K68	
65	TA 67 68-280	Nguyễn Thị	Linh	2424010046	07/07/2006	Kế toán K69	
66	TA 67 68-281	Vương Hà	Linh	2321050007	19/08/2005	Hệ thống thông tin K68	
67	TA 67 68-282	Vũ Thị	Linh	2424010044	20/01/2006	Kế Toán K69	
68	TA 67 68-283	Phạm Thị Phương	Linh	2321060513	29/11/2005	Kỹ thuật Robot và Trí tuệ nhân tạo K68	
69	TA 67 68-284	Nguyễn Duy Hương	Linh	2221030066	24/10/2004	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản K67	
70	TA 67 68-285	Phùng Tuấn	Linh	2221050749	02/11/2004	Công nghệ thông tin địa học K67C	

(Tổng số 70 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : TIẾNG ANH K67 + K68

PHÒNG THI: A303

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	TA 67 68-286	Đỗ Quang	Linh	2321060238	26/10/2005	Điện Công Nghiệp K68_01A	
2	TA 67 68-287	Văn Duy	Long	2321060113	25/05/2005	Ô tô K68	
3	TA 67 68-288	Đào Quang	Lộc	2321050132	17/05/2005	Công nghệ phần mềm K68	
4	TA 67 68-289	Lê Huy	Lộc	2321020076	26/10/2005	Đá quý đá mỹ nghệ K68	
5	TA 67 68-290	Nguyễn Văn	Lộc	2221060600	20/02/2004	Dccdtd67b	
6	TA 67 68-291	Đặng Tiến	Lộc	2221050153	13/08/2004	Công nghệ thông tin chất lượng cao 67C	
7	TA 67 68-292	Tạ Thành	Luân	2321070120	06/06/2005	Quản Lý Xây Dựng k68	
8	TA 67 68-293	Bùi Thành	Luân	2221050842	27/10/2004	Công nghệ thông tin - Mạng máy tính 06B	
9	TA 67 68-294	Trần Ngọc	Lương	2221050379	14/02/2004	Mạng máy tính k67b	
10	TA 67 68-295	Lý Mai	Ly	2321050108	16/09/2005	Tin Học Kinh Tế K68	
11	TA 67 68-296	Nguyễn Cúc	Mai	2221050515	03/12/2004	Khoa học máy tính K67A	
12	TA 67 68-297	Đỗ Thị Tuyết	Mai	2321030247	03/09/2005	Địa tin học K68	
13	TA 67 68-298	Nguyễn Thị Thanh	Mai	2224010402	24/02/2003	Kế toán K67	
14	TA 67 68-299	Vũ Quỳnh	Mai	2224010759	30/05/2004	Quản trị Thương Mại Điện Tử K67	
15	TA 67 68-300	Nguyễn Đắc	Mạnh	2224010203	19/06/2004	Kế toán 67C2	
16	TA 67 68-301	Lê Đức	Mạnh	2321060088	18/07/2005	Kĩ Thuật Điều Khiển Tự Động Hoá k68	
17	TA 67 68-302	Nguyễn Tuấn	Mạnh	2421060149	06/09/2006	Công Nghệ Chế Tạo Máy K69B	
18	TA 67 68-303	Nguyễn Đức	Mạnh	2221060279	17/01/2004	Kĩ thuật điều khiển và tự động hoá k67	
19	TA 67 68-304	Nguyễn Thị	Minh	2224011169	29/04/2004	Tài chính ngân hàng K67	
20	TA 67 68-305	Trần Trương	Minh	2521060898	07/12/2007	Kỹ thuật cơ khí động lực K70B	
21	TA 67 68-306	Nghiêm Đức	Minh	2221050451	26/03/2004	Công nghệ thông tin K67 (chuyên ngành Tin học kinh tế K67)	
22	TA 67 68-307	Văn Thị	Minh	2324010257	09/02/2005	Tài chính -Ngân hàng K68	
23	TA 67 68-308	Bùi Quang	Minh	2221050123	28/08/2004	Hệ thống Thông tin B K67	
24	TA 67 68-309	Trần Đức	Minh	2421060289	22/02/2006	Kĩ thuật cơ khí - Công nghệ chế tạo máy K69	
25	TA 67 68-310	Vũ Đức	Minh	2221050219	29/10/2004	Công nghệ phần mềm A K67	
26	TA 67 68-311	Nguyễn Thọ	Minh	2221010024	09/02/2004	Thiết bị Dầu khí k67	
27	TA 67 68-312	Vũ Nhật	Minh	2221050031	08/02/2004	Công nghệ phần mềm K67-05B	
28	TA 67 68-313	Đỗ Tuấn	Minh	2321010011	12/12/2005	Chương Trình Tiên Tiến K68	
29	TA 67 68-314	Loem	MOUYNEATH	2221010002c	30/04/2002	Cttk67	
30	TA 67 68-315	Nguyễn Thị	Mùi	2224010267	14/01/2004	Quản trị thương mại điện tử 04A K67	
31	TA 67 68-316	Đặng Quang	Mừng	2221050509	05/06/2004	Khoa học máy tính ứng dụng K67_A	
32	TA 67 68-317	Nguyễn Trà	My	2321030137	27/09/2005	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản K68	
33	TA 67 68-318	Nguyễn Thị Trà	My	2321030061	07/03/2005	Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản K68	
34	TA 67 68-319	Nguyễn Trà	My	2224011191	17/08/2004	Marketing - Truyền thông K67	
35	TA 67 68-320	Nguyễn Thị Hà	My	2321030082	01/04/2005	Quản lý đất đai K68	
36	TA 67 68-321	Lê Trà	My	2324010198	25/03/2004	Thương mại điện tử K68	
37	TA 67 68-322	Nguyễn Hà	My	2221050433	22/11/2004	Hệ thống thông tin K67 A	
38	TA 67 68-323	Nguyễn Huyền	My	2221050268	27/04/2004	Công nghệ phần mềm 67B	
39	TA 67 68-324	Phan Trà	My	2424010069	27/05/2006	Kế toán K69	
40	TA 67 68-325	Trần Hữu	Nam	2221050469	16/09/2004	Công nghệ thông tin K67	
41	TA 67 68-326	Lê Hoàng	Nam	2221050640	25/11/2004	Công nghệ thông tin K67	
42	TA 67 68-327	Lê Đức	Nam	2221050299	26/02/2004	Công nghệ thông tin chất lượng cao K67 A	
43	TA 67 68-328	Bùi Hoài	Nam	2421060477	26/10/2006	Cơ điện tử K69	
44	TA 67 68-329	Trần Công	Nam	2221050820	24/01/2004	Mạng máy tính K67 A	
45	TA 67 68-330	Trần Hải	Nam	2221060545	26/12/2004	Kĩ thuật điều khiển và tự động hoá K67	
46	TA 67 68-331	Trần Quý	Nam	2221060300	27/07/2004	Kỹ thuật điều khiển và tự động k67	
47	TA 67 68-332	Đỗ Văn	Nam	2421060474	08/08/2006	Điện công nghiệp C K69	
48	TA 67 68-333	Nguyễn Hải	Nam	2221050693	01/04/2004	Tin học kinh tế A	
49	TA 67 68-334	Đông Nguyễn Hải	Nam	2421060095	14/11/2006	Cơ Điện Tử K69	
50	TA 67 68-335	Lê Hải	Nam	2221060717	13/02/2004	Tự động hóa K67	
51	TA 67 68-336	Lê Duy	Nam	2321050071	30/12/2005	Công nghệ phần mềm K68	
52	TA 67 68-337	Hồ Ngọc	Ninh	2321030009	30/03/2005	Địa tin học K68	

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
53	TA 67 68-338	Bùi Hằng	Nga	2321080001	05/01/2005	QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG K68A	
54	TA 67 68-339	Mai Thanh	Nga	2221070124	24/03/2004	Xây dựng dân dụng và công nghiệp k67	
55	TA 67 68-340	Nguyễn Thúy	Nga	2321050096	05/02/2005	Công nghệ phần mềm K68	
56	TA 67 68-341	Đỗ Hiếu	Ngân	2321030105	18/10/2005	Quản lí phát triển đô thị và bất động sản K68	
57	TA 67 68-342	Phạm Thuỳ	Ngân	2321020024	24/09/2005	Du lịch địa chất K68	
58	TA 67 68-343	Nguyễn Văn	Nghị	2221060700	1/2/0004	Tự Động Hoá K67	
59	TA 67 68-344	Nguyễn Trọng	Nghĩa	2321010051	19/06/2005	Khoan khai thác k68	
60	TA 67 68-345	Nguyễn Hoàng Bích	Ngọc	2224010005	26/07/2004	Kế toán K67C2	
61	TA 67 68-346	Nguyễn Phú Bảo	Ngọc	2321080031	25/12/2003	Quản lý Tài Nguyên và Môi Trường 68A	
62	TA 67 68-347	Trần Kim	Ngọc	2424010206	01/10/2006	DCKTCN69-02B	
63	TA 67 68-348	Trần Hải	Ngọc	2221050708	28/03/2004	Công nghệ phần mềm K67A	
64	TA 67 68-349	Hoàng	Nguyên	2221050010	25/08/2004	Khoa học máy tính ứng dụng K67	
65	TA 67 68-350	Lê Thị Thảo	Nguyên	2324010146	23/05/2005	Kế toán K68	
66	TA 67 68-351	Lê Cao	Nguyên	2221010056	23/02/2004	Công nghệ kỹ thuật hoá học K67	
67	TA 67 68-352	Đào Trung	Nguyên	2221060373	11/10/2004	côgn nghệ kỹ thuật điện điện tử K67	
68	TA 67 68-353	Ngô Thị	Nguyệt	2424010236	19/05/2005	DCKTCN69 02A	
69	TA 67 68-354	Phan Đức	Nhân	2321060336	01/09/2005	Tự Động Hóa K68A	
70	TA 67 68-355	Nguyễn Văn	Nhật	2221030103	03/11/2004	Quản lý đất đai K67A	

(Tổng số 70 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026
(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)
Môn thi : TIẾNG ANH K67 + K68
PHÒNG THI: A306

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	TA 67 68-356	Đỗ Quang	Nhất	2221060413	28/05/2004	Kỹ thuật cơ điện tử k67	
2	TA 67 68-357	Dương Yến	Nhi	2224010420	22/03/2004	Kế toán B2 K67	
3	TA 67 68-358	Bùi Linh	Nhi	2224010941	17/12/2004	Kế toán K67	
4	TA 67 68-359	Tạ Yêna	Nhi	2224011103	26/09/2004	Kế toán B2 K67	
5	TA 67 68-360	Nguyễn Hoàng Xuân	Nhi	2221030077	13/12/2003	Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản K67	
6	TA 67 68-361	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	2321010078	10/02/2005	Kỹ thuật hoá học - Chương trình tiên tiến K68	
7	TA 67 68-362	Cao Đàm Trang	Nhung	2321030143	02/01/2005	Quản Lý đất đai K68A	
8	TA 67 68-363	Lại Hồng	Nhung	2224011077	23/02/2004	Kế toán K67	
9	TA 67 68-364	Đặng Hồng	Nhung	2321030101	28/05/2005	Quản lý đất đai B K68	
10	TA 67 68-365	Nguyễn Hồng	Nhung	2224010047	29/01/2004	Kế toán B2 K67	
11	TA 67 68-366	Phí Hồng	Nhung	2224010531	02/12/2004	Kế toán K67	
12	TA 67 68-367	Nguyễn Thị	Nhung	2221030157	26/10/2004	Quản lý đất đai K67	
13	TA 67 68-368	Kiều Thị Hồng	Nhung	2321080085	30/01/2005	Quản lý tài nguyên và môi trường K68A	
14	TA 67 68-369	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	2324010077	05/08/2005	Kế toán K68	
15	TA 67 68-370	Nguyễn Hồng	Nhung	2221030213	01/07/2004	lớp Quản ký phát triển đô thị & BĐS k67	
16	TA 67 68-371	Đặng Thị Tuyết	Nhung	2321030202	28/07/2005	Địa tin học K68	
17	TA 67 68-372	Dương Thị	Như	2424010008	24/01/2006	Tài chính ngân hàng k69	
18	TA 67 68-373	Võ Hoài	Oanh	2224010275	18/07/2004	Quản trị Marketing truyền thông K67	
19	TA 67 68-374	Đỗ Phương	Oanh	2321060133	26/08/2005	Kĩ thuật điều khiển và tự động hóa	
20	TA 67 68-375	Trần Hồng	Oanh	2221030133	20/06/2004	Quản Lý Đất Đai BK67	
21	TA 67 68-376	Nguyễn Thị Ngọc	Oanh	2224010218	21/12/2004	Quản trị kinh doanh B K67	
22	TA 67 68-377	Nguyễn Tấn	Phát	2421010024	19/02/2006	Khoan khai thác k69	
23	TA 67 68-378	Trần Duy	Phong	2221050635	23/12/2004	Công nghệ phần mềm K67 A	
24	TA 67 68-379	Nguyễn Đình	Phú	2221050114	25/07/2004	Khoa học máy tính K67B	
25	TA 67 68-380	Nguyễn Tấn	Phúc	2221050426	25/01/2004	Hệ thống thông tin 09A	
26	TA 67 68-381	Trần Văn	Phúc	2221030125	10/06/2004	Quản Lý Đất Đai K67	
27	TA 67 68-382	Phạm Hồng	Phúc	2421030052	11/10/2006	Lớp địa tin học k69	
28	TA 67 68-383	Đỗ Văn	Phúc	2221050687	17/05/2004	Công nghệ phần mềm K67C	
29	TA 67 68-384	Đồng Ngọc	Phúc	2221050279	12/11/2004	Công nghệ thông tin (chất lượng cao) K67B	
30	TA 67 68-385	Nguyễn Văn	Phúc	2321060476	06/09/2005	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá A k68	
31	TA 67 68-386	Nguyễn Nam	Phương	2224011064	30/11/2004	Tài chính- Ngân hàng K67	
32	TA 67 68-387	Đỗ Thu	Phương	2424010070	19/03/2006	Tài Chính Ngân Hàng K69	
33	TA 67 68-388	Nguyễn Phương	Phương	2424010067	28/04/2006	Tài chính ngân hàng K69	
34	TA 67 68-389	Nguyễn Lan	Phương	2324010259	03/11/2003	Kế toán K68	
35	TA 67 68-390	Đặng Thị Minh	Phượng	2221050648	12/01/2004	Công nghệ thông tin K67	
36	TA 67 68-391	Dương Thị	Phương	2224010262	29/04/2004	Thương mại điện tử K67 04C	
37	TA 67 68-392	Cao Thu	Phương	2224010776	30/01/2004	Quản trị thương mại điện tử K67-04B	
38	TA 67 68-393	Nguyễn Mai	Phượng	2224010323	21/06/2004	Kế toán K67	
39	TA 67 68-394	Nguyễn Nhật	Quang	2324010255	04/05/2005	Tài chính ngân hàng K68	
40	TA 67 68-395	Nguyễn Việt	Quang	2324010084	27/06/2005	Quản trị kinh doanh k68	
41	TA 67 68-396	Nguyễn Lý	Quang	2221050288	26/09/2004	Mạng mý tính K67	
42	TA 67 68-397	Phùng Anh	Quân	2221010058	12/06/2004	Công nghệ số trong thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên K67	
43	TA 67 68-398	Nguyễn Doãn	Quân	2421060388	26/12/2006	Kỹ thuật cơ khí k69	
44	TA 67 68-399	Nguyễn Hồng	Quân	2221050540	11/12/2004	Hệ thống thông tin K67 B	
45	TA 67 68-400	Nguyễn Minh	Quân	2221050125	05/10/2004	Khoa học dữ liệu K67A	
46	TA 67 68-401	Lê Minh	Quân	2221050656	29/09/2004	Tin học kinh tế K67 04B	
47	TA 67 68-402	Vũ Anh	Quân	2421050072	12/02/2006	Công nghệ thông tin K69	
48	TA 67 68-403	Hoàng Anh	Quân	2221050003	30/06/2004	DCCTCLC67B	
49	TA 67 68-404	Nguyễn Văn	Quân	2221060668	24/02/2004	Cơ điện tử A K67	
50	TA 67 68-405	Lường Anh	Quốc	2321060086	26/08/2005	Tự Động Hoá K68	
51	TA 67 68-406	Vũ Văn	Quốc	2321010107	21/06/2005	Dầu khí K68	
52	TA 67 68-407	Lê Thị Ngọc	Quyên	2221020071	19/09/2004	Du lịch địa chất k67	
53	TA 67 68-408	Lê Công	Quyền	2321060558	22/07/2005	KT Điện - Điện Tử	
54	TA 67 68-409	Đỗ Hồng	Quyên	2321030094	20/04/2005	Quản lí đất đai K68B	
55	TA 67 68-410	Phạm Quang	Quyết	2321060025	02/07/2005	Tự động hoá K68	
56	TA 67 68-411	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	2224011017	05/08/2004	Quản trị thương mại điện tử K67 04A	

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
57	TA 67 68-412	Bạch Thị	Quỳnh	2321030045	05/07/2005	Quản Lý Đất Đai BK68	
58	TA 67 68-413	Ngô Thị Ánh	Quỳnh	2221030120	02/02/2004	Quản lý đất đai B K67	
59	TA 67 68-414	Vũ Như	Quỳnh	2224010197	11/10/2004	Quản trị Marketing truyền thông 67A	
60	TA 67 68-415	Nguyễn Như	Quỳnh	2221050677	15/07/2004	Công nghệ phần mềm K67	
61	TA 67 68-416	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	2224010668	13/03/2004	Thương mại điện tử K67	
62	TA 67 68-417	Đào Duy	Quỳnh	2321060367	28/05/2005	Ô tô K68	
63	TA 67 68-418	Trương Thế	Sang	2324010104	22/05/2005	Quản trị Thương mại điện tử K68	
64	TA 67 68-419	Nguyễn Thị Hồng	Sáng	2424010165	11/05/2006	Quản lý công nghiệp K69	
65	TA 67 68-420	Phạm Minh	Sơn	2321010027	26/08/2005	Dầu khí k68	
66	TA 67 68-421	Phạm Trần Quang	Sơn	2321060590	07/11/2004	Kỹ thuật ô tô K68	
67	TA 67 68-422	Vũ Sơn	Sơn	2321060533	23/03/2005	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa K68	
68	TA 67 68-423	Thân Ngọc	Sơn	2421050031	08/04/2006	Công nghệ thông tin K69	
69	TA 67 68-424	Lê Hồng	Sơn	2421060461	13/04/2006	Ô tô k69	
70	TA 67 68-425	Bùi Thái	Sơn	2321010104	19/08/2005	Địa chất Dầu Khí K68	

(Tổng số 70 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : TIẾNG ANH K67 + K68

PHÒNG THI: A404

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	TA 67 68-426	Nguyễn Tuấn	Tài	2321060574	18/05/2005	Tự Động Hoá K68	
2	TA 67 68-427	Nguyễn Đức Tài	Tài	2421060308	13/05/2006	Kỹ thuật ô tô k69	
3	TA 67 68-428	Triệu Nguyên	Tài	2221050556	09/02/2005	Hệ thống thông tin A K67	
4	TA 67 68-429	Hoàng Minh	Tâm	2321030185	15/11/2005	Quản lí đất đai A	
5	TA 67 68-430	Hoàng Vũ Minh	Tâm	2321010020	26/08/2005	Khoan Khai Thác k68	
6	TA 67 68-431	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	2321050053	12/01/2005	Công nghệ thông tin K68	
7	TA 67 68-432	Trương Ngọc	Tân	2421060476	25/12/2006	Kĩ thuật Oto K69	
8	TA 67 68-433	Trần Hoài Nam	Tên	2321060383	09/12/2005	Cơ điện tử K68	
9	TA 67 68-434	Hoàng Văn	Tiến	2221060010	11/11/2004	Tự động hóa C k67	
10	TA 67 68-435	Đỗ Duy	Tiến	2221050180	31/05/2004	Công nghệ phần mềm K67_B	
11	TA 67 68-436	Hoàng Quốc	Tiệp	2321010055	03/10/2005	Chương Trình Tiên Tiến K68	
12	TA 67 68-437	Nguyễn Ngọc	Tình	2321060351	01/12/2005	Tự động hoá K68	
13	TA 67 68-438	Lê Thế	Toàn	2221050652	29/12/2004	Công Nghệ Phần Mềm C - K67	
14	TA 67 68-439	Đặng Văn	Toàn	2221060662	30/04/2004	Ô Tô K67	
15	TA 67 68-440	Trịnh Thế	Toàn	2321060223	08/01/2005	Kỹ thuật ô tô K68	
16	TA 67 68-441	Nguyễn Đắc Thái	Toàn	2321010012	09/06/2005	Thiết Bị Dầu Khí K68	
17	TA 67 68-442	HIM	TOLA	2221010003 C	05/10/2002	Chương Trình Tiên Tiến K67	
18	TA 67 68-443	Nguyễn Ngọc	Tú	2221050290	22/10/2004	Công Nghệ Thông Tin Chất Lượng Cao A	
19	TA 67 68-444	Ngô Văn	Tú	2321060085	22/08/2005	Cơ Điện Tử 68	
20	TA 67 68-445	Nguyễn Minh	Tú	2321060211	17/03/2005	Điện công nghiệp B K68	
21	TA 67 68-446	Bùi Trọng	Tú	2321060147	14/06/2005	Cơ Điện Tử K68	
22	TA 67 68-447	Mai Anh	Tú	2121050952	14/05/2003	Khoa học máy tính và ứng dụng 07E	
23	TA 67 68-448	Nguyễn Quang	Tú	2221030050	10/03/2004	Địa tin học K67	
24	TA 67 68-449	Phan Anh	Tú	2321020026	21/11/2005	Địa kỹ thuật k68	
25	TA 67 68-450	Phạm Anh	Tú	2221060557	03/05/2004	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá k67	
26	TA 67 68-451	Phạm Anh	Tú	2321050116	16/02/2005	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa K68	
27	TA 67 68-452	Đỗ Đức	Tuấn	2221030107	13/12/2004	Trắc địa - Bản đồ và quản lí đất đai k67	
28	TA 67 68-453	Nguyễn Văn	Tuấn	2321060170	03/04/2005	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa K68B	
29	TA 67 68-454	Nguyễn Anh	Tuấn	2321060143	23/01/2005	Điện công nghiệp B K68	
30	TA 67 68-455	Phùng Anh	Tuấn	2221060018	30/04/2004	Tự động hoá K67	
31	TA 67 68-456	Lê Anh	Tuấn	2321010047	26/03/2005	Thiết bị dầu khí k68	
32	TA 67 68-457	Đinh Minh	Tuấn	2321060408	05/08/2005	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử K68	
33	TA 67 68-458	Phạm Ngọc	Tùng	2321060266	07/06/2004	Công nghệ chế tạo máy k68	
34	TA 67 68-459	Trần Việt	Tùng	2221030044	24/12/2004	Quản lý đất đai K67A	
35	TA 67 68-460	Lê Thanh	Tùng	2221050111	27/08/2004	Hệ thống thông tin A K67	
36	TA 67 68-461	Hoàng Duy	Tùng	2321030087	09/08/2005	Địa Tin Học K68	
37	TA 67 68-462	Trần Đức	Tùng	2321010017	16/10/2005	Thiết bị dầu khí K68	
38	TA 67 68-463	Lê Văn	Tùng	2321070230	29/07/2005	Xây Dựng Dân Dụng Và Công Nghiệp K68	
39	TA 67 68-464	Phạm Đình	Tùng	2221050622	23/10/2004	Hệ thống thông tin C - K67	
40	TA 67 68-465	Nguyễn Thanh	Tùng	2321030109	28/04/2005	DCTDTD68-01	
41	TA 67 68-466	Đỗ Anh	Tuyển	2221060359	11/12/2004	Kỹ thuật điều khiển và tự động K67C	
42	TA 67 68-467	Tống Dương	Tuyển	2321060406	01/11/2005	Công nghệ kỹ thuật điện- điện tử K68	
43	TA 67 68-468	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	2224010202	20/07/2004	KẾ TOÁN K67	
44	TA 67 68-469	Lữ Trọng	Thái	24210142	20/12/2006	Thiết bị Dầu khí K69	
45	TA 67 68-470	Phạm Anh	Thái	2421060448	29/10/2006	Kĩ thuật cơ điện tử K69	
46	TA 67 68-471	Đỗ Thị	Thanh	2324010189	06/07/2005	Quản Trị Kinh Doanh K68	
47	TA 67 68-472	Bùi Văn	Thanh	2321060370	11/03/2005	Tự Động Hoá K68A	
48	TA 67 68-473	Vũ Phương	Thanh	2324010130	21/10/2005	Quản lý công nghiệp k68	
49	TA 67 68-474	Phạm Thị	Thanh	2321050063	24/12/2005	Khoa học dữ liệu A K68	
50	TA 67 68-475	Thiều Minh	Thành	2321050015	04/11/2003	Khoa học dữ liệu B K68	
51	TA 67 68-476	Trần Quốc	Thành	2321060315	08/11/2005	Hệ Thống Điện k68	
52	TA 67 68-477	Nguyễn Trung	Thành	2221020055	09/08/2004	Du lịch địa chất k67	
53	TA 67 68-478	Vũ Tiến	Thành	2221060783	22/10/2004	Cơ Khí Động Lực K67	
54	TA 67 68-479	Nguyễn Tiến	Thành	2321010036	01/10/2005	Chương Trình Tiến Tiến	
55	TA 67 68-480	Hoàng Minh	Thành	2221050565	23/02/2004	Công nghệ phần mềm K67 C	

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
56	TA 67 68-481	Lê Xuân	Thành	2321060487	26/07/2005	DCCDCDT68	
57	TA 67 68-482	Hà Văn	Thành	2321010105	28/05/2004	Địa Chất Dầu Khí K68	
58	TA 67 68-483	Nguyễn Thị Phương	Thảo	2324010227	21/07/2005	Tài chính ngân hàng K68	
59	TA 67 68-484	Đỗ Thu	Thảo	2324010216	24/10/2005	Kế toán K68	
60	TA 67 68-485	Hứa Phương	Thảo	2321030021	20/07/2005	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản K68	
61	TA 67 68-486	Phan An Thanh	Thảo	2421080079	16/03/2006	Quản lý Tài nguyên & Môi trường K69A	
62	TA 67 68-487	Nguyễn Phương	Thảo	2324010053	07/05/2005	Kế toán K68	
63	TA 67 68-488	Lê Thị Phương	Thảo	2324010217	15/10/2005	Quản Lí Công Nghiệp K68	
64	TA 67 68-489	Nguyễn Thị Phương	Thảo	2221030035	21/04/2004	Quản lý đất đai K67	
65	TA 67 68-490	Trương Thị	Thảo	2324010233	30/09/2005	Kế toán K68	
66	TA 67 68-491	Bùi Thanh	Thảo	2224010844	23/04/2004	Tài chính ngân hàng K67	
67	TA 67 68-492	Vũ Minh	Thảo	2321010056	09/04/2005	Công nghệ kỹ thuật hoá học k68	
68	TA 67 68-493	Vũ Đức	Thắng	2221050044	26/04/2004	Công Nghệ Phần Mềm K67C	
69	TA 67 68-494	Đặng Việt	Thắng	2321050020	26/08/2005	Khoa học dữ liệu K68 B	
70	TA 67 68-495	Nguyễn Trọng	Thắng	2421050142	04/02/2006	Công Nghệ Thông Tin k69	

(Tổng số 70 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : TIẾNG ANH K67 + K68

PHÒNG THI: A406

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	TA 67 68-496	Nguyễn Đình	Thi	2321060082	14/09/2005	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa B K68	
2	TA 67 68-497	Nguyễn Hà	Thịnh	2321060193	15/03/2005	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá K68	
3	TA 67 68-498	Nguyễn Thị Minh	Thu	2224010579	08/10/2004	Kế toán K67	
4	TA 67 68-499	Phạm Thị	Thu	2421050107	04/04/2006	Công nghệ thông tin K69	
5	TA 67 68-500	Nguyễn Thị	Thuật	2324010052	21/11/2005	Kế toán k68	
6	TA 67 68-501	Nguyễn Thị	Thuỳ	2221030317	16/11/2004	Địa tin học K67	
7	TA 67 68-502	Nguyễn Thị Thu	Thuỷ	2321060227	01/11/2005	Kỹ thuật Ô tô K68	
8	TA 67 68-503	Ngô Thị	Thuý	2424010106	05/09/2006	Tài chính ngân hàng k69	
9	TA 67 68-504	Lê Vương	Thuý	2224010023	08/11/2004	Kế Toán K67B2	
10	TA 67 68-505	Nguyễn Thị	Thùy	2224010816	09/12/2004	Kế toán K67b2	
11	TA 67 68-506	Đoàn Thị Thủy	Thủy	2224011178	24/04/2004	Thương mại điện tử K67B	
12	TA 67 68-507	Nguyễn Thị	Thúy	2221050210	22/05/2004	Khoa học máy tính ứng dụng K67	
13	TA 67 68-508	Nguyễn Viết Phúc	Thuyết	2321060001	17/08/2005	Hệ thống điện k68	
14	TA 67 68-509	Mai Anh	Thư	2321000019	13/02/2005	Hoá dược 68	
15	TA 67 68-510	Diệp Thị Thanh	Thương	2224010115	05/12/2003	KẾ TOÁN K67	
16	TA 67 68-511	Lê Mai	Thy	2224010322	27/07/2004	Quản trị kinh doanh K67	
17	TA 67 68-512	Hà Kiều	Trang	2224010401	11/05/2004	Kế toán K67 C2	
18	TA 67 68-513	Hoàng Hà	Trang	2224010277	15/05/2004	Kế toán B2 K67	
19	TA 67 68-514	Phạm Thị Như	Trang	2224010789	06/01/2004	Kế toán k67	
20	TA 67 68-515	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	2421050134	12/06/2006	Công nghệ thông tin C K69	
21	TA 67 68-516	Vũ Thị Thu	Trang	2224010470	13/01/2004	Kế toán K67	
22	TA 67 68-517	Nguyễn Thị	Trang	2221050403	27/05/2004	Công nghệ thông tin k67	
23	TA 67 68-518	Nguyễn Ngọc Huyền	Trang	2321010025	07/07/2005	Công nghệ kỹ thuật hóa học K68	
24	TA 67 68-519	Lê Trần Minh	Trang	2321050044	14/11/2005	Khoa học dữ liệu B K68	
25	TA 67 68-520	Vũ Trần Minh	Trang	2224010296	30/11/2004	Kế Toán K67	
26	TA 67 68-521	Tiêu Diệu Huyền	Trang	2321000004	14/10/2005	Hóa Dược K68	
27	TA 67 68-522	Thịnh Thùy	Trâm	2421030057	13/11/2006	DCTDQDTBDS69A	
28	TA 67 68-523	Nguyễn Văn	Triệu	2321050102	26/05/2005	Công nghệ phần mềm K68	
29	TA 67 68-524	Sùng Văn	Trinh	2321010127	07/10/2005	Kỹ thuật khí thiên nhiên K68	
30	TA 67 68-525	Dương Thị Thanh	Trúc	2321010001	11/11/2002	Công nghệ kỹ thuật hoá học K68	
31	TA 67 68-526	Nguyễn Ngọc	Trúc	2421030182	08/08/2006	Quản Lý Đất Đai K69A	
32	TA 67 68-527	Đặng Thành	Trung	2421060035	28/08/2006	DCCDTD69	
33	TA 67 68-528	Nguyễn Quốc	Trung	2421050177	20/11/2006	Công nghệ Thông tin K69	
34	TA 67 68-529	Phạm Việt Anh	Trung	2221030105	01/01/2004	Địa tin học K67	
35	TA 67 68-530	Đặng Hà Đức	Trung	2421030242	24/03/2006	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ k69	
36	TA 67 68-531	Nguyễn Xuân	Trường	2321030099	07/04/2005	Trắc địa bản đồ K68	
37	TA 67 68-532	Nguyễn Gia	Trường	2221030155	12/10/2004	Quản Lý Đất Đai K67A	
38	TA 67 68-533	Lê Thanh	Vân	2321020115	05/09/2004	Du Lịch Địa Chất k68	
39	TA 67 68-534	Trần Khánh	Vân	2321000013	11/03/2005	Hoá dược K68	
40	TA 67 68-535	Nguyễn Thị	Vân	2421050095	07/09/2005	Hệ Thống Thông Tin K68	
41	TA 67 68-536	Lê Thị Thảo	Vân	2221070193	03/03/2004	Kế toán K67	
42	TA 67 68-537	Ngô Văn	Việt	2221060272	10/05/2004	Kĩ thuật điều khiển và tự động hoá K67	
43	TA 67 68-538	Trần Quốc	Việt	2221060570	02/10/2004	Kỹ Thuật Điều Khiển Tự Động Hóa K67	
44	TA 67 68-539	Nguyễn Quốc	Việt	2421060255	27/07/2006	Công nghệ chế tạo máy K69B	
45	TA 67 68-540	Đinh Thế	Vinh	2221050814	20/01/2004	Công Nghệ Thông Tin Chất Lượng Cao K67A	
46	TA 67 68-541	Vũ Quang	Vinh	2321060329	06/03/2005	Công nghệ kĩ thuật điện điện tử K68	
47	TA 67 68-542	Nguyễn Thế	Vinh	2321060087	10/06/2005	ĐIỆN CÔNG NGHIỆP K68 01A	
48	TA 67 68-543	Nguyễn Phồn	Vinh	2421060485	08/02/2006	Kĩ thuật Cơ khí K69	
49	TA 67 68-544	Bùi Thành	Vinh	2221050489	27/12/2004	Công nghệ phần mềm k67 B	
50	TA 67 68-545	Trần Thái	Vinh	2321010023	17/08/2005	Công Nghệ Kĩ Thuật Hóa Học K68	
51	TA 67 68-546	Nguyễn Thanh	Vinh	2321010148	09/12/2005	Kĩ thuật khí thiên nhiên K68	
52	TA 67 68-547	Phí Quang	Vinh	2321060169	04/08/2005	Tự động hóa B K68	
53	TA 67 68-548	Nguyễn Xuân	Vũ	2321070059	10/09/2005	QUẢN LÍ XÂY DỰNG K68B	
54	TA 67 68-549	Trịnh Đắc	Vụ	2221050146	31/05/2004	Công nghệ phần mềm K67B	
55	TA 67 68-550	Nguyễn Long Vũ	Vũ Dũng	2421060372	28/11/2006	Kĩ thuật điện K69	
56	TA 67 68-551	Trần Minh	Vương	2221060621	21/08/2003	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá K67A	
57	TA 67 68-552	Cao Thị Khánh	Vy	2424010112	24/10/2006	Tài chính - Ngân hàng K69	
58	TA 67 68-553	Nguyễn Hà	Vy	2221050573	06/12/2004	Tin học Kinh tế A - K67	
59	TA 67 68-554	Bùi Thị Cẩm	Vy	2421050159	27/03/2006	Công Nghệ Thông Tin CK69	

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
60	TA 67 68-555	Nguyễn Kiều	Vy	2321050005	30/12/2005	Hệ thống thông tin K68	
61	TA 67 68-556	Mai Thị	Xuân	2321000039	14/12/2005	Hóa dược K68	
62	TA 67 68-557	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	2324010094	27/12/2005	Quản trị kinh doanh K68	
63	TA 67 68-558	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	2324010207	15/02/2005	Kế toán K68	
64	TA 67 68-559	Đỗ Thị Thanh	Xuân	2424010220	20/04/2006	Kế toán K69	
65	TA 67 68-560	Lê Thị Thanh	Xuân	2324010046	20/01/2005	Kế toán K68	
66	TA 67 68-561	Nguyễn Thị	Yến	2224010777	11/12/2004	Tài chính ngân hàng k67	
67	TA 67 68-562	Nguyễn Thị Hải	Yến	2324010177	24/12/2005	Kế toán K68	
68	TA 67 68-563	Đỗ Thị	Yến	2421030135	03/07/2006	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản K69	
69	TA 67 68-564	Phạm Thị Hải	Yến	2324010102	19/02/2005	Kế toán K68	

(Tổng số 69 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : TIẾNG ANH K70

PHÒNG THI: A408

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	TA70-01	Đặng Mai	Anh	2524010557	11/04/2007	Quản trị kinh doanh K70	
2	TA70-02	Đặng Châu	Anh	2521000333	14/10/2007	Ngôn ngữ anh K70	
3	TA70-03	Trần Đăng Minh	Anh	2521000185	22/08/2007	Ngôn ngữ anh K70 B1	
4	TA70-04	Lê Đức	Anh	2521030087	16/05/2007	Quản lý đất đai K70	
5	TA70-05	Hà Việt	Anh	2521050263	29/10/2007	Công nghệ Thông tin A1 K70	
6	TA70-06	Lê Thị Hoài	Anh	2524010648	18/11/2007	Quản trị kinh doanh K70	
7	TA70-07	Nguyễn Trung	Anh	2521060115	27/01/2007	Kỹ Thuật Robot K70	
8	TA70-08	Hoàng Đức	Anh	2521060052	19/05/2007	Cơ Khí Động Lực K70	
9	TA70-09	Lưu Thị	Ánh	2521000204	09/01/2007	Ngôn ngữ Trung Quốc 70A2	
10	TA70-10	Nguyễn Thị Phương	Ánh	2524010152	20/09/2007	Kế toán K70B2	
11	TA70-11	Nguyễn Danh Thành	Công	2521060061	18/05/2007	kỹ thuật điện k70a3	
12	TA70-12	Hoàng Anh	Công	2521060963	18/01/2007	Kỹ Thuật Điện K70A1	
13	TA70-13	Nguyễn Đình	Cường	2521060930	26/11/2007	Kỹ Thuật Điện K70	
14	TA70-14	Hồ Trần Minh	Châu	2521020171	26/09/2006	Kỹ thuật Địa chất K70	
15	TA70-15	Nguyễn Khánh	Dũng	2521050532	22/11/2007	Công Nghệ Thông Tin C2 K70	
16	TA70-16	Nguyễn Vũ	Duy	2521050359	08/02/2007	Khoa Học Dữ Liệu K70	
17	TA70-17	Hà Minh	Đăng	2521050525	07/12/2007	Công Nghệ Thông Tin K70	
18	TA70-18	Nguyễn Đăng	Đức	2521060465	25/09/2007	Cơ khí K70	
19	TA70-19	Mai Danh	Đức	2521050013	07/08/2007	Công nghệ thông tin K70	
20	TA70-20	Vũ Mạnh	Đức	2521060093	27/12/2007	ROBOT K70	
21	TA70-21	Nguyễn Hương	Giang	2521030317	07/12/2007	Quản lí đất đai K70	
22	TA70-22	Nguyễn Ngọc Linh	Giang	2424010028	22/08/2006	Kế Toán K69	
23	TA70-23	Phạm Gia	Hân	2521080101	17/05/2007	Quản lý môi trường K70C	
24	TA70-24	Nguyễn Thị	Hoa	2521000210	09/03/2007	Ngôn Ngữ Anh K70	
25	TA70-25	Nguyễn Min	Hoà	2521000386	27/12/2007	Ngôn Ngữ Anh K70	
26	TA70-26	Lê Huy	Hoàng	2521070437	22/09/2003	Quản lý xây dựng K70	
27	TA70-27	Phạm Thế	Hợp	2521000220	15/12/2007	Ngôn ngữ anh k70	
28	TA70-28	Ong Thế	Hùng	2521080064	10/03/2007	Kĩ thuật môi trường-K70	
29	TA70-29	Đỗ Nguyễn Minh	Huy	2521030364	24/12/2007	Địa tin học K70	
30	TA70-30	Đào Quang	Huy	2521050052	18/08/2007	Công nghệ thông tin K70	
31	TA70-31	Trần Quốc	Huy	2521060603	20/01/2007	Kỹ thuật điện K70A1	
32	TA70-32	Bùi Thị Mai	Hương	2521000235	24/09/2007	Ngôn Ngữ Trung Quốc K70	
33	TA70-33	Nguyễn Thu	Hương	2521000180	08/10/2007	Ngôn ngữ Trung Quốc K70	
34	TA70-34	Nguyễn Thị Thuý	Hường	2524010547	24/04/2007	Kế Toán K70	
35	TA70-35	Nguyễn Anh	Khoa	2521050239	12/04/2007	Công nghệ thông tin k70A2	
36	TA70-36	Lê Thị	Lan Anh	2521020324	07/07/2007	Quản lý đô thị và công trình k70	
37	TA70-37	Bùi Tùng	Lâm	2421030153	12/01/2006	Quản Lý Đất Đai K69A	
38	TA70-38	Hà Thị Bích	Liên	2521000199	29/04/2007	Ngôn Ngữ Trung Quốc K70	
39	TA70-39	Thân Thị Thuỳ	Linh	2521050204	06/10/2007	Công Nghệ Thông Tin K70- C2	
40	TA70-40	Nguyễn Thị	Linh	2424010046	07/07/2006	Nguyễn Thị Linh Kế toán K69	
41	TA70-41	Cao Thị Kiều	Linh	2521080071	23/01/2007	Quản lý môi trường 70A	
42	TA70-42	Nguyễn Ngọc Bảo	Linh	2521000275	16/07/2007	Ngôn ngữ Anh K70	
43	TA70-43	Nguyễn Ngọc	Linh	2521010060	09/06/2007	Kĩ thuật Khí thiên nhiên K70	
44	TA70-44	Nguyễn Thùy	Linh	2524010034	20/03/2007	Quản lý công nghiệp K70C	
45	TA70-45	Nguyễn	Linh	2521000090	17/08/2007	Ngôn Ngữ Anh K70	
46	TA70-46	Đỗ Khánh	Linh	2421030247	14/10/2006	Trắc địa bản đồ K69	
47	TA70-47	Trần Khánh	Linh	2521070089	05/09/2007	Quản Lí Xây Dựng K70	
48	TA70-48	Lê Ngọc Khánh	Linh	2521030338	30/04/2007	Địa tin học K70	
49	TA70-49	Đặng Thị Kim	Loan	2521000091	08/10/2007	Ngôn ngữ Trung K70	
50	TA70-50	Nguyễn Ngọc Hoàng	Long	2521060412	08/12/2007	Ô tô C K70	
51	TA70-51	Lương Vũ Lộc	Lộc	2521080176	19/07/2007	môi trường k70	
52	TA70-52	Nguyễn Diệu	Ly	2521080152	19/11/2007	Quản lý môi trường K70C	
53	TA70-53	Trương Thị Hoa	Mai	2521050268	31/03/2007	Công nghệ thông tin K70	
54	TA70-54	Nguyễn Bình	Minh	2521010056	16/08/2007	Khí thiên nhiên K70	
55	TA70-55	Nguyễn Hải	Minh	2524010282	28/12/2007	Quản trị kinh doanh K70B1	
56	TA70-56	Vũ Thị	Mơ	2521000347	01/08/2007	Ngôn ngữ Trung Quốc k70	
57	TA70-57	Nguyễn Nhật	Nam	2521030114	14/12/2007	Địa Tin Học K70	
58	TA70-58	Cao Hải Nam	Nam	2521050386	23/07/2007	CNTT K70	
59	TA70-59	Bùi Thuý	Ngọc	2521000015	10/01/2007	Ngôn ngữ Trung Quốc K70	
60	TA70-60	Nguyễn Khôi	Nguyên	2521010031	09/11/2007	Kỹ thuật dầu khí K70	

(Tổng số 60 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : TIẾNG ANH K70

PHÒNG THI: A208

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	TA70-61	Nguyễn Thị Út	Nhàn	2521000139	20/05/2007	Ngôn Ngữ Trung Quốc K70	
2	TA70-62	Đường Giải	Phóng	2521060361	30/04/2007	Cơ Khí K70	
3	TA70-63	Đặng Trần	Phú	2,521E+10	05/01/2006	CTTT- KTHH K70	
4	TA70-64	Chu Hồng	Phúc	2521060860	08/10/2007	Kĩ thuật điện K70	
5	TA70-65	Hoàng Văn	Phúc	2521060255	05/09/2007	Lớp cơ khí a2 k70	
6	TA70-66	Nguyễn Thị Thu	Phương	2521060996	05/08/2007	Kỹ Thuật Cơ Khí K70 B1	
7	TA70-67	Lưu Thu	Phương	2521000035	11/11/2007	Ngôn Ngữ Anh K70	
8	TA70-68	Trần Ngọc	Quỳnh	2524010587	13/11/2007	Quản trị kinh doanh K70B2	
9	TA70-69	Phạm Thị Như	Quỳnh	2521050290	27/02/2007	CNTT K70	
10	TA70-70	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	2321050053	12/01/2005	Công nghệ thông tin K68	
11	TA70-71	Cao Thanh	Tâm	2521030247	16/08/2007	Trắc địa bản đồ K70	
12	TA70-72	Đào Ngọc	Tân	2521050247	17/11/2007	Công nghệ thông tin k70	
13	TA70-73	Nguyễn Hữu	Tiến	2421060393	24/10/2006	Robot và trí tuệ nhân tạo k69	
14	TA70-74	Đỗ Danh	Toàn	2421060158	09/02/2006	Kĩ Thuật điều khiển tự động hóa	
15	TA70-75	Phạm Ngọc	Tú	2521000193	31/08/2007	Ngôn Ngữ Trung Quốc K70A1	
16	TA70-76	Trần Văn	Thái	2521050214	01/10/2007	Công nghệ thông tin D2 K70	
17	TA70-77	Trần Phương	Thảo	2521000382	02/09/2007	Ngôn ngữ Trung Quốc k70A1	
18	TA70-78	Nguyễn Thị Phương	Thảo	2524010044	29/04/2007	Kế toán K70B1	
19	TA70-79	Nguyễn Mai	Trang	2524010119	20/08/2007	Quản Trị Kinh Doanh K70A	
20	TA70-80	Hà Thùy	Trang	2524010679	05/07/2007	Kế toán 70B2	
21	TA70-81	Bùi Thị Minh	Trang	2524010295	10/06/2007	Tài chính-Ngân hàng K70B	
22	TA70-82	Dư Đỗ Quỳnh	Trang	2221050722	25/02/2004	Hệ thống thông tin B K67	
23	TA70-83	Bùi Mai	Trang	2524010584	14/08/2007	Kế toán A1 K70	
24	TA70-84	Trần Thị	Vân Anh	2521030032	20/07/2007	Địa tin học K70	
25	TA70-85	Đinh Thị Hà	Vi	2524010061	09/10/2007	Quản trị kinh doanh 70A2	
26	TA70-86	Nguyễn Duy	Việt	2521030102	04/08/2006	Quản lí đất đai K70A1	
27	TA70-87	Triệu Vy	Vy	2521000187	24/09/2007	Ngôn Ngữ Trung Quốc K70	
28	TA70-88	Tạ Thị Hải	Yến	2524010528	15/11/2007	Tài chính k70	

(Tổng số 28 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : ĐẠI SỐ

PHÒNG THI: A203

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	ĐS01	Đinh Mai	An	2221050181	12/08/2004	Hệ thống thông tin A K67	
2	ĐS02	Lương Việt	An	2521070159	14/08/2007	Kỹ Thuật Xây Dựng K70	
3	ĐS03	Tạ An	An	2521060531	05/12/2007	Động lực K70	
4	ĐS04	Nguyễn Đăng Hoàng	Anh	2321030072	06/08/2005	Quản lý phát triển đô thị và Bất Động Sản	
5	ĐS05	Hoàng Tuấn	Anh	2221050179	28/10/2004	Công nghệ thông tin chất lượng cao A K67	
6	ĐS06	Nguyễn Việt	Anh	2221060682	24/02/2004	Công nghệ kỹ thuật điện , điện tử	
7	ĐS07	Nguyễn Thảo	Anh	2424010104	14/02/2006	Quản trị Thương mại điện tử K69	
8	ĐS08	Nguyễn Hoàng	Anh	2321060287	03/05/2005	Kỹ thuật ROBOT và Trí tuệ nhân tạo K68	
9	ĐS09	Đỗ Lê	Anh	2421060124	05/12/2006	Cơ điện tử K69 A	
10	ĐS10	Nguyễn Việt	Anh	2521070143	12/09/2007	Xây Dựng K70	
11	ĐS11	Chu Ngọc	Anh	2421030003	30/11/2006	Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản k69	
12	ĐS12	Hoàng Lan	Anh	2524010117	16/07/2007	DCKTKD70B2	
13	ĐS13	Doãn Thị Minh	Anh	2424010156	25/12/2006	Quản trị Kinh doanh K69	
14	ĐS14	Đỗ Lan	Anh	2224010986	19/07/2004	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K67B	
15	ĐS15	Lê Thị Thảo	Anh	2521061004	10/03/2006	DCCDCDT70B	
16	ĐS16	Nguyễn Đăng Việt	Anh	2421060051	22/06/2006	DCCDCDT69A	
17	ĐS17	Lê Thị Hồng	Ánh	2424010134	26/08/2006	Quản lí công nghiệp K69	
18	ĐS18	Nguyễn Quang	Bách	2521060447	14/11/2007	Tự động hóa K70	
19	ĐS19	Vương Gia	Bảo	2421050115	07/03/2006	Công Nghệ Thông Tin K69	
20	ĐS20	Lưu Văn	Bi	2421080063	15/03/2006	Kỹ Thuật Môi Trường K69	
21	ĐS21	Nguyễn Viết Thanh	Bình	2521060026	30/12/2007	Cơ điện tử K70B	
22	ĐS22	Hà Thuỷ	Bình	2521000324	18/08/2007	Hóa dược k70	
23	ĐS23	Nguyễn Duy	Công	2521060865	07/06/2007	Tự động hóa K70	
24	ĐS24	Vũ Mạnh	Cường	2421060216	05/07/2006	Kỹ thuật điện k69	
25	ĐS25	Hà Phương	Chi	2421050136	04/02/2006	Khoa học dữ liệu B K69	
26	ĐS26	Cao Văn	Chiến	2421010128	27/12/2006	Khoan Khai Thác K69	
27	ĐS27	Nguyễn Văn	Chung	2321050024	14/06/2005	Công nghệ thông tin K68	
28	ĐS28	Trương Gia	Diễm	2524010234	25/06/2007	Tài chính ngân hàng A K70	
29	ĐS29	Hà Thế	Doanh	2521060406	27/04/2007	Cơ Khí Động Lực K70	
30	ĐS30	Tạ Thị Vân	Dung	2424010111	08/11/2006	Tài chính ngân hàng K69	
31	ĐS31	Khuất Tiến	Dũng	2521050407	22/02/2007	Địa chất K70 - D2	
32	ĐS32	Nguyễn Công	Dũng	2521050449	21/07/2007	Công Nghệ thông tin D2-k70	
33	ĐS33	Nguyễn Việt	Dũng	2321060190	27/02/2005	Tự động hóa K68	
34	ĐS34	Hoàng Mạnh	Duy	2421050160	31/10/2006	Công nghệ thông tin k69	
35	ĐS35	Nguyễn Thị	Duyên	2421030105	22/10/2006	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản K69B	
36	ĐS36	Nguyễn Đức	Dương	2321030215	16/08/2005	Địa tin học K68	
37	ĐS37	Đan Thị Thuỳ	Dương	2521050238	15/11/2007	Công nghệ thông tin K70	
38	ĐS38	Nguyễn Tiến	Đạt	2421050078	04/09/2006	Khoa học dữ liệu A K69	

(Tổng số 38 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : ĐẠI SỐ

PHÒNG THI: A204

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	ĐS39	Nguyễn Tiến	Đạt	2521060121	27/12/2007	Tự Động Hóa K70	
2	ĐS40	Lê Thành	Đạt	2521050353	06/11/2007	Công nghệ thông tin k70 c2	
3	ĐS41	Trần Tiến	Đạt	2521060238	19/04/2007	Kỹ thuật cơ khí B1	
4	ĐS42	Phạm Huy Thành	Đạt	2421050051	01/01/2006	Công nghệ thông tin K69	
5	ĐS43	Bùi Tuấn	Đạt	2521060300	27/12/2007	Cơ điện tử K70	
6	ĐS44	Nguyễn Xuân	Đạt	2421050196	18/10/2006	Khoa Học Dữ Liệu B K69	
7	ĐS45	Lê Thế	Đạt	2521050395	05/08/2007	Công Nghệ Thông Tin K70	
8	ĐS46	Nguyễn Xuân	Đạt	2421060098	29/11/2006	Công nghệ kỹ thuật Điện Điện Tử K69	
9	ĐS47	Nguyễn Viết	Đạt	2421050006	09/10/2006	Khoa học dữ liệu K69	
10	ĐS48	Nguyễn Văn Tiến	Đạt	2521060760	19/11/2007	Tự động hoá K70	
11	ĐS49	Trần Văn	Đô	2421060191	23/08/2006	Công nghệ kỹ thuật điện-điện tử K69	
12	ĐS50	Nguyễn Hoàng	Đông	2421060283	02/11/2006	Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử K69	
13	ĐS51	Hà Minh	Đức	2421060410	21/12/2006	kỹ thuật điện công nghiệp A k69	
14	ĐS52	Lê Ngọc	Đức	2421060038	12/20/0006	Kỹ Thuật Điều Khiển Và Tự Động Hoá	
15	ĐS53	Trần Thị	Giang	2421050010	19/11/2006	Công nghệ thông tin K69A	
16	ĐS54	Nguyễn Đức	Giang	2421060167	30/06/2006	Robot và trí tuệ nhân tạo K69	
17	ĐS55	Đỗ Thị Thu	Hà	2521050488	29/04/2007	Công nghệ thông tin k70	
18	ĐS56	Vi Văn	Hà	2421060561	16/10/2006	Tự động hoá k69	
19	ĐS57	Phan Hồng	Hà	2421060586	13/03/2006	Tự động hoá k69	
20	ĐS58	Hoàng Tuấn	Hải	2421060500	28/08/2006	Hệ thống điện K69	
21	ĐS59	Nguyễn Công	Hải	2421060168	29/03/2006	Kỹ thuật điện K69	
22	ĐS60	Nguyễn Ánh	Hằng	2524010193	12/11/2007	Tài chính - Ngân hàng C K70	
23	ĐS61	Hoàng Thu	Hiền	2424010256	24/11/2006	Logistics và quản lí chuỗi cung ứng A-K69	
24	ĐS62	Bùi Minh	Hiếu	2221050683	05/12/2004	Tin học Kinh tế K67B	
25	ĐS63	Võ Văn	Hiếu	2521050205	19/02/2007	Công nghệ thông tin k70	
26	ĐS64	Hà Trung	Hiếu	2321060226	01/08/2005	Cơ điện k68	
27	ĐS65	Lê Mạnh	Hoan	2421060108	06/03/2006	Cơ điện K69	
28	ĐS66	Nguyễn Quốc	Hoàn	2521060413	27/11/2007	Khỹ thuật cơ khí động lực-K70B	
29	ĐS67	Nguyễn Trọng	Hoàng	2521060721	07/10/2007	Robot K70	
30	ĐS68	Đinh Doãn	Hoàng	2521060161	06/07/2007	Kĩ thuật điện k70B3	
31	ĐS69	Phạm Việt	Hoàng	2521060372	17/08/2007	Kỹ thuật ô tô K70 B	
32	ĐS70	Nguyễn Thị Phương	Hồng	2424010159	28/08/2006	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng B K69	
33	ĐS71	Nguyễn Xuân	Huế	2421060319	01/01/2006	Điện công nghiệp k69 01 A	
34	ĐS72	Bùi Văn	Hùng	2421060178	28/10/2006	Điện Công Nghiệp A K69	
35	ĐS73	Nguyễn Văn	Hùng	2521061076	01/04/2007	Kỹ thuật cơ điện tử K70A	

(Tổng số 35 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : ĐẠI SỐ

PHÒNG THI: A205

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	ĐS74	Hồ Tiến	Hùng	2421060598	04/09/2006	Kỹ thuật Robot K69	
2	ĐS75	Nguyễn Quốc	Huy	2121060597	25/03/2003	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa K66C1	
3	ĐS76	Vũ Quang	Huy	2321080041	25/09/2004	Kĩ thuật môi trường K68	
4	ĐS77	Ngô Quốc	Huy	2521070097	19/02/2007	Xây dựng K70	
5	ĐS78	Đặng Quốc	Hưng	2321010143	01/11/2005	Công nghệ kỹ thuật điện điện tử 68	
6	ĐS79	Trần Tân	Hưng	2321060099	10/12/2005	Robot và trí tuệ nhân tạo K68	
7	ĐS80	Lê Quang	Hưng	2421060104	05/04/2006	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hoá K69	
8	ĐS81	Hoàng Thị Thuý	Hường	2421030165	24/03/2006	Quản lý đất đai K69	
9	ĐS82	Hoàng Thị Thúy	Hường	2424010125	07/10/2006	logistic và quản lí chuỗi cung ứng A k69	
10	ĐS83	Lê Hồng	Kỳ	2421050060	18/04/2006	Công nghệ thông tin A K69	
11	ĐS84	Cao Nguyên	Khoa	2321060581	22/10/2004	Cơ Điện k68	
12	ĐS85	Nguyễn Anh	Khoa	2521050239	12/04/2007	Công nghệ thông tin A2 K70	
13	ĐS86	Kim Nguyên	Khôi	2121050825	09/10/2002	Khoa học dữ liệu K66	
14	ĐS87	Nguyễn Tiến	Khởi	2321050038	22/06/2005	Công nghệ phần mềm K68	
15	ĐS88	Nguyễn Tùng	Lâm	2521060686	15/08/2007	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa K70	
16	ĐS89	Đào Sơn	Lâm	2321060317	06/10/2005	Kỹ thuật ô tô K68	
17	ĐS90	Nguyễn Bích	Liên	2521050298	23/12/2007	Cntt k70	
18	ĐS91	Nguyễn Tuấn	Linh	2521060637	18/01/2007	Cơ khí động lực K70	
19	ĐS92	Phạm Phương	Linh	2421050009	03/11/2006	Khoa Học Dữ Liệu K69A	
20	ĐS93	Đậu Linh	Linh	2421030244	01/01/2006	Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản K69A	
21	ĐS94	Đỗ Ngọc	Linh	2424010040	07/06/2006	Tài chính - Ngân hàng K69	
22	ĐS95	Lê Khánh	Linh	2421030230	22/06/2006	Quản lí đất đai k69B	
23	ĐS96	Trần Tuấn	Linh	2221060342	06/09/2004	Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa A K67	
24	ĐS97	Mai Thị Khánh	Linh	2521030195	28/04/2007	Trắc địa bản đồ K70	
25	ĐS98	Nguyễn	Linh	2424010013	30/05/2006	Tài Chính Ngân Hàng K69	
26	ĐS99	Lưu Văn	Linh	2321060456	28/09/2005	Kỹ thuật điện - điện tử k68	
27	ĐS100	Nguyễn Trần Duy	Long	2421060555	18/08/2006	Điện công nghiệp K69 01A	
28	ĐS101	Nguyễn Đức	Long	2521060219	25/06/2007	Kỹ thuật Cơ khí K70	
29	ĐS102	Nguyễn Hoàng	Long	2321060041	06/06/2005	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa K68B	
30	ĐS103	Nguyễn Ngọc	Luân	2321060564	06/09/2005	Kĩ thuật ô tô K68	
31	ĐS104	Nguyễn Quý	Lực	2421060463	27/06/2006	Điện công nghiệp-B K69	
32	ĐS105	Vũ Khánh	Ly	2424010231	21/10/2006	Quản trị kinh doanh K69	
33	ĐS106	Vũ Thị Khánh	Ly	2421030123	13/06/2006	Quản lý phát triển đô thị & bất động sản k69A	
34	ĐS107	Bùi Tất	Mạnh	2421030080	15/08/2006	Trắc Địa K69	
35	ĐS108	Bùi Đức	Mạnh	2321060039	16/12/2005	Tự động hóa K68	

(Tổng số 35 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : ĐẠI SỐ

PHÒNG THI: A206

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	ĐS109	Đặng Thị	Mến	2424010006	19/09/2006	Tài Chính Ngân Hàng K69	
2	ĐS110	Đinh Tuấn	Minh	2521070433	17/12/2007	Xây Dựng K70	
3	ĐS111	Vũ Hải	Nam	2421050038	08/09/2006	Công nghệ thông tin K69	
4	ĐS112	Nguyễn Hoàng	Nam	2521060003	19/01/2007	Tự động hoá K70	
5	ĐS113	Trần Ngọc Hải	Nam	2521060936	06/07/2007	Cơ điện tử K70	
6	ĐS114	Nguyễn Thị Thuý	Nga	2424010169	26/04/2006	Kế toán K69	
7	ĐS115	Nguyễn Thị Thuý	Nga	2524010498	25/06/2007	Tài chính-ngân hàng k70	
8	ĐS116	Đỗ Vương	Nghiêm	2421030005	16/05/2006	Quản Lý Đất Đai k69A	
9	ĐS117	Đỗ Thị Bích	Ngọc	2521080111	14/01/2007	Kĩ thuật môi trường K70A	
10	ĐS118	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	2321200039	02/06/2005	Địa kỹ thuật xây dựng K68	
11	ĐS119	Phạm Ánh	Ngọc	2421060569	20/11/2006	Công Nghệ Kỹ Thuật Điện - Điện Tử K69	
12	ĐS120	Lê Long	Nhật	2421070038	22/06/2005	Kỹ thuật Xâu dựng công trình giao thông K69B	
13	ĐS121	Lê Long	Nhật	2421070037	22/06/2005	DCXDGT69B	
14	ĐS122	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	2424010014	16/06/2006	Tài chính ngân hàng K69	
15	ĐS123	Nguyễn Như	Phong	2521070484	18/03/2007	Kỹ thuật xây dựng K70	
16	ĐS124	Nguyễn Quang	Phú	2421030061	24/07/2006	Địa tin học k69	
17	ĐS125	Đoàn Hữu	Phúc	2421050153	05/11/2006	Công Nghệ Thông Tin C K69	
18	ĐS126	Trần Hữu	Phước	2521060579	03/07/2007	Công Nghệ Kĩ Thuật Điện - Điện Tử K70	
19	ĐS127	Vương Lan	Phương	2324010005	30/11/2005	Quản trị kinh doanh k68	
20	ĐS128	Vũ Nhất	Quang	2321060136	12/05/2005	Kỹ thuật ô tô K68	
21	ĐS129	Phạm Minh	Quân	2221060810	24/11/2004	Kỹ thuật điện K67	
22	ĐS130	Đặng Minh	Quân	2421060473	07/02/2006	Tự đông hóa K69	
23	ĐS131	Hoàng Tiến	Quân	2421060464	18/02/2006	Kĩ thuật điện K69	
24	ĐS132	Hoàng Thị Minh	Quý	2324010251	30/10/2003	Kế toán K68	
25	ĐS133	Cao Thị Thu	Quyên	2321050058	06/03/2005	Hệ thống thông tin K68	
26	ĐS134	Trần Ngọc	Quỳnh	2524010587	13/11/2007	Quản trị kinh doanh K70B2	
27	ĐS135	Nguyễn Thúy	Quỳnh	2521050276	19/02/2007	Công nghệ thông tin k70b2	
28	ĐS136	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	2424010253	22/01/2006	Logistics và quản lí chuỗi cung ứng B K69	
29	ĐS137	Nguyễn Hữu Ngọc	Sơn	2421060572	11/06/2006	Công Nghệ Kỹ Thuật Điện - Điện Tử	
30	ĐS138	Phạm Văn	Sơn	2321010075	21/01/2005	Kỹ thuật dầu khí K68	
31	ĐS139	Nguyễn Trọng	Tiến	2421080114	18/08/2006	Quản Lý Tài Nguyên Môi Trường K69A	
32	ĐS140	Đỗ Quốc	Toản	2421060648	31/08/2006	Kỹ thuật robot và trí tuệ nhân tạo	
33	ĐS141	Dương Anh	Tú	2221060656	04/04/2004	Kỹ thuật ô tô B K67	
34	ĐS142	Chu Anh	Tú	2421060196	03/09/2006	cơ điện tử k69	
35	ĐS143	Nguyễn Đức	Tú	2321060557	10/05/2005	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa k68	

(Tổng số 35 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : ĐẠI SỐ

PHÒNG THI: A207

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	ĐS144	Nguyễn Minh	Tuân	2421060270	30/05/2006	Công nghệ kỹ thuật điện- điện tử K69	
2	ĐS145	Trần Văn	Tuân	2521060600	24/02/2007	Tự động hóa k70	
3	ĐS146	Nguyễn Văn	Tùng	2521070021	10/02/2007	Xây dựng công trình ngầm thành phố và hệ thống tàu điện K70	
4	ĐS147	Bùi Anh	Tùng	2521070151	06/11/2007	Kỹ thuật xây dựng-K70	
5	ĐS148	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	2521050358	09/11/2007	Công nghệ thông tin K70	
6	ĐS149	Phí Trung	Thành	2521060964	24/07/2007	Cơ điện tử K70B	
7	ĐS150	Nguyễn Văn	Thành	2521060858	01/02/2007	Cơ Điện K70	
8	ĐS151	Nguyễn Văn	Thành	2221060328	26/09/2004	Tự động hóa K67	
9	ĐS152	Nguyễn Phương	Thảo	2424010080	31/08/2006	Kế toán K69	
10	ĐS153	Trần Thị	Thảo	2324010235	21/05/2005	Kế toán K68	
11	ĐS154	Lê Thị Phương	Thảo	2524010463	01/08/2007	Kế toán k70b2	
12	ĐS155	Đỗ Mạnh	Thắng	2521060960	27/08/2007	Cơ Điện Tử K70	
13	ĐS156	Nguyễn	Thế Anh	2421060535	26/02/2006	DCCDCK69A	
14	ĐS157	Phí Quang	Thiện	2521060775	15/12/2007	kĩ thuật điện 70B2	
15	ĐS158	Nguyễn Tiến	Thịnh	2521050216	19/12/2007	Khoa học dữ liệu k70B	
16	ĐS159	Nguyễn Thị	Thu	2321060532	02/04/2005	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá k68	
17	ĐS160	Lê Thị Hoài	Thu	2421050019	17/05/2006	Công nghệ thông tin K69	
18	ĐS161	Nguyễn Thị Hoài	Thu	2424010130	15/01/2006	Kế toán K69	
19	ĐS162	Trịnh Minh	Thuỳ	2224010811	25/04/2003	DCKTCN67_02A	
20	ĐS163	Vũ Thị	Thuỳ	2521050535	19/11/2007	Công Nghệ Thông Tin K70B	
21	ĐS164	Phạm Thị Thu	Thủy	2321030163	14/10/2005	Địa tin học K68	
22	ĐS165	Nguyễn Thị	Thuỳ	2421030102	09/03/2006	Quản lý đất đai k69a	
23	ĐS166	Nguyễn Xuân	Trang	2424010218	17/01/2006	Kế Toán K69	
24	ĐS167	Huỳnh Quốc	Trung	2421010093	23/05/2006	Khoan Khai Thác K69	
25	ĐS168	Phạm Văn	Trường	2221060625	15/12/2004	DCCDKTDDT67	
26	ĐS169	Huỳnh Ngọc	Trường	2421060243	23/02/2006	Robot và trí tuệ nhân tạo K69	
27	ĐS170	Đoàn Xuân	Trường	2421060526	15/11/2006	Công nghệ kỹ thuật điện- Điện tử K69	
28	ĐS171	Đinh Văn	Trường	2421060236	10/10/2006	Robot k69	
29	ĐS172	Nguyễn Vũ Khánh	Uyên	2424010204	19/01/2006	Kế toán K69	
30	ĐS173	Trần Ngọc Tú	Uyên	2521020243	21/10/2007	Kỹ thuật địa chất K70	
31	ĐS174	Trần Thị Phương	Uyên	2421030163	19/05/2006	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản K69	
32	ĐS175	Hồ Đức	Việt	2521030002	09/04/2007	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản K70 A	
33	ĐS176	Nguyễn Tuấn	Vũ	2521060997	12/08/2007	Kỹ thuật robot K70	
34	ĐS177	Lê Thị Thảo	Vy	2421030001	26/05/2006	Quản lý đất đai K69A	
35	ĐS178	Dư Hoàng Hải	Yến	2521060393	15/03/2007	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa K70	

(Tổng số 35 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : CƠ LÝ THUYẾT

PHÒNG THI: A305

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	CLT01	Trần Việt	Anh	2421070372	20/06/2006	Kỹ thuật xây dựng K69	
2	CLT02	Nguyễn Văn	Chào	2421010100	14/02/2006	Khoan - Khai Thác K69	
3	CLT03	Trần Tiến	Chính	2421070415	14/12/2006	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp k69A	
4	CLT04	Vũ Văn	Duẩn	2221060661	03/04/2004	Ô tô K67C	
5	CLT05	Đinh Văn	Dũng	2321060042	26/03/2005	Kỹ thuật ô tô k68	
6	CLT06	Nguyễn Hữu	Đức	2421060006	16/01/2006	Cơ Điện Tử 69A	
7	CLT07	Quản Trọng	Hà	2321060437	23/11/2005	Cơ Điện Tử K68	
8	CLT08	Nguyễn Đức	Hoàng	2121060062	05/07/2003	Công nghệ chế tạo máy K66	
9	CLT09	Phạm Văn Hùng	Hùng	2521061075	26/05/2007	Kĩ thuật cơ khí k70	
10	CLT10	Nguyễn Công	Huy	2321070274	31/10/2005	Xây dựng k68	
11	CLT11	Phạm Khánh	Linh	2421060315	30/08/2006	Cơ điện tử K69	
12	CLT12	Bùi Xuân	Lộc	2421020039	16/08/2006	Địa kỹ thuật xây dựng k69	
13	CLT13	Hà Văn	Mạnh	2421070577	27/01/2004	Xây Dựng K69	
14	CLT14	Nghiêm Tuấn	Minh	2321070247	09/10/2005	Xây dựng dân dụng và công nghiệp K68	
15	CLT15	Nguyễn Hà	Nam	2421060268	07/07/2006	Cơ điện tử K69	
16	CLT16	Nguyễn Đức	Nam	2321060078	13/09/2005	Kỹ thuật ô tô k68	
17	CLT17	Nguyễn Sỹ	Ngọc	2421060145	25/04/2006	Ô tô K69	
18	CLT18	Phạm Thành	Nguyên	2421070496	01/04/2006	Xây dựng k69	
19	CLT19	Hoàng Thiên	Quân	2421060426	22/06/2006	Cơ điện tử	
20	CLT20	Ngô Duy Hồng	Quân	2321060005	07/03/2005	Oto K68	
21	CLT21	Trần Công	Thành	2421010081	25/01/2006	Khoan khai thác K69	
22	CLT22	Phùng Thị Thanh	Thúy	2321020052	08/11/2005	Địa kỹ thuật xây dựng k68	
23	CLT23	Nguyễn Văn	Vinh	2421060057	01/05/2006	Kỹ thuật ô tô k69	

(Tổng số 23 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : CƠ HỌC ĐẤT

PHÒNG THI: A305

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	CHĐ01	Nguyễn Khương	Duy	2421070003	16/09/2006	Quản lý xây dựng K69 A	
2	CHĐ02	Nguyễn Bình	Minh	25210 20323	01/11/2007	Địa kỹ thuật xây dựng (k70)	
3	CHĐ03	Phan Tấn	Nam	2321020028	19/07/2005	Kỹ thuật địa chất K68	
4	CHĐ04	Nguyễn Đình	Nguyên	2421070129	27/10/2006	Kĩ thuật xây dựng k69	
5	CHĐ05	Phùng Thị Thanh	Thúy	2321020052	08/11/2005	Địa kỹ thuật xây dựng k68	

(Tổng số 05 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : HOÁ HỌC

PHÒNG THI: A402

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	H01	Nghiêm Lan	Nhi	2221000008	17/02/2004	Hoá Dược K67	
2	H02	Ngô Trần Quốc	Anh	2521060759	26/09/2008	Cơ khí động lực k70	
3	H03	Trần Ngọc	Ánh	2321000040	28/11/2005	Hoá dược k68	
4	H04	Nguyễn Ngọc	Bảo	2421050076	14/04/2006	DCCTCT69B	
5	H05	Nguyễn Văn	Băng	2321000035	29/12/2005	Hóa Dược K68	
6	H06	Hà Thị Ngọc	Châu	2521010089	02/09/2007	Công nghệ kỹ thuật hoá học k70	
7	H07	Bùi Châu	Châu	2524010418	13/10/2007	DCKTKD70B1	
8	H08	Phạm Tô Bảo	Châu	2521000036	31/03/2007	Hoá Dược K70	
9	H09	Dương Quỳnh	Chi	2421000020	13/11/2006	Hoá dược K69	
10	H10	Phan Văn	Chiến	2321010014	12/04/2005	Công nghệ kỹ thuật K68	
11	H11	Nguyễn Thị	Dung	2321000027	12/11/2005	Hoá Dược K68	
12	H12	Đinh Thuỳ	Dung	2321000016	22/04/2005	Hoá dược K68	
13	H13	Vũ Thị Thuỳ	Dung	2321000024	09/10/2005	Hoá dược K68	
14	H14	Phan Văn	Dương	2321060523	07/05/2005	Điện điện tử K68	
15	H15	Nguyễn Hữu	Đạt	2521060264	25/08/2007	Tự động hoá k70	
16	H16	Lê Thế	Đạt	2521050395	05/08/2007	Công Nghệ Thông Tin K70	
17	H17	Trần Quốc	Đạt	2521060602	28/08/2007	Cơ điện tử k70	
18	H18	Nguyễn Văn	Đức	2521060004	05/09/2007	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hoá K70	
19	H19	Nguyễn Trường	Giang	2421040014	04/08/2006	Khai thác K69B	
20	H20	Trần Thu	Hằng	2321000003	05/10/2005	Hoá Dược K68	
21	H21	Nguyễn Minh	Hiền	2421050128	10/11/2006	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN K69	
22	H22	Tống Văn	Hiến	2421060312	01/06/2006	Kĩ thuật điều khiểu và tự động hoá K69	
23	H23	Nguyễn Chí	Hiếu	2424010037	21/05/2006	Quản lý công nghiệp K69	
24	H24	Nguyễn Trung	Hiếu	2421050108	20/07/2006	Công Nghệ Thông Tin K69B	
25	H25	Nguyễn khắc	Hiếu	2421060550	04/11/2006	Điện khí hóa mỏ k69	
26	H26	Trần Hữu	Hoàn	2421030156	27/12/2006	Quản lí đất đai k69 B	
27	H27	Vũ Việt	Hoàng	2321010033	25/11/2005	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học K68	
28	H28	Trần Công	Hùng	2321050068	17/01/2005	Hệ thống thông tin K68	
29	H29	Trần Tuấn	Hùng	2521070334	01/06/2007	Xây Dựng K70	
30	H30	Phạm Văn	Hùng	2521061075	26/05/2007	DCCDCK70A2	
31	H31	Trịnh Văn	Huy	2221010072	20/10/2004	Thiết bị dầu khí K67	
32	H32	Hồ Đăng	Huy	2321060012	07/06/2005	Cơ điện tử K68	
33	H33	Nguyễn Cao Thanh	Huyền	2421000008	22/07/2006	Hóa Dược k69	
34	H34	Trần Văn	Khoa	2521060626	30/10/2007	Công nghệ kĩ thuật điện - điện tử	
35	H35	Đặng Thị	Lanh	2421080122	21/10/2006	Hoá dược K69	
36	H36	Lê Thị Thùy	Linh	2321000005	27/11/2005	Hoá Dược K68	
37	H37	Đỗ Gia	Linh	2421000009	22/09/2006	Hoá Dược K69	
38	H38	Nguyễn Hoàng	Long	2,4521E+10	28/09/2007	Công nghệ kĩ thuật hoá học K70B	
39	H39	Nguyễn Hoàng Long	Long	2521010059	28/09/2007	Công nghệ hoá họcK79B	
40	H40	Trần Ngọc	Luân	2421060515	11/08/2006	Kĩ thuật điện k69	
41	H41	Đỗ Hương	Ly	2421050170	01/07/2006	Công nghệ thông tin K69	
42	H42	Hoàng Thị Ngọc	Mai	2224010967	09/08/2004	Kế Toán K67	
43	H43	Phạm Văn	Mạnh	2521050365	20/07/2007	Công nghệ thông tin C K70	
44	H44	Nguyễn Duy	Mạnh	2421060624	03/06/2006	Điện hoá mỏ K69	
45	H45	Nguyễn Bình	Minh	2521020323	01/11/2007	Địa kỹ thuật xây dựng k70	
46	H46	Dương Thị Hương	Mơ	2321000030	23/03/2005	Hoá dược K68	
47	H47	Trần Thảo	Nguyên	2324010166	24/12/2005	Thương Mại Điện Tử K68	
48	H48	Hoàng Trần	Nhật	2521060039	01/12/2007	Kĩ thuật điều khiển tự động hoá K70	
49	H49	Hoàng Việt	Nhật	2521060333	03/01/2007	Kĩ thuật điều khiển và tự động hóa K70	
50	H50	Phạm Văn	Phương	2421060264	04/10/2005	Kỹ thuật điện K69	
51	H51	Bùi Thị Hồng	Phương	2521000368	12/08/2007	Hoá Dược K70	
52	H52	Phạm Minh	Quang	2421060041	28/06/2006	Cơ Điện tử K69	
53	H53	Nguyễn Đình	Quang	2421060587	05/07/2006	Điện Công Nghiệp C K69	
54	H54	Vũ Minh	Quân	2521000115	29/09/2007	Hoá Dược K70	
55	H55	Cao Thị Thu	Quyên	2321050058	06/03/2005	Hệ thống thông tin K68	
56	H56	Bùi Đức	Sơn	2321010079	27/05/2005	Công nghệ kỹ thuật hóa học K68	
57	H57	Nguyễn Anh	Tài	2421060440	01/11/2006	Mỏ địa chất k69	
58	H58	Nguyễn Danh	Tiến	2221050229	01/07/2004	Khoa học máy tính ứng dụng K67A	
59	H59	Trương Ngọc	Toan	2221010001	24/12/2004	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học K67	

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
60	H60	Phạm Toàn	Toàn	2221060038	05/11/2004	TỰ ĐỘNG HÓA A K67	
61	H61	Lê Thị Cẩm	Tú	2321050008	02/11/2005	Công Nghệ Phần Mềm K68	
62	H62	Nguyễn Lê Anh	Tuấn	2421010013	08/08/2006	Chương trình tiên tiến K69	
63	H63	Nguyễn Ngọc	Tuấn	2421050114	19/04/2006	DCCTCT69B	
64	H64	Nguyễn Viết	Tuấn	2421060579	07/01/2006	Điện khí hoá mỏ k69	
65	H65	Nguyễn Quyền Phương	Thảo	3221000008	21/02/2005	Hoad dược k68	
66	H66	Đặng Ngọc	Thắng	2421050184	05/10/2006	Công nghệ thông tin K69	
67	H67	Phạm Quang	Thọ	2421050106	26/03/2006	Công nghệ thông tin B K69	
68	H68	Nguyễn Trịnh Kiều	Trang	2321000010	09/02/2005	Hoá Dược K68	
69	H69	Đỗ Thanh	Trúc	2412030077	06/04/2006	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ K69	
70	H70	Trần Đức	Trung	2321000033	03/09/2005	Hoá Dược K68	
71	H71	Trần Thuý	Vân	2324010121	04/09/2005	Tài chính ngân hàng k68	
72	H72	Trần Khánh	Vân	2321000013	11/03/2005	Hoá dược K68	
73	H73	Bùi Đình	Vương	2421030220	28/06/2006	Quản Lý Đất Đai K69A	
74	H74	Nguyễn Thị Kim	Yến	2421050169	08/04/2006	Công nghệ thông tin K69	

(Tổng số 74 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : CHI TIẾT MÁY

PHÒNG THI: B204

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	CTM01	Nguyễn Tiến	An	2321060304	11/01/2005	Cơ khí k68	
2	CTM02	Phạm Xuân	Anh	2321060292	09/10/2005	Kỹ thuật Cơ khí k68	
3	CTM03	Ngô Ngọc	Anh	2321060084	26/03/2005	Chế tạo máy K68	
4	CTM04	Nguyễn Thế	Anh	2421060534	26/02/2006	Công nghệ chế tạo máy K69A	
5	CTM05	Lê Hoàng	Anh	2321060010	14/12/2005	Công nghệ chế tạo máy K68	
6	CTM06	Hoàng Công	Ánh	2221060325	28/02/2004	Công nghệ chế tạo máy K67A	
7	CTM07	Nguyễn Như	Bình	2321060531	06/07/2005	Điện công nghiệp k68	
8	CTM08	Nguyễn Tiến	Dũng	2221060473	16/07/2004	Cơ khí chế tạo máy B k 67	
9	CTM09	Ngô Quỳnh	Dương	2421060505	20/09/2006	Công Nghệ Chế Tạo Máy K69A	
10	CTM10	Đào Tiến	Đạt	2421060204	30/05/2006	Cơ Khí K69	
11	CTM11	Lê Thành	Đạt	2321060344	25/11/2005	Công nghệ chế tạo máy K68	
12	CTM12	Nguyễn Thế	Đức	2321060015	23/07/2005	Cơ khí K68	
13	CTM13	Hoàng Văn	Đức	2221060201	18/10/2004	Công nghệ chế tạo máy K67A	
14	CTM14	Nguyễn Văn	Hà	2321060358	26/08/2005	Cơ khí động lực K68	
15	CTM15	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	2421060187	07/07/2006	Kỹ thuật Robot và Trí tuệ nhân tạo K69	
16	CTM16	Trần Quang	Hải	2221060128	12/09/2004	Công nghệ chế tạo máy K67B	
17	CTM17	Lê Đức	Hiệp	2221060592	17/09/2004	Công nghệ chế tạo máy K67A	
18	CTM18	Vũ Mạnh	Hiếu	2221060319	15/12/2004	Công nghệ chế tạo máy k67b	
19	CTM19	Nguyễn Công	Hoà	2321060246	31/01/2005	Công nghệ chế tạo máy K68	
20	CTM20	Dương Thị	Hoà	2421060365	08/09/2006	Kỹ thuật ROBOT và Trí tuệ nhân tạo K69	
21	CTM21	Nguyễn Đình	Hùng	2221060304	30/09/2004	Cơ khí chế tạo máy k67	
22	CTM22	Nguyễn Văn	Huy	2221060285	23/10/2004	Cơ khí chế tạo máy K67	
23	CTM23	Trần Chí	Khải	2321060386	07/08/2004	Kỹ thuật cơ khí K68	
24	CTM24	Phạm Văn	Long	2321060028	06/07/2005	Cơ Khí Chế Tạo Máy K68	
25	CTM25	Hà Văn	Long	2321060338	20/04/2004	Công nghệ chế tạo máy k68	
26	CTM26	Đinh Văn	Long	2321060441	10/08/2005	Kĩ Thuật Cơ Khí K68	
27	CTM27	Nguyễn Văn	Lợi	2221060469	25/10/2004	Công nghệ chế tạo máy k67B	
28	CTM28	Phạm Đức	Mạnh	2321060348	06/06/2005	Cơ khí K68	
29	CTM29	Nguyễn Trọng Bảo	Ngọc	2221060243	09/02/2004	Cơ Khí K67	
30	CTM30	Nguyễn Huy	Phong	2321060068	11/05/2005	Cơ Khí K68	
31	CTM31	Nguyên Văn	Quang	2221060377	29/08/2004	Công Nghệ Chế Tạo Máy K67-B	
32	CTM32	Phạm Văn	Quảng	2321060363	20/06/2005	Công Nghệ Chế Tạo Máy K68	
33	CTM33	Bùi Văn	Quý	2321060359	29/08/2005	Chế tạo máy K68	
34	CTM34	Nguyễn Văn	Sáng	2321060048	22/04/2005	Cơ Khí - Chế tạo máy K68	
35	CTM35	Nông Văn	Tiến	2221060457	18/06/2004	Công Nghệ Chế Tạo Máy K67B	
36	CTM36	Trần Văn	Tiến	2221060198	20/04/2004	Chế tạo máy k67B	
37	CTM37	Phạm Vũ Minh	Tú	2221060041	24/09/2004	Công nghệ chế tạo máy k67B	
38	CTM38	Đào Đức	Thống	2521060638	14/10/2007	Cơ khí động lực K70	
39	CTM39	Nguyễn Văn	Vĩnh	2221060638	14/03/2026	công nghệ chế tạo máy K67	

(Tổng số 39 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : THUỶ LỰC

PHÒNG THI: B204

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	TL01	Hoàng Minh	Chiến	2321060436	17/06/2005	Cơ khí động lực	
2	TL02	Đào Văn	Chiến	2321060366	12/11/2005	Cơ khí động lực k68	
3	TL03	Lê Minh	Dũng	2321060047	19/04/2005	Kĩ thuật cơ khí động lực	
4	TL04	Phạm Minh	Hiếu	2421030255	25/03/2005	Quản lí phát triển đô thị và bất động	
5	TL05	Đinh Việt	Hùng	2221060802	13/06/2004	Cơ khí động lực k67	
6	TL06	Nguyễn Bật	Minh	2321060018	03/11/2005	Động Lực K68	
7	TL07	Nguyễn Văn Hoàng	Phúc	2321060376	14/12/2005	Kỹ thuật Cơ Khí K68	
8	TL08	Nguyễn Doãn	Quân	2421060388	26/12/2006	Kỹ thuật cơ khí k69	
9	TL09	Lê Xuân	Tùng	2421060547	11/03/2006	Kỹ thuật cơ khí K69	
10	TL10	Lê Văn	Thịnh	2221060501	15/03/2004	Cơ khí k67	
11	TL11	Nguyễn Văn	Vinh	2421060337	07/01/2004	Cơ khí K69	

(Tổng số 11 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

(theo Quyết định số 395/QĐ-MĐC ngày 12/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Môn thi : HÌNH HOẠ

PHÒNG THI: B205

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	HH01	Trần Bình	An	2421050130	23/03/2006	Công nghệ Thông tin K69	
2	HH02	Nguyễn Thành	An	2221070016	07/08/2004	DCXDXD67-02	
3	HH03	Đào Quốc	An	2321060302	17/07/2005	CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC K68	
4	HH04	Hoàng Tuấn	Anh	2421020085	30/12/2005	Kỹ thuật địa chất k69	
5	HH05	Nguyễn Hoàng	Anh	2521070442	26/09/2007	Xây dựng K70	
6	HH06	Âu Thị Lan	Anh	2421030086	12/01/2005	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản 69A	
7	HH07	Nguyễn Ngọc	Anh	2421030035	05/08/2006	Quản Lý Đô Thị Và Bất Động Sản k69	
8	HH08	Trần Minh	Anh	2421060471	05/12/2006	Công nghệ chế tạo máy K69	
9	HH09	Lê Ngọc Trang	Anh	2424010137	09/07/2006	Quản trị kinh doanh K69	
10	HH10	Nguyễn Thị Phương	Anh	2221020038	16/12/2004	Địa chất học K67	
11	HH11	Chu Ngọc	Anh	2421030003	30/11/2006	Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản	
12	HH12	Nguyễn Duy	Anh	2421070065	19/10/2006	Hạ Tầng Cơ Sở K69	
13	HH13	Nguyễn Hoàng	Anh	2421070612	12/06/2005	Xây dựng K69	
14	HH14	Lê Thị	Ánh	2424010030	06/12/2006	Tài chính ngân hàng k69	
15	HH15	Phạm Ngọc	Ánh	2421070155	10/11/2006	Xây dựng k69	
16	HH16	Nguyễn Hoàng	Anh	2421070068	23/10/2006	Xây dựng công trình ngầm k69	
17	HH17	Nguyễn Gia	Bách	2224010192	19/08/2004	Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng B K67	
18	HH18	Nguyễn Lâm Thái	Bảo	2421070300	03/02/2006	Kỹ Thuật Xây Dựng K69	
19	HH19	Dương Thanh	Bình	2421070211	13/10/2006	xây dựng k69	
20	HH20	Hồ Sỹ	Cường	2321010087	10/04/2005	Khoan khai thác k68	
21	HH21	Nguyễn Doãn	Danh	2421010110	14/07/2006	Thiết bị dầu khí k69	
22	HH22	Nguyễn Tiến	Dũng	2221060473	16/07/2004	Cơ khí chế tạo máy K67	
23	HH23	Phạm Văn	Dũng	2421030094	17/06/2006	Địa Tin Học k69	
24	HH24	Lê Anh	Dũng	2421060142	03/01/2006	Cơ khí k69	
25	HH25	Vũ Văn Anh	Dũng	2421070512	26/09/2006	Xây dựng dân dụng và công nghiệp k69	
26	HH26	Trần Xuân	Dự	2221060004	29/04/2004	DCCDOTO67A	
27	HH27	Nguyễn Tiến	Đạt	2321020121	02/10/2005	Địa kỹ thuật xây dựng K68	
28	HH28	Phạm Minh	Đức	2421060192	07/09/2006	Robot K69	
29	HH29	Hà Văn	Đức	2221070119	24/12/2004	DCXDXD67 04	
30	HH30	Trương Hoàng	Hải	2221010069	23/07/2004	Kĩ thuật ô tô A K67	
31	HH31	Lê Thị Dịu	Hiền	2224010734	02/05/2004	Kế toán K67 B1	
32	HH32	Nguyễn Hoàng	Hiệp	2321010032	01/12/2005	Khoan khai thác k68	
33	HH33	Nông Phương	Hoàn	2421030248	28/07/2006	DCTDQDTBDS69A	
34	HH34	Trần Huy	Hoàng	2421030193	02/08/2006	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản K69A	
35	HH35	Dương Văn	Huân	2421030251	25/04/2006	Địa tin học k69	
36	HH36	Lê Hùng	Hùng	2521070122	28/08/2007	Kỹ thuật xây dựng K70	
37	HH37	Phạm Anh	Huy	2521080129	26/10/2007	Quản lý tài nguyên môi trường K70	
38	HH38	Ngô Quang	Huy	2421060003	13/02/2006	Công Nghệ Chế Tạo Máy-03A K69	
39	HH39	Bùi Huy	Huy	2321060492	25/06/2005	Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử K68	
40	HH40	Đậu Thị	Hương	2321010102	13/05/2005	Địa chất dầu khí K68	
41	HH41	Nông Lương	Khanh	2521070195	12/04/2007	Kỹ thuật xây dựng K70	
42	HH42	Nguyễn Vân	Khánh	2521040112	10/03/2007	An Toàn Vệ Sinh Lao Động K70	
43	HH43	Lưu Thị Nhật	Lệ	2421020041	11/08/2005	Kỹ thuật địa chất K69	
44	HH44	Nguyễn Huyền	Linh	2424010251	20/10/2006	Tài Chính Ngân Hàng K69	
45	HH45	Phạm Khánh	Linh	2421060315	30/08/2006	Cơ điện tử K69	
46	HH46	Trần Đoàn Nhật	Linh	2224010831	02/02/2004	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng K67B	
47	HH47	Trần Văn	Long	2221040054	13/02/2004	An toàn vệ sinh lao động k67	
48	HH48	Nguyễn Khánh	Long	2421070545	26/11/2006	Kĩ thuật xây dựng dân dụng và công nghiệp k69	
49	HH49	Hoàng Phương	Ly	2421010132	30/05/2006	Lớp Địa Chất Dầu Khí K69	
50	HH50	Trần Tiến	Mạnh	2421060581	07/07/2006	Cơ điện tử B K69	
51	HH51	Dương Tiến	Mạnh	2321020100	28/07/2005	Địa kĩ thuật xây dựng	
52	HH52	Bùi Hải	Minh	2224010665	22/07/2004	Kế toán K67	
53	HH53	Trần Trọng	Nghĩa	2421070313	15/08/2004	Xây dựng K69	

STT	Số báo danh	Họ + tên đệm	Tên	Mã số sinh viên	Ngày sinh	Tên lớp	Ghi chú
54	HH54	Phạm Tuấn	Nhất	2221070088	08/01/2004	xây dựng k67	
55	HH55	Nguyễn Đức	Nhật	2421060033	30/08/2006	Kỹ thuật ô tô K69	
56	HH56	Đỗ Xuân	Nhật	2421060259	26/01/2006	Công nghệ kĩ thuật điện, điện tử k69	
57	HH57	Nguyễn Hoàng Xuân	Nhi	2221030077	13/12/2003	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản K67	
58	HH58	Trần Quang	Quyết	2421030126	12/11/2006	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản K69A	
59	HH59	Vũ Quang	Sáng	2321010120	08/09/2005	Khoan khai thác K68	
60	HH60	Lê Hồng	Sơn	2421060461	13/04/2006	Kỹ thuật Ô tô K69	
61	HH61	Hoàng Nhân	Sơn	2421070217	21/09/2006	xây dựngk69	
62	HH62	Trần Văn	Tân	2521060060	10/04/2007	Kĩ thuật cơ khí K70B1	
63	HH63	Lê Thế	Toàn	2221070021	24/03/2004	xây dựng k67	
64	HH64	Tạ Hợp	Tuân	2421070311	22/04/2006	Cơ sở hạ tầng k69	
65	HH65	Đỗ Ngọc	Tuyền	2421070408	16/09/2006	Công trình ngầm k69	
66	HH66	Vũ Tiến	Thành	2321010112	24/09/2005	Khoan khai thác K68	
67	HH67	Vũ Hùng	Thắng	2221070137	15/02/2004	Hạ Tầng K67	
68	HH68	Tạ Ngọc	Thịnh	2321030189	14/05/2005	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản K68	
69	HH69	Nguyễn Thị Diệu	Thuỳ	2421030136	25/01/2006	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản k69	
70	HH70	Nguyễn Thị Minh	Thư	2421030012	24/08/2006	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản k69	
71	HH71	Trần Thị Phương	Uyên	2421030163	19/05/2006	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản K69	
72	HH72	Trịnh Quang	Việt	2421060521	29/12/2006	Kỹ thuật cơ khí động lực K69	
73	HH73	Vũ Đình Anh	Việt	2521070048	02/08/2007	kĩ thuật xây dựng K70A2	
74	HH74	Dương Văn	Vinh	2221060089	01/09/2004	Công Nghệ Kỹ Thuật Điện-Điện Tử K67	
75	HH75	Nguyễn Thị Hải	Yến	2421070301	04/07/2006	kĩ thuật xây dựng cơ sở hạ tầng k69B	

(Tổng số 75 sinh viên)